Phụ lục I
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO, BIỂU MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH PHỤC VỤ MỤC TIÊU QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

Biểu mẫu số 01

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả hoạt động du lịch, đối ngoại tháng……

I. Khái quát chung

II. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

1. Thực hiện các chỉ tiêu về du lịch

2. Công tác quản lý nhà nước

a. Xây dựng và ban hành văn bản quản lý nhà nước

b. Công tác xây dựng, hoàn thiện các văn bản, chính sách được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện

c. Hoạt động kiểm tra chuyên ngành

- Hoạt động kiểm tra lĩnh vực du lịch/ngoại vụ
- Công tác tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo…

d. Quản lý hoạt động lữ hành và hướng dẫn viên

e. Quản lý cơ sở lưu trú du lịch

f. Quản lý khu, điểm và cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác

g. Hoạt động du lịch tại các địa phương

h. Hoạt động quảng bá, xúc tiến, thông tin và chuyển đổi số

- Quảng bá, xúc tiến và thông tin du lịch
- Hoạt động thông tin đối ngoại
- Hoạt động truyền thông, chuyển đổi số

i. Hoạt động liên kết, hợp tác thỏa thuận quốc tế

- Liên kết, hợp tác địa phương/vùng biên/trong nước
- Liên kết, ký kết và hợp tác thỏa thuận quốc tế/tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh An Giang

j. Phát triển sản phẩm du lịch

- Xây dựng, phát triển sản phẩm du lịch
- Điều tra tài nguyên du lịch

k. Quy hoạch/Đề án/Dự án đầu tư /Dự án tổ chức viện trợ Phi Chính phủ nước ngoài

- Tiến độ thực hiện Đề án/Dự án đầu tư/Dự án viện trợ Phi Chính phủ nước ngoài
- Số vốn đầu tư/quy hoạch đầu tư

l. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

m. Công tác đối ngoại

- Quản lý đoàn ra/đoàn vào
- Kết quả hoạt động đối ngoại/kinh tế đối ngoại/văn hóa đối ngoại
- Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài

n. Công tác biên giới lãnh thổ

- Kết quả triển khai công tác phân giới, cắm mốc biên giới đất liền
- Quản lý, khai thác và bảo vệ biển tại địa phương/tuyên truyền pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chủ quyền biển, đảo
- Hoạt động lãnh sự và bảo hộ công dân

o. Hoạt động APEC 2027

3. Các hoạt động nghiệp vụ tổng hợp Sở

III. Phương hướng, nhiệm vụ tháng…..

IV. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

Nơi nhận:
-
- …

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Biểu mẫu số 02

Tên cơ quan cấp trên	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Tên cơ quan báo cáo	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả hoạt động du lịch quý…/ năm……

I. Khái quát chung

II. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

1. Thực hiện các chỉ tiêu về du lịch

2. Công tác quản lý nhà nước

a. Xây dựng và ban hành văn bản quản lý nhà nước

b. Công tác xây dựng, hoàn thiện các văn bản, chính sách được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện

c. Hoạt động kiểm tra chuyên ngành

- Hoạt động kiểm tra lĩnh vực du lịch/ngoại vụ
- Công tác tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo…

d. Quản lý hoạt động lữ hành và hướng dẫn viên

e. Quản lý cơ sở lưu trú du lịch

f. Quản lý khu, điểm và cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác

g. Hoạt động du lịch tại các địa phương

h. Hoạt động quảng bá, xúc tiến, thông tin và chuyển đổi số

- Quảng bá, xúc tiến và thông tin du lịch
- Hoạt động thông tin đối ngoại
- Hoạt động truyền thông, chuyển đổi số

i. Hoạt động liên kết, hợp tác thỏa thuận quốc tế

- Liên kết, hợp tác địa phương/vùng biên/trong nước
- Liên kết, ký kết và hợp tác thỏa thuận quốc tế/tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh An Giang

j. Phát triển sản phẩm du lịch

- Xây dựng, phát triển sản phẩm du lịch
- Điều tra tài nguyên du lịch

k. Đề án/Dự án đầu tư /Dự án tổ chức viện trợ Phi Chính phủ nước ngoài

- Tiến độ thực hiện Đề án/Dự án đầu tư/Dự án viện trợ Phí Chính phủ nước ngoài
- Số vốn đầu tư/quy hoạch đầu tư

l. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

m. Công tác đối ngoại

- Quản lý đoàn ra/đoàn vào

- Kết quả hoạt động đối ngoại/kinh tế đối ngoại/văn hóa đối ngoại

- Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài

n. Công tác biên giới lãnh thổ

- Kết quả triển khai công tác phân giới, cắm mốc biên giới đất liền

- Quản lý, khai thác và bảo vệ biển tại địa phương/tuyên truyền pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chủ quyền biển, đảo

- Hoạt động lãnh sự và bảo hộ công dân

o. Hoạt động APEC 2027

3. Các hoạt động nghiệp vụ tổng hợp Sở

III. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

2. Khó khăn, vướng mắc

IV. Phương hướng, nhiệm vụ quý tiếp theo…..

V. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

Nơi nhận:
-
- …

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Biểu mẫu số 03

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả hoạt động du lịch năm….

I. Khái quát chung

II. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

1. Thực hiện các chỉ tiêu về du lịch

2. Công tác chỉ đạo, điều hành

3. Công tác quản lý nhà nước

a. Xây dựng và ban hành văn bản quản lý nhà nước

b. Công tác xây dựng, hoàn thiện các văn bản, chính sách được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện

c. Hoạt động kiểm tra chuyên ngành

- Hoạt động kiểm tra lĩnh vực du lịch/ngoại vụ
- Công tác tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo…

d. Quản lý hoạt động lữ hành và hướng dẫn viên

e. Quản lý cơ sở lưu trú du lịch

f. Quản lý khu, điểm và cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác

g. Hoạt động du lịch tại các địa phương

h. Hoạt động quảng bá, xúc tiến, thông tin và chuyển đổi số

- Quảng bá, xúc tiến và thông tin du lịch
- Hoạt động thông tin đối ngoại
- Hoạt động truyền thông, chuyển đổi số

i. Hoạt động liên kết, hợp tác thỏa thuận quốc tế

- Liên kết, hợp tác địa phương/vùng biên/trong nước
- Liên kết, ký kết và hợp tác thỏa thuận quốc tế/tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh An Giang

j. Phát triển sản phẩm du lịch

- Xây dựng, phát triển sản phẩm du lịch
- Điều tra tài nguyên du lịch

k. Đề án/Dự án đầu tư/Dự án tổ chức viện trợ Phi Chính phủ nước ngoài

- Tiến độ thực hiện Đề án/Dự án đầu tư/Dự án viện trợ Phí Chính phủ nước ngoài
- Số vốn đầu tư/quy hoạch đầu tư

l. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

m. Công tác đối ngoại

- Quản lý đoàn ra/đoàn vào

- Kết quả hoạt động đối ngoại/kinh tế đối ngoại/văn hóa đối ngoại

- Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài

n. Công tác biên giới lãnh thổ

- Kết quả triển khai công tác phân giới, cắm mốc biên giới đất liền

- Quản lý, khai thác và bảo vệ biển tại địa phương/tuyên truyền pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chủ quyền biển, đảo

- Hoạt động lãnh sự và bảo hộ công dân

o. Hoạt động APEC 2027

4. Các hoạt động nghiệp vụ tổng hợp Sở

III. Đánh giá chung

1. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện so với kế hoạch
2. Khó khăn, tồn tại
3. Nguyên nhân khó khăn

IV. Phương hướng, nhiệm vụ năm tiếp theo…..

- Phương hướng chung/chỉ tiêu thực hiện của năm tiếp theo

- Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện

V. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

Nơi nhận:
-
- …

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Biểu mẫu số 04

Tên cơ quan cấp trên	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Tên cơ quan báo cáo	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO 06 THÁNG

Thực hiện Nghị định số 227/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về thúc đẩy tham gia tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác; hội nhập quốc tế của địa phương; khoán chi nghiên cứu phục vụ hội nhập quốc tế và một số cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 250/2025/QH15

(Lưu ý: giai đoạn báo cáo tính từ …/…/… đến …/…/…)

Báo cáo gồm các nội dung chính như sau:

I. Tình hình tham gia tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác không thông qua ký kết thỏa thuận quốc tế, điều ước quốc tế năm […]

***1. Tình hình tham gia trong năm* […]**

- Thống kê số lượng, thời gian, tên gọi, lĩnh vực các tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác tham gia không thông qua ký kết thỏa thuận quốc tế, điều ước quốc tế năm **[…]**, gồm:

(i) Các tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác đang tham gia nhân danh Chính phủ do Quý Cơ quan đề xuất ký (đối với bộ, cơ quan ngang bộ);

(ii) Các tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác đang tham gia nhân danh bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không thông qua việc ký kết thỏa thuận quốc tế;

(iii) Các cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác đang tham gia nhân danh Ủy ban nhân dân cấp xã không thông qua việc ký kết thỏa thuận quốc tế (đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

(iv) Việc chấm dứt, tạm đình chỉ việc tham gia tổ chức, cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác.

2. Kế hoạch tham gia trong năm* […] *và kế hoạch dài hạn

- Thống kê số lượng, thời gian, tên gọi, lĩnh vực các tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác tham gia không thông qua ký kết thỏa thuận quốc tế, điều ước quốc tế dự kiến tham gia trong năm **[…]** và đến ngày 31/12/2030, gồm:

(i) Các tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác dự kiến tham gia nhân danh Chính phủ do Quý Cơ quan đề xuất ký (đối với bộ, cơ quan ngang bộ);

(ii) Các tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác dự kiến tham gia nhân danh bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không thông qua việc ký kết thỏa thuận quốc tế;

(iii) Các cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác dự kiến tham gia nhân danh Ủy ban nhân dân cấp xã không thông qua việc ký kết thỏa thuận quốc tế (đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

(iv) Dự kiến kế hoạch chấm dứt, tạm đình chỉ việc tham gia tổ chức, cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác trong năm **[…]** hoặc cho đến ngày 31/12/2030.

3. Đánh giá việc thực hiện thủ tục theo quy định của pháp luật

Nêu đánh giá việc tuân thủ quy định của pháp luật về việc tham gia tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác không thông qua ký kết thỏa thuận quốc tế, điều ước quốc tế theo Nghị định số 227/2026/NĐ-CP, đặc biệt là những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện thủ tục và đề xuất giải pháp tháo gỡ vướng mắc.

II. Tình hình thí điểm thành lập văn phòng đại diện của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở nước ngoài[1]

1. Tình hình và kết quả thí điểm thành lập văn phòng đại diện của UBND cấp tỉnh ở nước ngoài

- Thống kê số lượng văn phòng đại diện đã thành lập hoặc dự kiến thành lập, thời gian thành lập, địa phương và quốc gia nơi thành lập văn phòng đại diện, biên chế và nhiệm vụ được giao.

- Nêu ngắn gọn tình hình triển khai thành lập và hoạt động của văn phòng đại diện.

2. Đánh giá tình hình thực hiện

- Đánh giá tính hiệu quả; thuận lợi, khó khăn,

- Nguyên nhân các vướng mắc, tồn tại.

- Kiến nghị giải pháp tháo gỡ vướng mắc.

III. Tình hình thực hiện khoán chi nghiên cứu phục vụ hội nhập quốc tế trong năm […]

***1. Tình hình triển khai năm* […]**

Thống kê số lượng, phân loại nghiên cứu (chiến lược quốc gia; sáng kiến hội nhập; chiến lược trọng tâm của bộ, ngành, địa phương), tên gọi, cấp có thẩm quyền ban hành, thời gian thực hiện và định mức khoán chi của các nhiệm vụ nghiên cứu chiến lược về hội nhập quốc tế, nghiên cứu thúc đẩy sáng kiến hội nhập quốc tế mà Quý Cơ quan chủ trì thực hiện theo phương thức khoán chi tại Nghị quyết số 250/2025/QH15 và Nghị định số 227/2026/NĐ-CP.

---

[1] Nội dung báo cáo đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; bộ, cơ quan ngang bộ có thể cung cấp thêm thông tin, đánh giá trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình nếu cần thiết.

2. Đánh giá tình hình thực hiện

- Nêu những thuận lợi, khó khăn,

- Đánh giá nguyên nhân phát sinh các vướng mắc, tồn tại.

- Kiến nghị giải pháp tháo gỡ vướng mắc.

IV. Các cơ chế, chính sách đặc thù khác tại Chương V Nghị định số 227/2026/NĐ-CP

Quý Cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình và nếu thấy cần thiết nêu ngắn gọn tình hình, đánh giá, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện với các cơ chế, chính sách đặc thù khác tại Chương V Nghị định số 227/2026/NĐ-CP bao gồm: (i) Dành quyền ưu đãi, miễn trừ, thuận lợi cho tổ chức quốc tế, văn phòng nước ngoài, phái đoàn đặc biệt; (ii) Triển khai dự án mua bất động sản và dự án xây dựng công trình của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

V. Báo cáo, kiến nghị khác (nếu có)./.

Biểu mẫu số 05

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO NĂM

Thực hiện Nghị định số 227/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về thúc đẩy tham gia tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác; hội nhập quốc tế của địa phương; khoán chi nghiên cứu phục vụ hội nhập quốc tế và một số cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 250/2025/QH15

(Lưu ý: giai đoạn báo cáo tính từ …/…/… đến …/…/…)

Báo cáo gồm các nội dung chính như sau:

I. Tình hình tham gia tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác không thông qua ký kết thỏa thuận quốc tế, điều ước quốc tế năm […]

***1. Tình hình tham gia trong năm* […]**

- Thống kê số lượng, thời gian, tên gọi, lĩnh vực các tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác tham gia không thông qua ký kết thỏa thuận quốc tế, điều ước quốc tế năm **[…]**, gồm:

(i) Các tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác đang tham gia nhân danh Chính phủ do Quý Cơ quan đề xuất ký (đối với bộ, cơ quan ngang bộ);

(ii) Các tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác đang tham gia nhân danh bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không thông qua việc ký kết thỏa thuận quốc tế;

(iii) Các cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác đang tham gia nhân danh Ủy ban nhân dân cấp xã không thông qua việc ký kết thỏa thuận quốc tế (đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

(iv) Việc chấm dứt, tạm đình chỉ việc tham gia tổ chức, cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác.

2. Kế hoạch tham gia trong năm* […] *và kế hoạch dài hạn

- Thống kê số lượng, thời gian, tên gọi, lĩnh vực các tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác tham gia không thông qua ký kết thỏa thuận quốc tế, điều ước quốc tế dự kiến tham gia trong năm **[…]** và đến ngày 31/12/2030, gồm:

(i) Các tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác dự kiến tham gia nhân danh Chính phủ do Quý Cơ quan đề xuất ký (đối với bộ, cơ quan ngang bộ);

(ii) Các tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác dự kiến tham gia nhân danh bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không thông qua việc ký kết thỏa thuận quốc tế;

(iii) Các cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác dự kiến tham gia nhân danh Ủy ban nhân dân cấp xã không thông qua việc ký kết thỏa thuận quốc tế (đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

(iv) Dự kiến kế hoạch chấm dứt, tạm đình chỉ việc tham gia tổ chức, cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác trong năm **[…]** hoặc cho đến ngày 31/12/2030.

3. Đánh giá việc thực hiện thủ tục theo quy định của pháp luật

Nêu đánh giá việc tuân thủ quy định của pháp luật về việc tham gia tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác không thông qua ký kết thỏa thuận quốc tế, điều ước quốc tế theo Nghị định số 227/2026/NĐ-CP, đặc biệt là những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện thủ tục và đề xuất giải pháp tháo gỡ vướng mắc.

II. Tình hình thí điểm thành lập văn phòng đại diện của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở nước ngoài[2]

1. Tình hình và kết quả thí điểm thành lập văn phòng đại diện của UBND cấp tỉnh ở nước ngoài

- Thống kê số lượng văn phòng đại diện đã thành lập hoặc dự kiến thành lập, thời gian thành lập, địa phương và quốc gia nơi thành lập văn phòng đại diện, biên chế và nhiệm vụ được giao.

- Nêu ngắn gọn tình hình triển khai thành lập và hoạt động của văn phòng đại diện.

2. Đánh giá tình hình thực hiện

- Đánh giá tính hiệu quả; thuận lợi, khó khăn,

- Nguyên nhân các vướng mắc, tồn tại.

- Kiến nghị giải pháp tháo gỡ vướng mắc.

III. Tình hình thực hiện khoán chi nghiên cứu phục vụ hội nhập quốc tế trong năm […]

***1. Tình hình triển khai năm* […]**

Thống kê số lượng, phân loại nghiên cứu (chiến lược quốc gia; sáng kiến hội nhập; chiến lược trọng tâm của bộ, ngành, địa phương), tên gọi, cấp có thẩm quyền ban hành, thời gian thực hiện và định mức khoán chi của các nhiệm vụ nghiên cứu chiến lược về hội nhập quốc tế, nghiên cứu thúc đẩy sáng kiến hội nhập quốc tế mà Quý Cơ quan chủ trì thực hiện theo phương thức khoán chi tại Nghị quyết số 250/2025/QH15 và Nghị định số 227/2026/NĐ-CP.

---

[2] Nội dung báo cáo đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; bộ, cơ quan ngang bộ có thể cung cấp thêm thông tin, đánh giá trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình nếu cần thiết.

2. Đánh giá tình hình thực hiện

- Nêu những thuận lợi, khó khăn,

- Đánh giá nguyên nhân phát sinh các vướng mắc, tồn tại.

- Kiến nghị giải pháp tháo gỡ vướng mắc.

IV. Các cơ chế, chính sách đặc thù khác tại Chương V Nghị định số 227/2026/NĐ-CP

Quý Cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình và nếu thấy cần thiết nêu ngắn gọn tình hình, đánh giá, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện với các cơ chế, chính sách đặc thù khác tại Chương V Nghị định số 227/2026/NĐ-CP bao gồm: (i) Dành quyền ưu đãi, miễn trừ, thuận lợi cho tổ chức quốc tế, văn phòng nước ngoài, phái đoàn đặc biệt; (ii) Triển khai dự án mua bất động sản và dự án xây dựng công trình của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

V. Báo cáo, kiến nghị khác (nếu có)./.

Biểu mẫu số 06

Tên cơ quan cấp trên
Tên cơ quan báo cáo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC- …..

……, ngày ... tháng ... năm 20 ...

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Triển khai thực hiện Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh An Giang

I. Kết quả thực hiện

II. Khó khăn, vướng mắc

III. Đề xuất kiến nghị

Nhiệm vụ NQ59									
Tên nhiệm vụ	Sản phẩm, Kết quả yêu cầu	Thời hạn hoàn thành	Tiến độ (%)	Kết quả (Đã hoàn thành/ Đang thực hiện/ Chưa thực hiện	Ngày hoàn thành thực tế	Mô tả	Khó khăn, vướng mắc	Đề xuất kiến nghị	File sở cứ đính kèm
Kết hợp tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế; chủ động hình thành phương án, biện pháp phòng, chống việc lợi dụng hội nhập quốc tế để xâm phạm an ninh quốc gia, bảo đảm giải quyết, xử lý hiệu quả các tình huống gây mất an ninh trật tự liên quan đến yếu tố nước ngoài tại các địa phương	Phương án, biện pháp								

Tích cực vận động hỗ trợ kỹ thuật và tài chính một cách chủ động, có trọng tâm, trọng điểm để phục vụ triển khai các nhiệm vụ hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế chưa được bố trí đủ kinh phí.	Báo cáo								
Xây dựng và triển khai hiệu quả các chiến lược/kế hoạch hội nhập quốc tế theo ngành, lĩnh vực. Lồng ghép các nhiệm vụ hội nhập quốc tế vào trong chương trình công tác, kế hoạch công tác của bộ, ngành, địa phương	Chiến lược/Kế hoạch								
Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang trung ương và địa phương trong việc rà soát, kiểm tra, đôn đốc và giám sát thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế trong lĩnh vực phụ trách.	Báo cáo								
Kiện toàn, tổ chức lại bộ phận phụ trách công tác ngoại vụ và hội nhập quốc tế của các địa phương theo hướng tinh gọn, mạnh, hiện đại, chuyên nghiệp.	Báo cáo								
Đổi mới, nâng cao tính chủ động, chất lượng, hiệu quả, đa dạng hóa các kênh, khuôn khổ và hình thức phối hợp, trao đổi thông tin giữa các bộ, cơ quan đầu mối đối ngoại và hội nhập quốc tế của các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội, phù hợp với thực tiễn công tác, nhằm tạo chuyển biến thực chất	Cơ chế/khuôn khổ trao đổi, phối hợp								

trong công tác phối hợp trong triển khai công tác hội nhập quốc tế.									
Có hình thức biểu dương, nhân rộng các tấm gương điển hình thực hiện tốt chù trương, chính sách pháp luật trong công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.	Quyết định khen thưởng của Chủ tịch UBND						-	-	

Biểu mẫu số 07

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Kết quả triển khai, thực hiện Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 11/11/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh An Giang

(quý, 06 tháng, năm)

Căn cứ thực hiện……

Thực hiện Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 11/11/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ văn bản cụ thể hoá của địa phương, đơn vị….

Căn cứ tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW trên địa bàn …….. trong thời gian qua và Đề cương báo cáo gửi kèm, ……. báo cáo tình hình, tiến độ triển khai thực hiện Kế hoạch số 185/KH-UBND, như sau:

I. CÔNG TÁC QUÁN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN VÀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỐ 185/KH-UBND

1. Công tác nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 71-NQ/TW và Kế hoạch số 185/KH-UBND

2. Công tác ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 185/KH-UBND tại địa phương

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU, MỤC TIÊU CỤ THỂ

Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể đến năm 2030 được xác định tại mục II Kế hoạch số 185/KH-UBND

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TẠI KẾ HOẠCH SỐ 185/KH-UBND

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ để đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

2. Đổi mới mạnh mẽ thể chế, tạo cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho phát triển giáo dục và đào tạo

3. Tăng cường giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ, hình thành hệ giá trị con

người Việt Nam thời đại mới

4. Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo

5. Tập trung xây dựng đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất trường lớp đạt chuẩn, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông

6. Cải cách, hiện đại hóa giáo dục nghề nghiệp, tạo đột phá phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao

7. Hiện đại hóa, nâng tầm giáo dục đại học, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài, dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo

8. Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giáo dục và đào tạo.

9. Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ cụ thể có thời hạn hoàn thành năm 2026 được giao tại phụ lục kèm theo Kế hoạch số 185/KH-UBND (nếu có).

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đánh giá chung

1.1. Ưu điểm và nguyên nhân của ưu điểm

1.2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

2. Kiến nghị, đề xuất

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ/ 06 THÁNG/ NĂM (Tiếp theo)

Trên đây là báo cáo của …… về kết quả triển khai, thực hiện Kế hoạch số 185/KH-UBND./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- ….;
- Lưu:.

TM. …….

Biểu mẫu số 08

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả triển khai, thực hiện Kế hoạch Phát triển giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030
(quý, 06 tháng, năm….)

Căn cứ thực hiện……

Thực hiện Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh An Giang về Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 tỉnh An Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 889/KH-SGDĐT, ngày 12/02/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ văn bản cụ thể hoá của địa phương, đơn vị….

Căn cứ tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục và Đào tạo trên địa bàn …….. trong thời gian qua và Đề cương báo cáo gửi kèm, ……. báo cáo tình hình, tiến độ triển khai thực hiện, như sau:

I. Công tác chỉ đao, triển khai thực hiện

II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu cụ thể

Theo phụ lục đính kèm

III. Kết quả triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

1. Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, đặc biệt là giáo dục mũi nhọn, chất lượng cao tạo động lực phát triển mạnh mẽ, bền vững.

2. Tập trung tháo gỡ những rào cản, khó khăn, vướng mắc của các loại thị trường lao động

3. Đẩy mạnh thực hiện đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo Nghị quyết số 57-NQ/TW

4. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành công nghiệp, công nghệ chiến lược; tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất và thể chất người học

5. Quản lý và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, khoáng sản quan trọng; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

IV. Đánh giá chung và kiến nghị, đề xuất

1. Đánh giá chung

1.1. Ưu điểm và nguyên nhân của ưu điểm

1.2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

2. Kiến nghị, đề xuất

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ/ 06 THÁNG/ NĂM (Tiếp theo)

Trên đây là báo cáo của …… về kết quả triển khai, thực hiện Kế hoạch phát triển giáo dục - đào tạo giai đoạn 2026-2030, quý/06 tháng/năm……./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- ….;
- Lưu:.

TM. …….

Biểu mẫu số 09

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Tình hình thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập"

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN .....

I. Công tác chỉ đạo, điều hành

II. Kết quả thực hiện Đề án

1. Kết quả thực hiện Đề án

1.1. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về mục đích, ý nghĩa và lợi ích của việc xây dựng xã hội học tập

1.2. Sự phối hợp giữa các ban, ngành, các đoàn thể, tổ chức xã hội.

1.3. Công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động *(ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; số lớp đã mở, số người tham gia,...)*

1.4. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Đề án;

1.5. Những khó khăn trong quá trình triển khai và đề xuất, kiến nghị..

B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN (tại thời điểm báo cáo)

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

4. Bài học kinh nghiệm

C. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN ĐẾN NĂM .....

D. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nơi nhận: - .....; ..... - Lưu: ……	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

PHỤ LỤC SỐ LIỆU

Mẫu 01: **UBND xã, phường, đặc khu**

Nội dung	**Số lượng** *(tính đến thời điểm cuối năm .....)*	**Tỷ lệ %**	**Dự báo (.....)**
1. Xóa mù chữ và phổ cập giáo dục			
a) Xóa mù chữ			
- Số người biết chữ			
+ Độ tuổi 15 – 60			
Trong đó: Nữ			
DTTS			
+ Độ tuổi 15 – 35			
Trong đó: Nữ			
DTTS			
- Số người ra học các lớp XMC và được công nhận biết chữ			
+ Độ tuổi 15 – 60			
Trong đó: Nữ			
DTTS			
+ Độ tuổi 15 – 35			
Trong đó: Nữ			
DTTS			
- Số người mới biết chữ tiếp tục học tập và không mù chữ trở lại			
b) Phổ cập giáo dục			
- Số xã/phường/đặc khu củng cố vững chắc kết quả PCGD mầm non trẻ 5 tuổi			
- Số xã/phường/đặc khu củng cố vững chắc kết quả PCGD tiểu học			

- Số xã/phường/đặc khu củng cố vững chắc kết quả PCGD THCS			
- Số xã/phường/đặc khu củng cố vững chắc kết quả xóa mù chữ			
2) Số cán bộ, công chức cấp xã			
- Số cán bộ, công chức cấp xã			
- Cán bộ, công chức được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định			
- Cán bộ, công chức giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình quy định			
- Cán bộ, công chức thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hằng năm			
3) Đối với cán bộ, công chức cấp xã			
- Số cán bộ công chức cấp xã			
- Cán bộ cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc			
- Cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định			
- Công chức cấp xã thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hằng năm			
4) Đối với lao động nông thôn			
Tham gia học tập cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại các trung tâm học tập cộng đồng			
5) Phong trào xây dựng xã hội học tập			
Số lượng gia đình đạt danh hiệu "Gia đình học tập"			
Số lượng dòng họ đạt danh hiệu "Dòng họ học tập"			
Số lượng đơn vị đạt danh hiệu "Đơn vị học tập"			
Số lượng cộng đồng (cấp ấp, khóm, khu phố, tổ dân phố) đạt danh hiệu "Cộng đồng học tập"			

Mẫu 02 : **Sở Nội vụ**

Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề để lao động của có hiệu quả hơn, hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn	**Số lượng** *(tính đến thời điểm cuối năm .....)*	**Tỷ lệ %**	**Dự báo (.....)**

Số cán bộ, công chức trong các sở ban ngành			
Số cán bộ, công chức được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định			
Số cán bộ, công chức giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình quy định			
Số cán bộ, công chức thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hằng năm			
2. Nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ			
Số cán bộ, công chức tham gia các chương trình học tập nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm			
Số cán bộ, công chức có trình độ ngoại ngữ bậc 2			
Số cán bộ, công chức có trình độ ngoại ngữ bậc 3			

Mẫu 3: **Sở Nội vụ**

Nội dung	**Số lượng** *(tính đến thời điểm cuối năm .....)*	**Tỷ lệ %**	**Dự báo (.....)**
Số công nhân lao động toàn tỉnh			
Số CNLĐ được đào tạo nghề (đào tạo qua trường, lớp hoặc doanh nghiệp tự đào tạo)			
Số CNLĐ có tay nghề cao			
Số công nhân lao động tại các khu chế xuất, khu công nghiệp có trình độ học vấn trung học phổ thông hoặc tương đương.			
Số công nhân lao động có tay nghề cao ở các ngành kinh tế mũi nhọn			
Số CNLĐ được đào tạo lại			
Số CNLĐ được học tập, bồi dưỡng về ngoại ngữ, tin học			
Số CNLĐ được nghiên cứu, học tập, tìm hiểu những kiến thức chính trị cơ bản; được tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước có liên quan đến công nhân lao động			
Số CNLĐ được học tập, tìm hiểu những kiến thức cơ bản về nắm bắt thông tin, kỹ năng hòa nhập cộng đồng, kỹ năng chăm sóc sức khỏe bản thân, kỹ năng			

tổ chức cuộc sống gia đình, phòng, chống tội phạm, ma túy, tệ nạn xã hội			
Số nữ CNLĐ tại các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế được học tập, tìm hiểu kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe sinh sản, hôn nhân và gia đình			

***Mẫu 4*: Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Du lịch.**

Đề án "Đẩy mạnh các hoạt động HTSĐ trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hoá, câu lạc bộ" (Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 27/1/2014 của Thủ tướng Chính phủ)	**Số lượng** *(tính đến thời điểm cuối năm .....)*	**Tỷ lệ %**	**Dự báo (.....)**
Đề án đã triển khai (số ngày tháng năm ban hành)			
Số thư viện tổ chức cung cấp dịch vụ truy nhập Internet miễn phí			
Số thư viện cấp xã			
Số thư viện cấp xã tổ chức các lớp hướng dẫn, cập nhật kỹ năng, kiến thức cần thiết cho lực lượng lao động ở địa phương			
Số lượt người trong các năm (20..... – 20.....) sử dụng thư viện công cộng.			
Tỷ lệ người dân trên địa bàn sử dụng thư viện phục vụ nhu cầu học tập, tìm hiểu kiến thức nâng cao hiểu biết (so với tổng số dân).			
Tỷ lệ người dân (khu vực thành thị, đồng bằng và khu vực trung du, miền núi) tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch phục vụ cho mục đích học tập, nâng cao kiến thức, hiểu biết.			
Số cán bộ phụ trách chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề về giáo dục tại các cơ quan báo chí trong tỉnh đã được tập huấn			
Số cán bộ chuyên trách trang tin điện tử, cổng thông tin điện tử của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; cán bộ chủ chốt của đài phát thanh, truyền hình cấp huyện, đài truyền thanh cấp xã, điểm sinh hoạt cộng đồng đã được tập huấn;			

Số cán bộ chủ chốt của thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hóa, trung tâm văn hóa – thể thao các cấp và các câu lạc bộ đã được tập huấn.			
Số cán bộ lãnh đạo, cán bộ thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền của các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp đã được tập huấn.			

Biểu mẫu số 10

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Tổ chức thực hiện "Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời"

I. Đặc điểm tình hình

1. Thuận lợi

2. Khó khăn

II. Tình hình triển khai

- Công tác chỉ đạo hướng dẫn

- Các hoạt động diễn ra trong tuần lễ, tập trung

III. Đánh giá kết quả đạt được

1. Những mặt làm được

2. Kết quả đạt được

2.1. Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn:

2.2. Số tin bài về các hoạt động:

2.3. Ấn phẩm thông tin (tờ rơi, băng-rôn,…)

2.4. Quyên góp sách xây dựng tủ sách lớp, thư viện:

2.5. Tổ chức các cuộc thi, tọa đàm:

2.6. Hoạt động văn nghệ, thể thao tham quan:

2.7. Tổ chức Lễ khai mạc Tuần lễ:

2.8. Hội thảo, sinh hoạt chuyên đề:

2.9. Khen thưởng:.

2.10. Kinh phí:

3. Tồn tại, hạn chế

4. Nguyên nhân

IV. Kế hoạch tiếp theo nhằm hưởng ứng Tuần lễ

V. Đề xuất, kiến nghị:

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
.....
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Biểu mẫu số 11

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm ...
(Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: ……

Phần I
BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ

1. Công tác của Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

2. Kết quả thực hiện công tác phổ cập giáo dục

a) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non

- Tỉ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường: …../……. (tỷ lệ ….%);

- Trẻ học 2 buổi trên ngày: …./….. (tỷ lệ ….%);

- Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non: …../…… (tỷ lệ …..%);

- Tổng số trẻ 05 tuổi khuyết tật trên địa bàn: …… trẻ; số trẻ khuyết tật của địa bàn có khả năng học tập là …. trẻ; số trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục là: ……/……trẻ, tỷ lệ: …..%.; số trẻ khuyết tật của địa bàn được tiếp cận giáo dục ở nơi khác ….; số trẻ khuyết tật nơi khác đến học nhờ …

- Toàn tỉnh có …../….. (tỷ lệ ….%) xã đạt tiêu chuẩn công nhận về phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi.

b) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học

- Số trẻ 6 tuổi vào học lớp 1: .../…, tỷ lệ...%.

- Số trẻ đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: .../…, tỷ lệ: ...%

- Số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: …/…, tỷ lệ …%, số trẻ 11 tuổi còn lại đang học ở tiểu học: …, tỷ lệ ….%.

- Trẻ khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: …/..., tỷ lệ …%.

- Tỉnh có …/… đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2; …/… đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

c) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục trung học

- Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở: ……/……; tỉ lệ: …… %.

- Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp: ……../……; tỉ lệ: …… %.

- Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (đối với kiểm tra cấp tỉnh):

Mức độ 1: Số lượng …../…., tỉ lệ: ……%

Mức độ 2: Số lượng …../…., tỉ lệ: ……%

Mức độ 3: Số lượng …../…., tỉ lệ: ……%

3. Kết quả thực hiện công tác xóa mù chữ

Căn cứ kết quả tự kiểm tra/kiểm tra phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm .... kết quả công tác xóa mù chữ của …. đạt được như sau:

a) Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 25:... trong đó:

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 25 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỉ lệ: …

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 25 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỉ lệ: …

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 25 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỉ lệ: ... Trong đó số người trong độ tuổi từ 15 - 25 mù chữ: ..., tỉ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 25 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỉ lệ: ...

b) Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 35: ... trong đó:

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 35 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỉ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 35 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỉ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 35 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỉ lệ: ... Trong đó số người trong độ tuổi từ 15 - 35 mù chữ: ..., tỉ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 35 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỉ lệ….

c) Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 60: ... trong đó:

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỉ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỉ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 60 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỉ lệ: ... Trong đó số người trong độ tuổi từ 15 - 60 mù chữ: ..., tỉ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 60 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỉ lệ: ...

- Số người huy động học xóa mù chữ trong năm….: ...

4. Điều kiện đảm bảo

a) Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Mầm non:

- Tiểu học:

- Trung học cơ sở:

Đối với cấp TH và THCS cần báo cáo làm rõ các điều kiện cơ sở vật chất và thiết bị dạy học như sau:

Báo cáo rõ các điều kiện bảo đảm về cơ sở vật chất, thiết bị: trường đạt chuẩn quốc gia (số lượng, tỉ lệ); số phòng học/lớp; phòng thiết bị, thí nghiệm; thư viện; sân chơi bãi tập; công trình vệ sinh; thiết bị dạy học đánh giá so với các quy định hiện hành.

- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên:

- Trung tâm học tập cộng đồng:

b) Kinh phí

- Kinh phí phổ cập giáo dục

- Kinh phí xóa mù chữ

c) Người tham gia dạy học, theo dõi phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

- Mầm non:

- Tiểu học:

- Trung học cơ sở:

Báo cáo rõ các điều kiện về người tham gia dạy học, theo dõi phổ cập giáo dục: số lượng GV, tỉ lệ giáo viên/lớp (đánh giá thừa thiếu); cơ cấu giáo viên theo các môn học (đánh giá); Chất lượng giáo viên (đánh giá theo quy định hiện hành; theo chuẩn nghề nghiệp); người theo dõi phổ cập.

- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên:

- Trung tâm học tập cộng đồng:

5. Kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

Cấp xã/cấp tỉnh... đủ điều kiện đạt chuẩn về phổ cập giáo dục tiểu học mức độ….., đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ….. , đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ….tại thời điểm tháng ….năm …

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

2. Hạn chế

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ

I. MỤC TIÊU CHUNG

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác phổ cập giáo dục

2. Công tác xóa mù chữ

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

……

Nơi nhận:
- …;
- ….

TM. BAN CHỈ ĐẠO
TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Biểu mẫu số 12

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC VÌ SỰ TIẾN BỘ CỦA PHỤ NỮ VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI 06 THÁNG ĐẦU NĂM/NĂM ……
(cấp tỉnh)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG TÁC VÌ SỰ TIẾN BỘ CỦA PHỤ NỮ VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới tại đơn vị.

2. Công tác tham mưu xây dựng thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng chương trình, kế hoạch,…

3. Công tác phối hợp liên ngành trong triển khai các hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới.

4. Công tác phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

5. Tình hình triển khai công tác cán bộ nữ của đơn vị.

6. Kết quả triển khai các hoạt động thường xuyên:

+ Các hoạt động truyền thông, tập huấn thường xuyên;

+ Tình hình triển khai Kế hoạch truyền thông về bình đẳng giới trong chính trị;

+ Kế hoạch/kết quả triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó bạo lực trên cơ sở giới;

+ Công tác kiểm tra hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới và bình đẳng giới ở các đơn vị trực thuộc.

7. Tổ chức bộ máy làm công tác bình đẳng giới, Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ của địa phương

- Số lượng cán bộ chuyên trách/kiêm nhiệm làm công tác bình đẳng giới tại đơn vị.

- Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ địa phương (quyết định thành lập, số lượng nữ/tổng số thành viên)

- Số lượng các lớp tập huấn được tổ chức, nội dung tập huấn (đối tượng tham gia, số lượng người tham gia có phân tách giới tính).

8. Kinh phí thực hiện công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới.

II. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

1. Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị *(Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ)*

- Các hoạt động tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của mục tiêu được quy định tại kế hoạch hành động công tác bình đẳng giới của địa phương.

2. Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, lao *động (Sở LĐ-TB&XH, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Tỉnh Đoàn)*

- Các hoạt động làm giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của mục tiêu được quy định tại kế hoạch hành động công tác bình đẳng giới của địa phương.

3. Bình đẳng giới trong đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới *(Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh)*

- Các hoạt động bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Mục tiêu được quy định tại tại kế hoạch hành động công tác bình đẳng giới của địa phương.

4. Bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế *(Sở Y tế)*

- Các hoạt động nhằm đảm bảo bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Mục tiêu được quy định tại kế hoạch hành động công tác bình đẳng giới của địa phương.

5. Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục đào tạo (*Sở LĐ-TB&XH, Sở Giáo dục và Đào tạo)*

- Các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của mục tiêu được quy định tại kế hoạch hành động công tác bình đẳng giới của địa phương.

6. Bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa, thông tin *(Sở Thông tin và Truyền thông)*

- Các hoạt động nhằm bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa, thông tin.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Mục tiêu được quy định tại tại kế hoạch hành động công tác bình đẳng giới của địa phương.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

2. Khó khăn, vướng mắc

3. Nguyên nhân

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Với Ủy ban nhân dân tỉnh

2. Với các cơ quan chức năng có liên quan

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC 6 THÁNG CUỐI NĂM 20…..

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
.....
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI NĂM 20….

Mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược quốc gia	Chỉ tiêu của địa phương đề ra	Số liệu đầu kỳ thực hiện Chiến lược (nếu có)	Kết quả năm 2022	Kết quả năm 2023
Mục tiêu 1: Trong lĩnh vực chính trị				
- Chỉ tiêu: Đến năm 2025 đạt 60% và đến năm 2030 đạt 75% các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ.				
Mục tiêu 2: Trong lĩnh vực kinh tế, lao động				
Chỉ tiêu 1: Tăng tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương lên đạt 50% vào năm 2025 và khoảng 60% vào năm 2030.				
Chỉ tiêu 2: Giảm tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm xuống dưới 30% vào năm 2025 và dưới 25% vào năm 2030.				
Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã đạt ít nhất 27% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030.				
Mục tiêu 3: Trong đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới				
Chỉ tiêu 1: Giảm số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ còn 1,7 lần vào năm 2025 và 1,4 lần vào năm 2030 so với nam giới.				
Chỉ tiêu 2: Đến năm 2025 đạt 80% và đến 2030 đạt 90% người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản; đến năm				

2025 đạt 50% và đến năm 2030 đạt 70% người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn.				
Chỉ tiêu 3: Từ năm 2025 trở đi, 100% số nạn nhân bị mua bán trở về được phát hiện có nhu cầu hỗ trợ được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng.				
Chỉ tiêu 4: Đến năm 2025 có 70% và năm 2030 có 100% cơ sở trợ giúp xã hội công lập triển khai các hoạt động trợ giúp, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.				
Mục tiêu 4: Trong lĩnh vực y tế				
Chỉ tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh ở mức 111 bé trai/100 bé gái sinh ra sống vào năm 2025 và 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống vào năm 2030.				
Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản giảm còn 42/100.000 trẻ sinh sống vào năm 2025 và xuống dưới 42/100.000 vào năm 2030.				
Chỉ tiêu 3: Tỷ suất sinh ở vị thành niên giảm từ 23 ca sinh/1.000 phụ nữ xuống 18/1.000 vào năm 2025 và dưới 18/1.000 vào năm 2030.				
Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất một cơ sở y tế cung cấp thí điểm dịch vụ chăm sóc sức khỏe dành cho người đồng tính, song tính và chuyển giới đạt 40% vào năm 2025 và 70% vào năm 2030.				
Mục tiêu 5: Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo				
Chỉ tiêu 1: Nội dung về giới, bình đẳng giới được đưa vào chương trình giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân và được giảng dạy chính thức ở các trường sư phạm từ năm 2025				

trở đi.				
Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục tiểu học đạt trên 90% vào năm 2025 và khoảng 99% vào năm 2030; tỷ lệ hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt khoảng 85% vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.				
Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nữ học viên, học sinh, sinh viên được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp đạt trên 30% vào năm 2025 và 40% vào năm 2030.				
Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ nữ thạc sĩ trong tổng số người có trình độ thạc sĩ đạt không dưới 50% từ năm 2025 trở đi. Tỷ lệ nữ tiến sĩ trong tổng số người có trình độ tiến sĩ đạt 30% vào năm 2025 và 35% vào năm 2030.				
Mục tiêu 6: Trong lĩnh vực thông tin, truyền thông				
Chỉ tiêu 1: Phấn đấu đạt 60% vào năm 2025 và 80% vào năm 2030 dân số được tiếp cận kiến thức cơ bản về bình đẳng giới.				
Chỉ tiêu 2: Từ năm 2025 trở đi 100% tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan hành chính, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về bình đẳng giới và cam kết thực hiện bình đẳng giới.				
Chỉ tiêu 3: Từ năm 2025 trở đi 100% xã, phường, thị trấn mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở.				
Chỉ tiêu 4: Duy trì đạt 100% đài phát thanh và đài truyền hình ở Trung ương và địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới hàng tháng.				

Biểu mẫu số 13

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó bạo lực trên cơ sở giới năm 20….

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, ban hành kế hoạch triển khai
2. Phát động Tháng hành động
3. Nội dung hoạt động đã triển khai
4. Kinh phí tổ chức

a) Ngân sách nhà nước

b) Ngân sách vận động

(Bảng tổng hợp số liệu kèm theo)

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đã đạt được, bài học kinh nghiệm
2. Những khó khăn, tồn tại
3. Kiến nghị, đề xuất

III. TỔNG HỢP SỐ LIỆU

Kết quả thực hiện Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó bạo lực trên cơ sở giới năm 20…

1. Tổ chức phát động và các hoạt động hưởng ứng, kiểm tra, giám sát…

STT	Hoạt động	Số cuộc/ Đoàn	Số người tham gia		Cấp triển khai
			Nam	Nữ	

2. Kết quả truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin cơ sở

STT	Nội dung	Số lượng	Số người tiếp cận		Cấp triển khai
			Nam	Nữ	

3. Nhân rộng, phát hành các sản phẩm truyền thông

STT	Sản phẩm	Số lượng	Số người tiếp cận	Cấp triển

			Nam	**Nữ**	**khai**

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
.....
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Biểu mẫu số 14

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg,
Quyết định số 1492/QĐ-TTg và số 630/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

PHẦN I: ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

I. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội và những yếu tố tác động tới công tác PCCC và CNCH

1. Đánh giá khái quát tình hình phát triển kinh tế, xã hội

- Nêu rõ số đơn vị hành chính hiện nay: Số đơn vị hành chính (*cấp xã, cấp huyện*); diện tích; dân số; số lượng đô thị (*đô thị loại I, II...*);

- Chỉ tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế năm; sự phát triển các ngành nghề, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, quá trình đô thị hóa tại địa phương liên quan đến công tác phòng cháy và chữa cháy (PCCC);

2. Tổng số các cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC, cơ sở nguy hiểm về cháy, nổ (*phân loại cụ thể theo từng loại hình*)

- Tổng số cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC thuộc Phụ lục I, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP;

- Tổng số cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ thuộc Phụ lục II, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP;

- Tổng số cơ sở do cơ quan Công an quản lý thuộc Phụ lục III, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP;

- Tổng số cơ sở do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý thuộc Phụ lục IV, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP;

- Số lượng cơ sở tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2022.

II. Tình hình cháy, nổ và công tác cứu nạn, cứu hộ

1. Tình hình cháy, nổ

1.1. Tình hình cháy

- Tổng số vụ cháy thuộc diện phải thống kê. Thiệt hại do cháy gây ra *(số người chết, số người bị thương, thiệt hại về tài sản ước tính thành tiền và số hecta rừng).* So sánh tăng/giảm với cùng kỳ 2022 *(về số vụ, thiệt hại về người và tài sản)*;

- Phân tích tình hình cháy:

+ Nguyên nhân;

+ Địa bàn *(thành thị, nông thôn, có phân chia theo tỷ lệ)*;

+ Thành phần kinh tế *(nhà nước, tư nhân, liên doanh...)*;

+ Loại hình cơ sở *(phân loại số vụ cháy nhà dân, số vụ cháy nhà ở kết hợp sản xuất kinh doanh, số vụ cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC (trừ nhà ở kết hợp sản xuất kinh doanh), số vụ cháy phương tiện giao thông, số vụ cháy rừng*).

1.2. Tình hình nổ

- Tổng số vụ và thiệt hại do nổ gây ra; so sánh với cùng kỳ 2022;

- Nguyên nhân.

2. Đánh giá tình hình cháy lớn, cháy gây thiệt hại nghiêm trọng (*khái niệm cháy lớn gây thiệt hại nghiêm trọng theo hướng dẫn tạm thời số 3514/HD-C07-P1 ngày 25/7/2015 của C66)*

- Số vụ, tỷ lệ số vụ trên tổng số vụ cháy, tổng số thiệt hại của các vụ, tỷ lệ thiệt hại so với tổng thiệt hại của các vụ cháy;

- Tóm tắt diễn biến, nguyên nhân, thiệt hại các vụ cháy lớn, cháy gây thiệt hại nghiêm trọng trên địa bàn quản lý *(có thể đưa vào phụ lục)*;

- Phân tích (*đối tượng cơ sở xảy ra cháy; diện tích cháy trung bình một vụ cháy; thời điểm xảy ra cháy, nguyên nhân cháy...*).

3. Công tác cứu nạn, cứu hộ

- Tổng số vụ tham gia CNCH *(phân loại các tình huống sự cố, tai nạn theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP của Chính phủ);* so sánh với cùng kỳ 2022;

- Số lượng CBCS và phương tiện tham gia CNCH;

- Phân tích tình hình vụ CNCH *(thời gian, địa điểm, quy mô, nguyên nhân...);*

- Nhận xét, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác CNCH.

PHẦN II: KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác tham mưu triển khai các chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong công tác PCCC và CNCH

- Tình hình và kết quả phổ biến, quán triệt, ban hành các văn bản triển khai thực hiện; chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân các cấp, các đơn vị liên quan trong tổ chức thực hiện *(thống kê số lượng văn bản, kế hoạch do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã ban hành để chỉ đạo về công tác PCCC và CNCH)*;

- Công tác chỉ đạo hiệp đồng giữa Công an với các sở, ngành trong tổ chức triển

khai thực hiện công tác PCCC *(số lượng quy chế phối hợp đã ký kết giữa Công an tỉnh với các cơ quan, đơn vị ngoài ngành Công an)*;

- Công tác chỉ đạo, ban hành các văn bản, quy định về công tác PCCC và CNCH trên địa bàn quản lý (*như việc xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo đảm an toàn PCCC địa phương; xây dựng quy định tạm thời về bảo đảm an toàn PCCC và CNCH khu dân cư, nhà để ở kết hợp sản xuất kinh doanh…)*;

- Việc chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về PCCC và CNCH;

- Đánh giá vai trò, trách nhiệm lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong chỉ đạo thực hiện; vai trò, trách nhiệm của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã trong việc tham mưu cấp ủy chính quyền địa phương trong việc tổ chức triển khai thực hiện;

- Đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể Thủ tướng Chính phủ đã giao tại Chỉ thị số 01/CT-TTg, Quyết định số 630/QĐ-TTg và Quyết định số 1492/QĐ-TTg (*có bảng tổng hợp các nhiệm vụ kèm theo*).

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, giáo dục pháp luật về PCCC và CNCH và xây dựng phong trào toàn dân tham gia công tác PCCC và CNCH

- Việc triển khai thực hiện Đề án *"Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, pháp luật và kiến thức, kỹ năng về PCCC và CNCH đáp ứng yêu cầu tình hình mới"*;

- Công tác phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tại địa phương xây dựng, đăng, phát tin, bài, phóng sự tuyên truyền công tác bảo đảm an toàn PCCC và CNCH;

- Kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, giáo dục pháp luật PCCC và CNCH;

- Việc xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC:

+ Việc thành lập lực lượng dân phòng, lực lượng PCCC cơ sở và lực lượng PCCC chuyên ngành trên địa bàn tỉnh, thành phố *(số lượng của các đội tính đến 31/8/2023, so sánh tăng/giảm so với năm 2022)*. Đánh giá việc huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và CNCH cho các đối tượng này *(có số liệu cụ thể)*;

+ Tiến độ việc tham mưu, báo cáo Hội đồng nhân dân (HĐND) cùng cấp ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng *(Tỷ lệ hỗ trợ được bao nhiêu theo mức lương tối thiểu vùng đối với mỗi chức danh)*;

+ Số lượng phương tiện, thiết bị đã được trang bị cho lực lượng dân phòng *(tỷ lệ đạt được so với số lượng phải trang bị theo quy định)*;

+ Số lượng đơn vị đăng ký công nhận điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân PCCC năm 2023.

- Việc xây dựng và hướng dẫn thực hiện các mô hình tự quản, mô hình liên gia, liên cơ quan, liên khu vực trong bảo đảm an toàn PCCC; trong đó thống kê số liệu mô

hình được xây dựng, đánh giá tính hiệu quả của việc triển khai các mô hình: Tổ liên gia an toàn PCCC; điểm chữa cháy công cộng; tập huấn kiến thức, kỹ năng về PCCC cho thành viên hộ gia đình, nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh; vận động hộ gia đình mở lối thoát nạn thứ 2, trang bị bình chữa cháy xách tay; hướng dẫn tổ liên gia an toàn PCCC thực tập phương án chữa cháy, thoát nạn ...

- Việc vận động, khuyến khích người dân tình nguyện tham gia công tác PCCC và CNCH *(báo cáo về lực lượng PCCC tình nguyện)*;

- Việc chỉ đạo kiện toàn Ban chỉ đạo PCCC và CNCH tại địa phương phù hợp với yêu cầu thực tế;

- Việc triển khai thực hiện Thông tư số 04/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số chế độ đối với người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy, phục vụ chữa cháy, thành viên đội dân phòng, đội PCCC cơ sở và chuyên ngành tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC;

- Số lượng cá nhân, tập thể được biểu dương, khen thưởng có thành tích xuất sắc trong công tác PCCC và CNCH.

3. Công tác thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC

- Kết quả công tác thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC.

- Việc tham mưu, báo cáo HĐND cùng cấp ban hành Nghị quyết quy định việc xử lý đối với các cơ sở trên địa bàn quản lý không bảo đảm yêu cầu về PCCC được đưa vào sử dụng trước ngày Luật PCCC năm 2001 có hiệu lực thi hành (cơ sở thuộc Điều 63a Luật PCCC):

+ Số cơ sở thuộc Điều 63a Luật PCCC đã khắc phục, so sánh tỷ lệ đã khắc phục với năm 2022. Số cơ sở thuộc Điều 63a Luật PCCC còn tồn tại;

+ Đánh giá tiến độ và hiệu quả của việc xử lý theo tiến độ quy định trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân.

- Tham mưu, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định việc rà soát kho chứa, công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, các cơ sở sản xuất, kinh doanh loại hàng, hóa chất nguy hiểm về cháy, nổ đang tồn tại trong khu dân cư, nơi tập trung đông người để tổ chức rà soát, lập kế hoạch di dời các cơ sở này bảo đảm khoảng cách an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC:

+ Số công trình đã xử lý (tỷ lệ %);

+ Số công trình còn tồn tại;

+ Đánh giá tiến độ và hiệu quả của việc xử lý.

- Việc xây dựng phương án, giải pháp xử lý dứt điểm các công trình đang tồn tại vi phạm pháp luật về PCCC; tình trạng công trình đưa vào sử dụng khi chưa được nghiệm thu về PCCC:

+ Số công trình đã khắc phục (tỷ lệ %);

+ Số công trình mới phát sinh;

+ Số công trình đã đăng tải thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng/ Tổng số công trình hiện nay;

+ Số công trình đã xử phạt vi phạm hành chính/ Tổng số công trình hiện nay;

+ Số công trình đã tạm đình chỉ hoạt động/ Tổng số công trình hiện nay;

+ Số công trình đã đình chỉ hoạt động/ Tổng số công trình hiện nay.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra về PCCC; xử lý vi phạm trong lĩnh vực PCCC và CNCH, điều tra nguyên nhân vụ cháy

- Kết quả thực hiện kiểm tra, hướng dẫn về an toàn PCCC đối với nhà ở hộ gia đình, nhà để ở kết hợp sản xuất kinh doanh;

- Kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra về PCCC và CNCH. Số lượng cuộc thanh tra, số lượng cuộc kiểm tra liên ngành, số lượng cuộc kiểm tra do lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện chủ trì tổ chức, số lượng cuộc kiểm tra do cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH thực hiện;

- Kết quả việc thực hiện mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc *(có số liệu cụ thể về số cơ sở thuộc diện phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc; số cơ sở đã mua theo quy định; số cơ sở mua chưa đúng theo quy định; số cơ sở chưa mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc)*; việc xử lý, xử phạt các đơn vị chưa mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;

- Công tác xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC;

- Công tác điều tra nguyên nhân vụ cháy *(số vụ đã điều tra làm rõ nguyên nhân; số vụ đang điều tra; số vụ không điều tra giải quyết; số vụ do cơ quan Cảnh sát PCCC chủ trì; số vụ do cơ quan điều tra chủ trì)*.

5. Công tác tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác PCCC theo Công điện số 220/CĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ

- Việc ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện;

- Kết quả tổ chức tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (tổ chức các hội nghị; thành lập đoàn, tổ công tác trực tiếp hướng dẫn cơ sở, người dân; ...);

- Kết quả thực hiện tháo gỡ khó khăn, vướng mắc;

+ Về công tác thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC

+ Về cơ sở hiện hữu, đã đưa vào sử dụng còn tồn tại, vi phạm về PCCC

- Đánh giá kết quả thực hiện tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

6. Công tác chữa cháy, CNCH của lực lượng PCCC

- Đánh giá thực trạng giao thông, nguồn nước, trụ nước, bến lấy nước, hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác PCCC và CNCH *(có số liệu cụ thể)*;

- Việc xử lý thông tin báo cháy, chữa cháy và CNCH

+ Số tin báo cháy, CNCH nhận được;

+ Số vụ cháy, sự cố, tai nạn lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH tổ chức cứu chữa;

+ Số vụ cháy, sự cố, tai nạn do người dân tự xử lý;

+ Số vụ cháy, sự cố, tai nạn do lực lượng PCCC cơ sở tự xử lý;

+ Số lượt phương tiện, số CBCS được điều động, huy động tham gia chữa cháy, CNCH.

- Việc xây dựng và thực tập phương án chữa cháy, CNCH. Đánh giá công tác xây dựng và thực tập phương án chữa cháy, CNCH;

- Việc xây dựng và triển khai các kế hoạch bảo đảm an toàn cháy, nổ bảo vệ tuyệt đối an toàn các hoạt động, sự kiện văn hóa, chính trị lớn của đất nước diễn ra trên địa bàn quản lý;

- Công tác đào tạo, tập huấn, huấn luyện cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH;

- Công tác rút kinh nghiệm các vụ chữa cháy, CNCH.

7. Công tác hậu cần - kỹ thuật, quản lý phương tiện PCCC và CNCH

- Việc xây dựng quy hoạch hạ tầng về PCCC giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn 2050 trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch đô thị của địa phương (*tiến độ việc thực hiện*);

- Việc triển khai thực hiện văn bản số 7077/BCT-VI ngày 12/6/2020 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH đóng trên địa bàn từ nguồn ngân sách địa phương *(thống kê cụ thể ngân sách đã đầu tư cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH từ nguồn kinh phí địa phương)*;

- Việc xây dựng, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các đề án, dự án khác để nâng cao năng lực cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH *(hỗ trợ kinh phí xây dựng, cải tạo và sửa chữa trụ sở làm việc, mua sắm, trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, đổi mới, hiện đại hóa phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cơ sở vật chất kỹ thuật cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH...)*;

- Đánh giá thực trạng quản lý phương tiện PCCC và CNCH *(số lượng phương tiện, thiết bị, chất lượng, tình trạng hoạt động...)*.

8. Các mặt công tác khác

- Việc nghiên cứu xây dựng cơ chế khuyến khích xã hội hóa đầu tư cho hoạt động PCCC và CNCH tại địa phương;

- Công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH;

- Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trong lĩnh vực PCCC và CNCH *(số lượng hồ sơ tiếp nhận trên Cổng dịch vụ công của Bộ Công an)*;

- Việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế hợp tác quốc tế và trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, tranh thủ công nghệ hiện đại và nâng cao trình độ chuyên môn về PCCC và CNCH cho lực lượng PCCC;

- Công tác nghiên cứu khoa học, việc ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong công tác PCCC và CNCH.

II. Hạn chế, thiếu sót, khó khăn, bất cập và nguyên nhân

1. Hạn chế, thiếu sót và khó khăn, bất cập

Ngoài những vấn đề chung đề nghị báo cáo tập trung làm rõ, liệt kê cụ thể:

- Những nhiệm vụ chậm triển khai hoặc chưa triển khai hoặc đã triển khai nhưng chưa có hiệu quả *(nêu rõ tên, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc triển khai chậm).*

- Những khó khăn, bất cập trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện nay (*có thể tổng hợp thành phụ lục riêng*).

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Ngoài những vấn đề chung đề nghị làm rõ một số nội dung như:

- Vai trò, trách nhiệm của Công an tỉnh, thành phố trong triển khai, tổ chức thực hiện;

- Vai trò, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong triển khai, tổ chức thực hiện;

- Vai trò, trách nhiệm của các sở, ban, ngành trong triển khai, tổ chức thực hiện;

Kết quả cụ thể việc xử lý, kỷ luật tập thể, cá nhân buông lỏng quản lý nhà nước về PCCC và CNCH *(nếu có).*

PHẦN III: PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

I. Dự báo tình hình và những tác động liên quan đến công tác PCCC và CNCH trong thời gian tới

II. Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

PHẦN IV: KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Đề xuất Quốc hội.

- Đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Đề xuất Bộ Công an.

- Đề xuất các bộ, ban ngành trung ương.

Nơi nhận:
- .....;
.....
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

PHỤ LỤC 1
Thống kê các văn bản chỉ đạo về PCCC và CNCH

STT	Loại văn bản	Số văn bản	Thời gian ban hành	Trích yếu văn bản	Cấp ban hành
I	**Việc thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg**				
II	**Việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/2019/QH14, Quyết định số 630/QĐ-TTg**				
1					
…					
III	Việc tiếp tục triển khai thực hiện Kết luận số 02-KL/TW, Quyết định số 1492/QĐ-TTg				
1					
…					
IV	Công tác phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan trong công tác PCCC và CNCH				
1					
…					
V	Các văn bản khác chỉ đạo về nghiệp vụ PCCC và CNCH				
1					
…					

PHỤ LỤC 2
Thống kê số liệu về công tác PCCC và CNCH

STT	DANH MỤC THỐNG KÊ	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
1	**Số liệu cháy, nổ, CNCH**			
1.1	***Số liệu cháy***			
-	Tổng số vụ, trong đó:	Vụ		
+	Số vụ cháy nhà dân	Vụ		
+	Số vụ cháy nhà để ở kết hợp sản xuất kinh doanh	Vụ		
+	Số vụ cháy phương tiện giao thông	Vụ		
+	Số vụ cháy rừng	Vụ		
-	Người chết	Người		
-	Người bị thương	Người		
-	Thiệt hại tài sản ước tính thành tiền	Triệu đồng		
-	Số vụ chưa thống kê được thiệt hại	Vụ		
-	Thiệt hại rừng	Hecta		
-	Số vụ cháy lớn, trong đó:	Vụ		
+	Người chết	Người		
+	Người bị thương	Người		
+	Thiệt hại về tài sản ước tình thành tiền	Triệu đồng		
+	Thiệt hại về rừng	Hecta		
-	Số vụ cháy gây thiệt hại nghiêm trọng, trong đó:	Vụ		
+	Người chết	Người		
+	Người bị thương	Người		
+	Thiệt hại về tài sản ước tình thành tiền	Triệu đồng		
+	Thiệt hại về rừng	Hecta		

STT	DANH MỤC THỐNG KÊ	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
-	Số vụ chưa thống kê được thiệt hại	Vụ		
1.2	***Số liệu nổ***			
-	Tổng số vụ	Vụ		
-	Người chết	Người		
-	Người bị thương	Người		
-	Thiệt hại tài sản ước tính thành tiền	Triệu đồng		
1.3	***Số liệu về tai nạn, sự cố***			
-	Tổng số vụ CNCH do lực lượng PCCC tổ chức thực hiện, trong đó:	Vụ		
+	Số vụ sự cố, tai nạn cháy	Vụ		
+	Số vụ sự cố, tai nạn nổ	Vụ		
+	Số vụ sự cố, tai nạn sập, đổ nhà, công trình, thiết bị, máy móc, cây cối	Vụ		
+	Số vụ sự cố, tai nạn sạt lở đất, đá	Vụ		
+	Số vụ sự cố, tai nạn có người bị mắc kẹt trong nhà; công trình; trên cao; dưới sâu; trong thiết bị; trong hang, hầm; công trình ngầm	Vụ		
+	Số vụ sự cố, tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa khi có yêu cầu	Vụ		
+	Số vụ tai nạn đuối nước tại sông, suối, thác nước, hồ, ao, giếng nước, hố sâu có nước, bãi tắm	Vụ		
+	Số vụ sự cố, tai nạn tại khu du lịch, khu vui chơi giải trí	Vụ		
+	Số vụ sự cố, tai nạn khác	Vụ		
-	Số người cứu được	Người		
-	Ước tính số người được hướng dẫn thoát nạn an toàn	Người		
-	Số người bị thương	Người		
-	Thi thể tìm thấy	Người		
-	Thiệt hại tài sản ước tính thành tiền	Triệu đồng		
2	**Công tác tuyên truyền và xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH**			
2.1	***Công tác tuyên truyền***			

STT	DANH MỤC THỐNG KÊ	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
-	Số lớp tuyên truyền về PCCC và CNCH đã được mở	Lớp		
-	Số người tham gia lớp tuyên truyền	Người		
-	Số lượng tin nhắn SMS khuyến cáo, cảnh báo về PCCC và CNCH đã được gửi đến các thuê bao di động	Lượt		
-	Số lượng tin, bài, phóng sự tuyên truyền về PCCC và CNCH đã được đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương hoặc trung ương	Tin, bài		
-	Số tin bài gửi đăng trên Cổng thông tin điện tử Công an tỉnh, thành phố; Trang thông tin điện tử PCCC; fanpage Công an tỉnh, thành phố…	Tin, bài		
-	Số tờ rơi, tài liệu tuyên truyền cấp phát	Tờ rơi/Tài liệu		
-	Số lượt cài đặt ứng dụng "Báo cháy 114"	Lượt		
2.2	***Công tác xây dựng phong trào toàn dân PCCC***			
-	Tổng số mô hình an toàn về PCCC và CNCH đã xây dựng, trong đó:	Mô hình		
+	Số mô hình đã hoạt động hiệu quả và được nhân rộng	Mô hình		
+	Số lượng địa bàn, cơ sở đã được nhân rộng	Mô hình		
+	Số mô hình đang thí điểm xây dựng	Mô hình		
-	Số lượng tổ chức điển hình tiên tiến về PCCC	Đơn vị		
-	Số lượng cá nhân được tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác PCCC	Người		
-	Số lượng tổ chức, tập thể được tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác PCCC	Đơn vị		
-	Xây dựng Tổ liên gia an toàn PCCC			
+	Số lượng Tổ liên gia an toàn PCCC	Mô hình		
+	Số lượng Tổ liên gia an toàn PCCC đã được hướng dẫn thực tập phương án chữa cháy, thoát nạn	Mô hình		
-	Số lượng Điểm chữa cháy công cộng	Mô hình		
-	Số hộ gia đình đã mở lối thoát nạn thứ 2	Hộ		
-	Số hộ gia đình đã trang bị bình chữa cháy xách tay	Hộ		

STT	DANH MỤC THỐNG KÊ	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
2.3	***Về lực lượng dân phòng***			
-	Số đội dân phòng phải thành lập	Đội		
-	Số đội đã thành lập được	Đội		
-	Số lượng thành viên	Đội viên		
-	Tỷ lệ chi hỗ trợ cho chức danh đội trưởng theo mức lương tối thiểu vùng *(nếu có)*	%		
-	Tỷ lệ chi hỗ trợ cho chức danh đội phó theo mức lượng tối thiểu vùng *(nếu có)*	%		
2.4	***Về lực lượng PCCC cơ sở***			
-	Số đội PCCC cơ sở phải thành lập	Đội		
-	Số đội đã thành lập được	Đội		
-	Số lượng thành viên	Đội viên		
2.5	***Về lực lượng PCCC chuyên ngành***			
-	Số đội PCCC chuyên ngành phải thành lập theo quy định	Đội		
-	Số đội đã thành lập được, trong đó:	Đội		
+	Số đội có phương tiện chữa cháy, CNCH cơ giới	Đội		Số lượng phương tiện
+	Số lượng thành viên	Đội viên		
2.6	***Huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và CNCH***			
-	Số lớp huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và CNCH, trong đó:	Lớp		
+	Số người tham gia lớp huấn luyện	Người		
+	Số người đã được cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và CNCH	Người		
3	**Công tác thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC**			
-	Số giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC đã cấp	Giấy CN		
-	Số văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC đã cấp	Văn bản		
3.1	***Việc xử lý đối với cơ sở không bảo đảm yêu cầu về PCCC đưa vào sử dụng trước ngày Luật PCCC năm 2001 có hiệu lực*** *(nếu có)*			

STT	DANH MỤC THỐNG KÊ	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
-	Tổng số cơ sở phải xử lý	Cơ sở		
-	Tổng số cơ sở đã được xử lý	Cơ sở		
-	Tổng số cơ sở dự kiến sẽ hoàn thành xong việc xử lý trong năm 2023	Cơ sở		
-	Kết quả di chuyển kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hóa chất nguy hiểm về cháy, nổ ở khu dân cư, nơi đông người *(tính đến thời điểm báo cáo)*			
+	Số cơ sở đã di chuyển	Cơ sở		
+	Số cơ sở đã có phương án di chuyển và đang trong thời gian thực hiện	Cơ sở		
+	Số cơ sở không có phương án di chuyển	Cơ sở		
3.2	***Xử lý công trình chưa nghiệm thu về PCCC đã đưa vào sử dụng***			
-	Số công trình đã khắc phục	Công trình		
-	Số công trình phát sinh	Công trình		
-	Số công trình còn tồn tại hiện nay	Công trình		
-	Số công trình đã đăng tải thông tin	Công trình		
-	Số công trình đã xử phạt vi phạm hành chính	Công trình		
-	Số công trình đã tạm đình chỉ hoạt động	Công trình		
-	Số công trình đã đình chỉ hoạt động	Công trình		
4	**Số lượng cơ sở quản lý về PCCC, công tác thanh tra, kiểm tra PCCC an toàn về PCCC, xử lý vi phạm trong lĩnh vực PCCC, điều tra, giải quyết cháy, nổ**			
4.1	***Về cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC***			
-	Số cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC *(thuộc Phụ lục I Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)*	Cơ sở		
-	Số cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ *(thuộc Phụ lục II Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)*	Cơ sở		
-	Số cơ sở do cơ quan Công an quản lý *(thuộc Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)*, trong đó:	Cơ sở		
+	Số cơ sở do Phòng PC07 quản lý	Cơ sở		
+	Số cơ sở do cơ quan Công an cấp huyện quản lý	Cơ sở		

STT	DANH MỤC THỐNG KÊ	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
-	Số cơ sở do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý *(thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)*	Cơ sở		
-	Số khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao	Khu dân cư		
4.2	***Về công tác kiểm tra an toàn PCCC***			
-	Số lượng chuyên đề kiểm tra đã thực hiện	Chuyên đề		Tên chuyên đề
-	Số đoàn kiểm tra liên ngành	Đoàn		
-	Số lượt kiểm tra an toàn PCCC	Lượt		
-	Số tồn tại được phát hiện trong quá trình kiểm tra	Tồn tại		
-	Số công văn kiến nghị	Công văn		
4.3	***Về xử lý vi phạm trong lĩnh vực PCCC***			
-	Số hành vi vi phạm được phát hiện trong quá trình kiểm tra an toàn PCCC	Hành vi		
-	Số biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC	Biên bản		
-	Số quyết định xử phạt vi phạm trong lĩnh vực PCCC được lập	Quyết định		
+	Số Quyết định phạt cảnh cáo	Quyết định		
+	Số Quyết định phạt tiền	Quyết định		
+	Số Quyết định có áp dụng hình thức xử phạt bổ sung	Quyết định		
+	Số Quyết định có áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả	Quyết định		
+	Số Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt	Quyết định		
-	Số tiền xử phạt vi phạm hành chính về PCCC	Triệu đồng		
-	Số cơ sở bị tạm đình chỉ hoạt động	Cơ sở		
-	Số cơ sở bị đình chỉ hoạt động	Cơ sở		
-	Số cơ sở đã được phục hồi hoạt động	Cơ sở		
4.4	***Công tác điều tra, giải quyết cháy, nổ***			
-	Số vụ điều tra làm rõ nguyên nhân	Vụ		
-	Số vụ đang điều tra	Vụ		

STT	DANH MỤC THỐNG KÊ	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
-	Số vụ không điều tra giải quyết	Vụ		
-	Số vụ khởi tố vụ án	Vụ		
-	Số bị can	Người		
4.5	***Về thực hiện chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc***			
-	Số cơ sở đã mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc	Cơ sở		
-	Số cơ sở chưa mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc	Cơ sở		
-	Số cơ sở thuộc diện phải mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc nhưng mua không đúng nguyên tắc	Cơ sở		
5	**Công tác chữa cháy và CNCH**			
5.1	***Số liệu về công tác chữa cháy***			
-	Số lượt tin báo cháy đã nhận	Lượt		
-	Số lượt tin báo cháy giả	Lượt		
-	Số vụ cháy trực tiếp cứu chữa	Vụ		
-	Số vụ cháy do lực lượng tại chỗ tự dập tắt	Vụ		
-	Số vụ tự tắt	Vụ		
-	Số vụ huy động lực lượng quân đội tham gia chữa cháy	Vụ		
-	Số lượt phương tiện chữa cháy các loại của Công an được điều động đi chữa cháy	Lượt		
-	Số lượt CBCS được điều động trực tiếp đi chữa cháy	Lượt		
-	Số CBCS Cảnh sát PCCC và CNCH bị hy sinh khi chữa cháy	Người		
-	Số CBCS Cảnh sát PCCC và CNCH bị thương khi chữa cháy	Người		
-	Số người cứu được từ các vụ cháy	Người		
-	Ước tính tài sản cứu được từ các vụ cháy	Triệu đồng		
-	Số vụ cháy được tổ chức họp rút kinh nghiệm	Vụ		
5.2	***Số liệu về công tác CNCH***			
-	Số vụ CNCH lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH trực tiếp thực hiện	Vụ		
-	Số vụ do người dân, lực lượng tại chỗ thực hiện	Vụ		

STT	DANH MỤC THỐNG KÊ	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
-	Số phương tiện trực tiếp điều động tham gia CNCH	Phương tiện		
-	Số CBCS được điều động tham gia CNCH	CBCS		
-	Số CBCS Cảnh sát PCCC và CNCH bị hy sinh khi CNCH	Người		
-	Số CBCS Cảnh sát PCCC và CNCH bị thương khi CNCH	Người		
5.3	***Công tác xây dựng, thực tập PACC, CNCH***			
-	*Phương án chữa cháy của cơ quan Công an, trong đó:*			
+	Số phương án đã được phê duyệt	Phương án		
+	Số phương án chữa cháy đối với cơ sở đã được tổ chức thực tập	Phương án		
+	Số phương án chữa cháy đối với khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao đã được tổ chức thực tập.	Phương án		
-	*Phương án chữa cháy của cơ sở, trong đó:*			
+	Số phương án chữa cháy đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ sở, chủ phương tiện giao thông cơ giới phê duyệt	Phương án		
+	Số phương án chữa cháy đã được cơ quan Công an phê duyệt	Phương án		
+	Số phương án chữa cháy đã được tổ chức thực tập	Phương án		
-	*Phương án CNCH của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH, trong đó:*			
+	Số phương án CNCH đã được xây dựng	Phương án		
+	Số phương án CNCH đã được phê duyệt	Phương án		
+	Số phương án CNCH đã được thực tập	Phương án		
-	*Phương án CNCH của cơ sở, trong đó:*			
+	Số phương án CNCH đã được xây dựng	Phương án		
+	Số phương án CNCH đã được thực tập	Phương án		
-	*Số phương án chữa cháy, phương án CNCH được xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, trong đó*			
+	Phương án chữa cháy	Phương án		
+	Phương án CNCH	Phương án		
+	Phương án chữa cháy và CNCH	Phương án		

STT	DANH MỤC THỐNG KÊ	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
-	*Số phương án chữa cháy, phương án CNCH do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt được tổ chức thực tập*			
+	Phương án chữa cháy	Phương án		
+	Phương án CNCH	Phương án		
+	Phương án chữa cháy và CNCH	Phương án		
6	**Công tác xây dựng lực lượng Cảnh sát PCCC**			
6.1	***Về bộ máy, tổ chức***			
-	Số Đội nghiệp vụ thuộc PC07, trong đó:			
+	Đội Tham mưu	Đội		
+	Đội Công tác phòng cháy	Đội		
+	Đội Công tác chữa cháy và CNCH	Đội		
+	Đội hậu cần, quản lý phương tiện chữa cháy và CNCH	Đội		
+	Số Đội chữa cháy và CNCH khu vực thuộc PC07	Đội		
+	Số Trạm/Tổ chữa cháy và CNCH thuộc PC07 hoặc Đội chữa cháy và CNCH khu vực			
-	Số Đội CS PCCC và CNCH thuộc Công an cấp quận, huyện	Đội		
-	Số Đội CS PCCC và CNCH thuộc Công an cấp quận, huyện có phương tiện chữa cháy cơ giới	Đội		Số lượng phương tiện
-	Số Tổ Cảnh sát PCCC và CNCH thuộc Đội Cảnh sát QLHC về TTXH thuộc Công an cấp quận huyện	Tổ		
6.2	***Biên chế, quân số***			
-	Quân số của PC07, trong đó:			
+	Biên chế chính thức[3]	Người		
+	Công nhân công an	Người		
+	Chiến sĩ nghĩa vụ	Người		
+	Số lượng cán bộ được phân công làm công tác thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC	Người		
+	Số lượng cán bộ được phân công làm công tác kiểm tra an toàn PCCC	Người		
+	Số lượng cán bộ làm công tác chữa cháy, CNCH *(không bao gồm chiến sĩ nghĩa vụ)*	Người		
+	Số lái xe, lái tàu chữa cháy, CNCH	Người		

[3] Số biên chế hiện đang công tác (không bao gồm số nghỉ chờ hưởng chế độ hưu trí)

STT	DANH MỤC THỐNG KÊ	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
-	Quân số của các Đội Cảnh sát PCCC và CNCH thuộc Công an cấp huyện , trong đó:			
+	Biên chế chính thức[4]	Người		
+	Chiến sĩ nghĩa vụ	Người		
+	Số lượng cán bộ được phân công làm công tác kiểm tra an toàn PCCC	Người		
+	Số lượng cán bộ làm công tác chữa cháy, CNCH *(không bao gồm chiến sĩ nghĩa vụ)*	Người		
+	Số lái xe, lái tàu chữa cháy	Người		
-	Số lượng cán bộ được phân công thực hiện nhiệm vụ PCCC và CNCH của các Tổ Cảnh sát PCCC và CNCH thuộc Đội quản lý hành chính về trật tự xã hội của Công an cấp huyện	Người		Ghi chú rõ số lượng kiêm nhiệm, số lượng chuyên trách
-	Số lượng cán bộ Công an xã được phân công thực hiện nhiệm vụ PCCC và CNCH	Người		Ghi chú rõ số lượng kiêm nhiệm, số lượng chuyên trách
7	**Công tác đầu tư cho PCCC và CNCH**			
7.1	***Số dự án đang triển khai*** *(chú thích cụ thể tên dự án)*	Dự án		
7.2	***Kinh phí đầu tư cho công tác PCCC***			
-	Nguồn Trung ương			
+	Kinh phí đầu tư trang bị phương tiện	Triệu đồng		
+	Kinh phí xây dựng trụ sở, doanh trại	Triệu đồng		
+	Kinh phí đầu tư cho hoạt động khác	Triệu đồng		
-	Nguồn địa phương			
+	Kinh phí đầu tư trang bị phương tiện	Triệu đồng		
+	Kinh phí xây dựng trụ sở, doanh trại	Triệu đồng		

[4] Số biên chế hiện đang công tác (không bao gồm số nghỉ chờ hưởng chế độ hưu trí)

STT	DANH MỤC THỐNG KÊ	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
+	Kinh phí đầu tư cho hoạt động khác	Triệu đồng		
-	Nguồn khác			
+	Kinh phí đầu tư trang bị phương tiện	Triệu đồng		
+	Kinh phí xây dựng trụ sở, doanh trại	Triệu đồng		
+	Kinh phí đầu tư cho hoạt động khác	Triệu đồng		
7.3	***Phương tiện PCCC và CNCH***			
-	Phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ giới			
+	Tổng số phương tiện hiện có	Chiếc		
+	Số phương tiện đang hoạt động	Chiếc		
+	Số phương tiện hư hỏng	Chiếc		
+	số phương tiện chờ thanh lý	Chiếc		
-	Phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thông dụng			
+	Tổng số phương tiện hiện có	Chiếc		
+	Số phương tiện đang hoạt động	Chiếc		
+	Số phương tiện hư hỏng	Chiếc		
+	Số phương tiện chờ thanh lý	Chiếc		
8	**Công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học và kiểm định phương tiện PCCC và CNCH**			
8.1	***Công tác nghiên cứu khoa học***			
-	Số lượng đề tài NCKH cấp Nhà nước đã được phê duyệt *(nếu có)*	Đề tài		
-	Số lượng đề tài NCKH cấp Bộ đã được phê duyệt *(nếu có)*	Đề tài		
-	Số lượng đề tài NCKH cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã được phê duyệt *(nếu có)*	Đề tài		
8.2	***Công tác kiểm định phương tiện PCCC***			
-	Số cấp giấy Chứng nhận kiểm định đã giải quyết *(nếu có)*	Giấy CNKĐ		
-	Số tem kiểm định đã cấp	Tem		
	Tem A			
	Tem B			
	…			
	Tem G			

Biểu mẫu số 15

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG
Báo cáo kết quả thực hiện Kết luận số 02-KL/TW của Ban Bí thư và Nghị quyết số 99/2019/QH14 của Quốc hội

1. Phân tích, đánh giá tình hình liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước;

2. Kết quả thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước; ưu điểm, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, thực hiện;

3. Tình hình, số liệu các vụ lộ, mất bí mật nhà nước; nguyên nhân và việc xử lý, khắc phục hậu quả;

4. Dự báo tình hình; dự kiến công tác trọng tâm bảo vệ bí mật nhà nước và đề xuất, kiến nghị.

Biểu mẫu số 16

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

BÁO CÁO
Hoạt động xây dựng, áp dung, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 năm 2025 tại các cơ quan hành chính Nhà nước trên nền tảng ISO điện tử

THÔNG TIN CHUNG

- Tình hình Thành lập/Kiện toàn Ban Chỉ đạo ISO của cơ quan *(nếu có)*[5]*:*..

……

- Thông tin về Ban Chỉ đạo ISO:

	Trưởng ban ISO	**Thư ký ISO**
- Họ và tên:		
- Chức vụ:		
- Phòng ban:		
- Số điện thoại:		
- Email:		

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

a	**Số hướng dẫn theo mô hình khung:**	… hướng dẫn
b	**TTHC giải quyết cho tổ chức, công dân:**	
-	Tổng số TTHC được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết:	… TTHC
-	Số TTHC đưa vào xây dựng thành quy trình ISO:	… TTHC
c	**TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính Nhà nước**	
-	Tổng số TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính Nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết (nếu có): *(Nêu rõ Quyết định, số ngày, tháng, năm của UBND tỉnh).*	… TTHC
-	Số TTHC đưa vào xây dựng thành quy trình ISO:	… TTHC

[5] Nêu Quyết định thành lập/kiện toàn Ban chỉ đạo.

d	**Số quy trình nội bộ** (Để thực hiện các công việc khác của cơ quan ngoài giải quyết TTHC):	… quy trình

II. KẾT QUẢ BAN HÀNH BỘ TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG (HTQLCL)

1. Quy trình hệ thống

a	Mô hình HTQLCL	☐ Có ☐ Không
b	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản	☐ Có ☐ Không
c	Hướng dẫn kiểm soát rủi ro và cơ hội	☐ Có ☐ Không
d	Hướng dẫn đánh giá nội bộ	☐ Có ☐ Không
e	Hướng dẫn kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	☐ Có ☐ Không

2. Quy trình, thủ tục nội bộ

a	Số quy trình nội bộ giữa các cơ quan hành chính Nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết (nếu có):	… quy trình
b	Số quy trình nội bộ (Để thực hiện các công việc khác của cơ quan ngoài giải quyết TTHC):	… quy trình

3. Các quy trình giải quyết thủ tục hành chính

*	Tổng số quy trình giải quyết TTHC đã ban hành	… quy trình
-	Lĩnh vực ….	… quy trình
-	Lĩnh vực ….	… quy trình
-	Lĩnh vực ….	… quy trình
-	Lĩnh vực ….	… quy trình
…	Lĩnh vực ….	… quy trình

4. Chính sách chất lượng

a	Ban hành Chính sách chất lượng: *(Nêu rõ ngày tháng năm ban hành).*	☐ Có ☐ Không

5. Ban hành và áp dụng tài liệu HTQLCL

a	Ban hành Quyết định ban hành và áp dụng tài liệu HTQLCL sau khi đã ký ban hành toàn bộ tài liệu HTQLCL: *(Nêu rõ ngày tháng năm ban hành).*	☐ Có ☐ Không

6. Tình hình công bố HTQLCL

a	Ban hành Quyết định công bố HTQLCL với đầy đủ phạm vi áp dụng HTQLCL: *(Nêu rõ ngày tháng năm ban hành).*	☐ Có ☐ Không
b	Bản công bố	☐ Có ☐ Không

III. KẾT QUẢ DUY TRÌ VÀ CẢI TIẾN HTQLCL

1. Xây dựng Kế hoạch duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 năm 2025 tại đơn vị: *(Nêu rõ tên kế hoạch, số, ngày tháng năm ban hành)*.....

.....

2. Mục tiêu chất lượng

a	Ban hành Mục tiêu chất lượng năm 2025 của cơ quan, phòng, ban, đơn vị: *(Nêu rõ ngày tháng năm ban hành).*	☐ Có ☐ Không
b	Ban hành Kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng năm 2025 của cơ quan, phòng, ban, đơn vị: *(Nêu rõ số, ngày tháng năm ban hành).*	☐ Có ☐ Không
c	Báo cáo định kỳ thực hiện Mục tiêu chất lượng năm 2025 (nếu có) của cơ quan, phòng, ban, đơn vị: *(Nêu rõ số, ngày tháng năm ban hành).*	☐ Có ☐ Không

3. Hoạt động đánh giá nội bộ (ĐGNB)

a	Ban hành Chương trình ĐGNB năm 2025: *(Nêu rõ ngày tháng năm ban hành).*	☐ Có ☐ Chưa
b	Ban hành Kế hoạch ĐGNB năm 2025: *(Nêu rõ ngày tháng năm ban hành).*	☐ Có ☐ Chưa
-	Đảm bảo tính khách quan:	☐ Có ☐ Chưa
-	Đảm bảo đầy đủ phạm vi áp dụng HTQLCL tại đơn vị:	☐ Có ☐ Chưa
c	- Tổ chức ĐGNB: *(Nêu rõ ngày tháng năm thực hiện ĐGNB. Nếu chưa, nêu rõ ngày dự kiến tổ chức).*	☐ Đã ☐ Chưa
-	Đã lập Phiếu ghi chép đánh giá:	… phiếu

-	Kết quả khắc phục các điểm không phù hợp *(nếu có)*: *(Nêu rõ số Phiếu yêu cầu hành động khắc phục và các Báo cáo khắc phục).*	☐ Đã ☐ Chưa
-	Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ *(Nêu rõ ngày tháng năm ban hành).*	☐ Đã ☐ Chưa

4. Hoạt động xem xét của lãnh đạo (XXLĐ)

a	Ban hành Thông báo/Giấy mời họp XXLĐ năm 2025: *(Nêu rõ số, ngày tháng năm ban hành).*	☐ Có ☐ Chưa
b	Tổ chức họp XXLĐ năm 2025: *(Nêu rõ ngày, tháng, năm thực hiện. Nếu chưa, nêu rõ ngày dự kiến tổ chức).*	☐ Đã ☐ Chưa
-	Biên bản họp XXLĐ: *(Nêu rõ số, ngày, tháng, năm ban hành)*	☐ Có ☐ Không

5. Việc thực hiện các quá trình giải quyết công việc và các quá trình được xác định trong HTQLCL:

a	Số TTHC có phát sinh hồ sơ	... TTHC
-	*(Liệt kê tên các TTHC có phát sinh hồ sơ trong năm (từ 01/7/2025 đến nay). Nếu có nhiều TTHC đã phát sinh trong năm thì lập Phụ lục kèm theo báo cáo).*	
b	Liệt kê các TTHC có hồ sơ trễ hạn (nếu có, nêu lí do):	

* Trình tự thực hiện, biểu mẫu trong xử lý công việc, giải quyết TTHC:

☐ Tất cả thực hiện đúng theo trình tự, thời gian, biểu mẫu của quy trình ISO đã ban hành và quy trình nội bộ giải quyết TTHC được UBND tỉnh công bố.

☐ Có một số quá trình giải quyết công việc chưa theo trình tự, thời gian, biểu mẫu của quy trình ISO đã ban hành và quy trình nội bộ giải quyết TTHC được UBND tỉnh công bố. *(Nếu chọn mục này, thì nêu rõ tên quy trình và lý do chưa thực hiện đúng)*

* Thành phần hồ sơ tiếp nhận và tiến trình xử lý trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC (Một cửa điện tử) có phù hợp với TTHC, quy trình ISO đã ban hành và quy trình nội bộ giải quyết TTHC được UBND tỉnh công bố:

☐ Phù hợp ☐ Chưa phù hợp

Nếu chưa phù hợp, cơ quan đã có kiến nghị đến đơn vị quản lý hệ thống dịch vụ công để chỉnh sửa kịp thời hay chưa: *(Nêu rõ số, ngày tháng năm văn bản)* .....

☐ Chưa kiến nghị.

☐ Đã có kiến nghị nhưng chưa được điều chỉnh.

6. Tổ chức thăm dò ý kiến của tổ chức/cá nhân: *(Có/ không)*

Hình thức, kết quả thực hiện: .....

.....

IV. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

1. Việc ban hành bộ tài liệu HTQLCL trên phần mềm ISO điện tử:

.....

.....

.....

2. Việc thực hiện duy trì và cải tiến HTQLCL:

.....

.....

.....

3. Nhận xét, đánh giá hiệu quả áp dụng ISO điện tử

.....

.....

.....

4. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện và áp dụng phần mềm ISO điện tử

- Thuận lợi: .....

.....

- Khó khăn, tồn tại: .....

- Nguyên nhân: .....

.....

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

.....

.....

Nơi nhận:
- Sở KH&CN;
- Ban Giám đốc/Ban Lãnh đạo;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, …...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(ký tên, đóng dấu)

……

Biểu mẫu số 17

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (quý/06 tháng/09 tháng) năm 202.. và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ….

Phần thứ nhất
Tình hình phát triển kinh tế - xã hội (quý/6 tháng/9 tháng) năm 202...

Dẫn nhập.....

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu

- Đán giá chung.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) (quý/6 tháng/9 tháng) năm 202... ước đạt ...%, đạt kế hoạch tỉnh đề ra (... - ..%). Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng ...%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng ...%; khu vực dịch vụ tăng ...%; thuế trừ trợ cấp tăng ...%. GRDP bình quân đầu người đạt .... triệu đồng/năm *(tương đương ... USD).*

Về cơ cấu kinh tế tỉnh An Giang (quý/6 tháng/9 tháng) năm 202....: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng ....%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm ...%; khu vực thương mại và dịch vụ chiếm ...%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm ...%.

** Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội (quý/6 tháng/9 tháng) năm 202...*

- Với (quý/6 tháng/9 tháng): Đánh giá, so sánh với cùng kỳ năm trước.

- Năm 202..., tỉnh An Giang ước thực hiện đạt và vượt.... chỉ tiêu mà Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đã đề ra, trong đó có .... chỉ tiêu vượt, ... chỉ tiêu đạt, ...chỉ tiêu chưa đạt. Cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQ số .../NQ-HĐND ngày .../12/202.. của HĐND tỉnh	Ước thực hiện năm 202...	So sánh
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP	%			Đạt
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng			Đạt

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQ số .../NQ-HĐND ngày .../12/202.. của HĐND tỉnh	Ước thực hiện năm 202...	So sánh
3	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng			Vượt
4	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD			Vượt
5	Thu ngân sách từ kinh tế địa bàn	Tỷ đồng			Vượt
6	Tỷ lệ đô thị hóa	%			Đạt
7	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%			Đạt
8	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân	%			Đạt
9	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân %/năm	%			Đạt
10	Số bác sĩ trên 01 vạn dân	Bác sĩ			Đạt
11	Số giường bệnh trên 01 vạn dân	Giường			Đạt
12	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	%			Chưa đạt
13	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao	Xã			Đạt
14	Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%			Đạt
15	Tỷ lệ cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử	%			Đạt

II. Thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ, Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 14/3/2022 và Kế hoạch số 366/KH-UBND ngày 09/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

III. Tình hình sản xuất kinh doanh và phát triển các ngành, lĩnh vực

1. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản

Đánh giá chung.

1.1. Nông nghiệp

a) Trồng trọt:

...

b) Chăn nuôi:

....

1.2. Lâm nghiệp

...

1.3. Thủy sản

...

2. Khu vực công nghiệp và xây dựng

2.1. Sản xuất công nghiệp

- Đánh giá chung.

- Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) (quý/6 tháng/9 tháng) năm.... tăng ....% so với cùng kỳ, trong đó: ngành khai khoáng tăng ...%; ngành chế biến, chế tạo tăng ...%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng ...%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng ...%.

- Tình hình sản xuất một số sản phẩm công nghiệp chính của tỉnh .... Khối lượng sản xuất một số sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh trong (quý/6 tháng/9 tháng) năm 202.... tăng so cùng kỳ[6].

2.2. Đầu tư, xây dựng cơ bản

- Đánh giá chung.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 202... ước đạt .... tỷ đồng, tăng ....% so với cùng kỳ. Đối với các dự án đầu tư công.... Ước tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công (quý/6 tháng/9 tháng) năm 202... đạt trên ...%.

- Thông tin các công trình trọng điểm đã được triển khai trong (quý/6 tháng/9 tháng) năm...

3. Khu vực thương mại và dịch vụ

3.1. Thương mại - Dịch vụ

- Đánh giá chung.

- Tình hình hợp tác, liên kết vùng, mở rộng thị trường, kết nối cơ hội đầu tư, sản xuất, kinh doanh và học hỏi kinh nghiệm trong điều hành và phát triển kinh tế - xã hội.

- Trong (quý/6 tháng/9 tháng) năm 202..., ước doanh thu bán buôn, bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt .... tỷ đồng, tăng ...% so với cùng kỳ. Trong đó, một số mặt hàng có nhu cầu tiêu dùng tăng cao như: lương thực, thực phẩm, hàng may mặc, đồ dùng gia đình, vật liệu xây dựng và xăng dầu. Các dịch vụ tăng mạnh như ăn uống, lưu trú, du lịch lữ hành.

---

[6] Sản lượng đá xây dựng khai thác ước đạt ... triệu m^3, tăng ...% so với cùng kỳ; sản phẩm thủy sản đông lạnh ước đạt ...ngàn tấn, tăng ....% so với cùng kỳ; sản lượng gạo xay xát ước đạt ... triệu tấn, tăng ....% so với cùng kỳ; sản phẩm quần áo sơ mi ước đạt gần ... triệu cái, tăng ... % so với cùng kỳ; sản phẩm giày, dép da ước đạt ... triệu đôi, giảm ...% so với cùng kỳ; sản lượng điện năng lượng mặt trời ước đạt ... triệu kwh, tăng ...% so với cùng kỳ; sản phẩm nước sinh hoạt ước đạt ... triệu m^3, tăng ....% so với cùng kỳ.

3.2. Du lịch

- Đánh giá chung.

- Ước (quý/6 tháng/9 tháng) cả năm 202.., toàn tỉnh đón tổng số ... triệu lượt khách tham quan, du lịch, tăng ...% so với cùng kỳ và đạt ...% so với kế hoạch năm 2023, trong đó có ... ngàn lượt khách quốc tế. Tổng doanh thu từ hoạt động du lịch trong (quý/6 tháng/9 tháng) năm 202.... ước đạt .... tỷ đồng, tăng ....% so với cùng kỳ và đạt ...% so với kế hoạch cả năm.

3.3. Hoạt động xuất, nhập khẩu

a) Xuất khẩu:

- Đánh giá chung.

- Kim ngạch xuất khẩu (quý/6 tháng/9 tháng) năm 202.. ước đạt ... triệu USD, tăng ...% so với cùng kỳ.

- Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của tỉnh trong (quý/6 tháng/9 tháng) năm 202... như: .....

b) Nhập khẩu: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa (quý/6 tháng/9 tháng) năm 202... ước đạt .... triệu USD, tăng ....% so với cùng kỳ. Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của tỉnh như: .....

3.4. Vận tải hành khách và hàng hóa

4. Thu, chi ngân sách

- Tổng thu ngân sách nhà nước từ kinh tế địa bàn trong cả năm 202... ước đạt ... tỷ đồng, bằng ....% so với cùng kỳ. Trong đó, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt ... tỷ đồng, bằng ....% so với cùng kỳ; thu nội địa ước đạt ... tỷ đồng, bằng ....% so với cùng kỳ.

- Tổng chi ngân sách địa phương trong năm 202... đạt ... tỷ đồng, tăng ...% so với cùng kỳ. Trong đó, chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý ước đạt ... tỷ đồng, bằng ...% so với cùng kỳ; chi thường xuyên ước đạt ... tỷ đồng, tăng ...% so với cùng kỳ; chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính ... tỷ đồng và chi từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu là ... tỷ đồng.

5. Ngân hàng

Tổng số dư vốn huy động ước thực hiện đến nay đạt .... tỷ đồng, tăng ...% so với cuối năm so sánh. Trong đó, huy động trên 12 tháng là .... tỷ đồng, chiếm ...% trên tổng số dư vốn huy động. Tổng dư nợ thực hiện ước đạt ... tỷ đồng, tăng ...% so với cuối năm so sánh. Chất lượng tín dụng duy trì khá tốt, nợ xấu đảm bảo dưới ....%. Tập trung tín dụng cho vay vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh là động lực tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

6. Đăng ký kinh doanh và thu hút đầu tư

Đánh giá chung.

6.1. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

- Trong (quý/6 tháng/9 tháng) năm 202..., toàn tỉnh ước có ... doanh nghiệp và

... đơn vị trực thuộc đăng ký hoạt động mới với tổng số vốn đăng ký mới là ... tỷ đồng. So với cùng kỳ, số doanh nghiệp đăng ký mới tăng ....%, số đơn vị trực thuộc đăng ký hoạt động tăng ...%, tuy nhiên số vốn đăng ký giảm ...%. Có ... doanh nghiệp và ... đơn vị trực thuộc đăng ký tái hoạt động, tăng ...% số doanh nghiệp và ...% số đơn vị trực thuộc. Bên cạnh đó, có ... doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng ...% so với cùng kỳ và ... đơn vị trực thuộc đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng ...% so với cùng kỳ. Có ... doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm ...% so với cùng kỳ và ...đơn vị trực thuộc chấm dứt hoạt động, giảm ...% so với cùng kỳ. Lũy kế đến..., toàn tỉnh có ... doanh nghiệp và .... đơn vị trực thuộc đang hoạt động với tổng vốn đăng ký là .... tỷ đồng.

- Về phát triển hợp tác xã, tính đến nay, toàn tỉnh có ...hợp tác xã, tăng ...% so với cùng kỳ. Tổng số thành viên trong hợp tác xã là ... người, tương đương cùng kỳ. Thu nhập bình quân của người lao động trong hợp tác xã đạt khoảng .... triệu đồng/năm, tăng ...% so với cùng kỳ.

- Đánh giá về chỉ số năng lực canh tranh cấp tỉnh (PCI), năng lực cạnh tranh cấp Sở, ngành và địa phương (DDCI) năm .... và công tác đối thoại, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã.

6.2. Tình hình thu hút đầu tư

- Tính đến kỳ báo cáo, tỉnh đã tiếp nhận .... hồ sơ dự án đầu tư đăng ký mới. Trong đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư đối với ...dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký là ....tỷ đồng; chấp thuận chủ trương đầu tư với hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với ...dự án, có vốn đầu tư ...tỷ đồng. Hiện đang xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư cho ... dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký là ... tỷ đồng.

- Về đầu tư trực tiếp nước ngoài.

IV. Kết quả phát triển văn hóa - xã hội

1. Giáo dục và đào tạo

....

2. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

....

3. Lao động, việc làm, an sinh xã hội

...

4. Văn hóa, thể dục, thể thao

4.1. Văn hóa

...

4.2. Thể dục, thể thao

...

5. Khoa học và công nghệ

...

6. Tài nguyên và môi trường

...

7. Thông tin và truyền thông

...

V. Công tác nội vụ - Thanh tra - An ninh Quốc phòng

...

1. Công tác nội vụ - cải cách hành chính

...

2. Công tác tiếp công dân - Thanh tra

...

3. Quốc phòng, an ninh trật tự và an toàn xã hội

...

VI. Đánh giá kết quả kinh tế - xã hội năm 202..

1. Thành tựu

...

2. Hạn chế, khó khăn

...

Phần thứ hai
Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm tới

Dẫn nhập .....

I. Dự báo thuận lợi và khó khăn thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 202..

1. Thuận lợi

2. Khó khăn

II. Mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu chủ yếu

1. Mục tiêu tổng quát

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) là ... - ..%.

(2) GRDP bình quân đầu người đạt ... - .. triệu đồng/người/năm.

(3) Tổng vốn đầu tư xã hội là ... tỷ đồng.

(4) Kim ngạch xuất khẩu là .. triệu USD.

(5) Thu ngân sách đạt ... tỷ đồng.

(6) Tỷ lệ đô thị hóa đạt ...%.

(7) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt ….%.

(8) Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân đạt ...%.

(9) Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân ... - ...%.

(10) Số bác sĩ trên 01 vạn dân đạt .... bác sĩ/01 vạn dân.

(11) Số giường bệnh trên 01 vạn dân đạt ... giường/01 vạn dân.

(12) Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt ...%.

(13) Có thêm 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới và thêm ... xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

(14) Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt ...%.

(15) Tỷ lệ cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử đạt ...%.

III. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Phát triển kinh tế

1.1. Lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản

...

1.2. Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng

a) Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp

...

b) Đầu tư xây dựng

...

1.3. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ

...

1.4. Du lịch

...

1.5. Phát triển doanh nghiệp và thu hút đầu tư

...

1.6. Thu chi ngân sách, tín dụng

...

1.7. Hội nhập quốc tế

...

1.8. Liên kết vùng

...

2. Phát triển văn hóa - xã hội

3. Quốc phòng, an ninh

Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTNTC

4. Điều hành và quản lý nhà nước

…

Trên đây là báo cáo tình hình kinh tế - xã hội (quý/06 tháng/09 tháng) và cả năm 202.... và phương hướng, nhiệm vụ ..... của tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
.....
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Biểu mẫu số 18

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*An Giang, ngày tháng năm 202*

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện nhiệm vụ….. và chương trình công tác

I- MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG, CHỈ ĐẠO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

II- TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Công tác tổ chức, hành chính

2. Công tác kế hoạch, tài chính và xây dựng cơ bản

3. Du lịch sinh thái và cứu hộ sinh vật

4. Quản lý bảo vệ và phát triển rừng

4.1. Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR)

4.2. Công tác chống chặt phá rừng, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo

4.3. Công tác phát triển rừng

III-NHẬN XÉT

IV-MỘT SỐ NHIỆM VỤ TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO QUÝ

1. Công tác tổ chức, hành chính

2. Kế hoạch tài chính và xây dựng cơ bản

3. Du lịch sinh thái và cứu hộ sinh vật

4. Công tác bảo vệ rừng và phát triển rừng

Nơi nhận: - …….; - ……; - …….; - Lưu: VT.	**GIÁM ĐỐC**

Biểu mẫu số 19

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Tình hình quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ

I. Đặc điểm tình hình

II. Công tác triển khai thực hiện

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo
2. Tình hình quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ
III. Kết quả thực hiện

IV. Nhận xét đánh giá chung

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Biểu mẫu số 20

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT ĐẦU TƯ

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

……...

……...

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

……...

……...

III. KIẾN NGHỊ

……...

……...

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
.....
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Biểu mẫu số 21

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng và kế hoạch triển khai công tác phòng cháy, chữa cháy rừng

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHUNG

1. Đặc điểm tình hình chung về quản lý, bảo vệ và PCCCR trên địa Bàn

2. Thuận lợi, khó khăn trong công tác quản lý, bảo vệ và PCCCR

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PCCCR.

1. Công tác bảo vệ rừng

2. Công tác PCCCR

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt tích cực, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

2. Nhận định diễn biến tình hình, giải pháp trọng tâm thực hiện công tác PCCCR trong thời gian tới

3. Đề xuất, kiến ngh

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

III. KIẾN NGHỊ

Nơi nhận: - .....; - .....; - .....; ..... - Lưu: ……	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

Biểu mẫu số 22

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Công tác thi đua, khen thưởng và một số nhiệm vụ trọng tâm

Phần I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

I- ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

II- KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác thi đua, khen thưởng

2. Kết quả tổ chức phong trào thi đua

3. Công tác khen thưởng

4. Công tác tuyên truyền nhân rộng điển hình tiên tiế

5. Tổ chức bộ máy; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

6. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, đơn vị, địa phương

7. Quỹ thi đua, khen thưở

8. Công tác cải cách hành chính; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng

8. Công tác khác

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

2. Hạn chế

IV- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Phần II
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
.....
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Biểu mẫu số 23

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Hoạt động Văn hóa, Thể thao, Gia đình
và Thông tin - Báo chí - Xuất bản trong tuần
(Từ ngày ... đến ngày ...)

Phần thứ nhất. HOẠT ĐỘNG TRONG TUẦN

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
II. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN NGÀNH
1. Văn hóa, gia đình
2. Thông tin cổ động – triển lãm
3. Thể thao
4. Thông tin – Báo chí – Xuất bản

Phần thứ hai. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC TUẦN TỚI

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
II. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN NGÀNH
1. Văn hóa, gia đình
2. Thể thao
4. Thông tin – Báo chí – Xuất bản

Nơi nhận: - .....; - .....; - .....; ..... - Lưu: ……	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

Biểu mẫu số 24

Tên cơ quan cấp trên	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Tên cơ quan báo cáo	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Báo cáo công tác tháng/quý, nhiệm vụ trọng tâm tháng liền kề/quý liền kề

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG…/QUÝ… [7]

1. Công tác tham mưu xây dựng và ban hành văn bản

Kết quả tham mưu cho Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành các văn bản về văn hóa, thể thao và du lịch.

2. Về văn hóa, gia đình

- Về di sản văn hóa:
- Về văn hóa cơ sở, gia đình và thư viện:
- Về văn hóa các dân tộc Việt Nam:
- Về nghệ thuật biểu diễn và văn học
- Về điện ảnh:
- Về mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm:
- Về quyền tác giả, quyền liên quan và công nghiệp văn hóa:

3. Về thể dục, thể thao

- Về thể dục thể thao cho mọi người:
- Về thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp:

** Ghi chú: Riêng đối với báo cáo tháng 4 hằng năm thì bổ sung số liệu: Tổng số xã (phường, đặc khu), tổ chức Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân; Tổng số người tham gia Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân.*

4. Về báo chí và truyền thông

- Về báo chí:
- Về phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử:
- Về thông tin cơ sở và thông tin đối ngoại:

5. Về xuất bản, in và phát hành

6. Các hoạt động nghiệp vụ tổng hợp

[7] Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm phải kèm số liệu cụ thể, có so sánh, đánh giá với số liệu, kết quả so với tháng trước.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG LIỀN KỀ/QUÝ LIỀN KỀ

1. Nhiệm vụ chung

2. Về văn hóa, gia đình

3. Về thể dục, thể thao

4. Về báo chí và truyền thông

5. Về xuất bản, in và phát hành

6. Các hoạt động nghiệp vụ tổng hợp

III . ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....
- Văn phòng Bộ;
- Các Cục, Vụ thuộc Bộ;
- Lưu: VT…

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Biểu mẫu số 25

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SƠ KẾT/TỔNG KẾT CÔNG TÁC VĂN HOÁ, THỂ THAO QUÝ…/ 06 THÁNG/09 THÁNG/ NĂM… VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG…/ QUÝ…/06 THÁNG/ 03 THÁNG/ NĂM…

Phần thứ nhất. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ…/ 06 THÁNG/ 09 THÁNG/ NĂM …

I. KHÁI QUÁT CHUNG

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác quản lý nhà nước

1.1. Tổ chức và tham dự các Hội nghị - Hội thảo

1.2. Công tác chỉ đạo điều hành

1.2.1. Công tác xây dựng và trình Bộ VHTTDL

1.2.2. Công tác xây dựng và trình Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh

1.2.3. Triển khai các văn bản phát triển ngành được phê duyệt

1.3. Công tác kiểm tra chuyên ngành

1.4. Công tác tiếp nhận và trả kết quả

2. Các lĩnh vực hoạt động chuyên ngành

2.1. Lĩnh vực Văn hóa

2.1.1. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc

2.1.2. Nghệ thuật biểu diễn

2.1.3. Thông tin cổ động, triển lãm

2.1.4. Thư viện

2.1.5. Hoạt động dịch vụ và tổ chức sự kiện văn hóa

2.2. Lĩnh vực Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở

2.2.1. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"

2.2.2. Hoạt động điểm sáng văn hóa biên giới

2.3. Lĩnh vực Gia đình

2.4. Lĩnh vực Thể dục, thể thao

2.4.1. Thể dục thể thao quần chúng

2.4.2. Thể thao thành tích cao

2.5 Lĩnh vực Thông tin – Báo chí – Xuất bản

2.6. Các hoạt động nghiệp vụ tổng hợp

2.6.1. Tình hình biên chế, tổ chức bộ máy

2.6.2. Công tác đào tạo, học tập, bồi dưỡng

2.6.3. Công tác thi đua – khen thưởng

2.6.4. Công tác Pháp chế

2.7. Hoạt động văn hoá – thể dục thể thao các xã, phường, đặc khu

III. ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT

1. Những mặt làm được

2. Tồn tại, hạn chế.

Phần thứ hai. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ…/ 06 THÁNG/ 03 THÁNG/ NĂM …

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

II. CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN NGÀNH

1. Lĩnh vực Văn hóa, Gia đình

2. Lĩnh vực Thể dục, thể thao

3. Lĩnh vực Thông tin – Báo chí – Xuất bản

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
.....
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Biểu mẫu số 26

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Tình hình thực hiện công tác gia đình
6 tháng/năm… và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng/năm…

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG/NĂM…

1. Tình hình ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn

2. Tình hình tổ chức bộ máy, cán bộ nhân lực làm công tác gia đình; công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ

a. Tình hình tổ chức bộ máy, cán bộ nhân lực làm công tác gia đình

b. Công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ

3. Công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm

4. Các hoạt động triển khai thực hiện văn bản, chính sách

a. Công tác triển khai, thực hiện Chỉ thị, Nghị quyết, Luật, Nghị định, Thông tư, Chiến lược, Kế hoạch, Đề án… công tác gia đình và PCBLGĐ

b. Hoạt động của BCĐ Công tác gia đình

c. Công tác phòng, chống bạo lực gia đình: Công tác tuyên truyền, lồng ghép tuyên truyền thực hiện công tác phòng, chống bạo lực gia đình với các phong trào, cuộc vận động khác của các ngành, đoàn thể… ở địa phương như: "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", phong trào "Chung sức xây dựng nông thôn mới", "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực", cuộc vận động "5 không, 3 sạch"… Việc triển khai, xây dựng, duy trì và nhân rộng các mô hình CLB, nhóm PCBLGĐ, Địa chỉ tin cậy cộng đồng…

d. Công tác tổ chức các hoạt động kỷ niệm Ngày Quốc tế Hạnh phúc (20/3), Ngày Gia đình Việt Nam, Tháng hành động quốc gia về PCBLGĐ, Ngày Thế giới xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ (25/11)

5. Tình hình bố trí kinh phí cho công tác gia đình

- Năm…, cấp xã được bố trí…. triệu đồng cho công tác gia đình, trong đó có… triệu đồng cho công tác PCBLGĐ.

- Huy động xã hội hóa.

6. Công tác thu thập, xử lý thông tin, số liệu, dữ liệu về gia đình và PCBLGĐ

7. Các nội dung khác: Thực hiện các nội dung khác có liên quan đến công tác gia đình như thực hiện bình đẳng giới, công tác trẻ em, chăm sóc người cao tuổi, các hoạt

động hưởng ứng Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới…

8. Đánh giá kết quả, hạn chế, nguyên nhân, giải pháp và đề xuất, kiến nghị

a. Kết quả đạt được

b. Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

c. Đề xuất, kiến nghị

Đề xuất, kiến nghị những vấn đề cụ thể (nếu có) với Trung ương hay BCĐ, Thường trực BCĐ tỉnh (tổ chức các cuộc hội nghị tập huấn, hội thảo, hội thi, tọa đàm, tài liệu…).

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG/NĂM TIẾP THEO: Nêu các nhiệm vụ cụ thể theo Kế hoạch của địa phương (Nên có dự kiến thời gian tổ chức).

**** Biểu mẫu kèm theo báo cáo***
tình hình triển khai thực hiện công tác gia đình hàng năm

Mẫu số 05

THÔNG TIN VỀ GIA ĐÌNH VÀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Năm ……

Đơn vị báo cáo: Xã/phường/đặc khu

…….....

Đơn vị nhận báo cáo: Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh An Giang

Ngày nhận báo cáo: 20 tháng 11 hàng năm

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng
I	**GIA ĐÌNH**		
1	**Tổng số hộ gia đình**	**Hộ**	
1.1	Số hộ gia đình chỉ có cha hoặc mẹ sống chung với con	Hộ	
1.2	Số hộ gia đình 1 thế hệ (vợ, chồng)	Hộ	
1.3	Số hộ gia đình 2 thế hệ	Hộ	
1.4	Số hộ gia đình 3 thế hệ trở lên	Hộ	
1.5	Số hộ gia đình khác	Hộ	
II	**BẠO LỰC GIA ĐÌNH**		
1	**Tổng số hộ có bạo lực gia đình**	**Hộ**	
2	**Tổng số vụ bạo lực gia đình**	**Vụ**	
3	**Hình thức bạo lực**		
3.1	Tinh thần	Vụ	
3.2	Thân thể	Vụ	
3.3	Tình dục	Vụ	
3.4	Kinh tế	Vụ	
4	**Người gây bạo lực gia đình và biện pháp xử lý**		
4.1	***Giới tính***		
4.1.1	Nam	Người	
4.1.2	Nữ	Người	
4.2.	***Độ tuổi***		
4.2.1	Dưới 16 tuổi	Người	

4.2.2	Từ đủ 60 tuổi trở lên	Người	
4.3	***Biện pháp xử lý***		
4.3.1	Góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư	Người	
4.3.2	Áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc	Người	
4.3.3	Áp dụng các biện pháp giáo dục tại xã/phường/đặc khu	Người	
4.3.4	Xử phạt vi phạm hành chính	Người	
4.3.5	Xử lý hình sự (phạt tù)	Người	
5	**Nạn nhân bị bạo lực gia đình và biện pháp hỗ trợ**		
5.1	***Giới tính***		
5.1.1	Nam	Người	
5.1.2	Nữ	Người	
5.2	***Độ tuổi***		
5.2.1	Dưới 16 tuổi	Người	
5.2.2	Từ đủ 60 tuổi trở lên	Người	
5.3	***Biện pháp hỗ trợ***		
5.3.1	Được tư vấn (tâm lý, tinh thần, pháp luật)	Người	
5.3.2	Chăm sóc hỗ trợ sau khi bị bạo lực	Người	
5.3.3	Hỗ trợ (cai nghiện rượu, điều trị rối loạn tâm thần do chất gây nghiện)	Người	
5.3.4	Đào tạo nghề, giới thiệu việc làm	Người	
III	**CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH**		
1	Mô hình phòng, chống bạo lực gia đình (theo chuẩn của Bộ VHTTDL)	Mô hình	
2	Mô hình hoạt động độc lập		
2.1	Số Câu lạc bộ Gia đình phát triển bền vững	CLB	
2.2	Số Nhóm phòng, chống bạo lực gia đình	Nhóm	
2.3	Số Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng	Địa chỉ	
2.4	Số Đường dây nóng	Số lượng	

……., ngày ….. tháng ….. năm.....

Người lập báo cáo
(Ký và ghi rõ họ tên)

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN……
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Biểu mẫu số 27

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Phong trào
"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" năm…

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Đặc điểm tình hình

2. Công tác chỉ đạo, triển khai phong trào

a) Hoạt động của Ban Chỉ đạo

b) Công tác tuyên truyền

c) Việc bố trí, quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động Phong trào

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHONG TRÀO NĂM…

1. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

2. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa, hạnh phúc, tiêu biểu; khu dân cư văn hóa, tiêu biểu.

3. Thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" trong giai đoạn mới.

4. Xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa.

5. Lồng ghép thực hiện các cuộc vận động, phong trào hiện có gắn với thực hiện các nhiệm vụ, kinh tế, xã hội và chuyên môn nghiệp vụ.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHONG TRÀO NĂM…

1. Phương hướng

2. Nhiệm vụ

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận: - .... - Lưu: VT.	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)*

BIỂU MẪU SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ PHONG TRÀO TOÀN DÂN ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA NĂM …

(Kèm theo Đề cương báo cáo số 06)

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ
1	**Công tác tập huấn**	
	- Cấp tỉnh:	
	+ Số lớp	
	+ Số học viên	
	- Cấp xã:	
	+ Số lớp	
	+ Số học viên	
2	**Công tác tuyên truyền**	
	- Cấp tỉnh:	
	+ Số cuộc tuyên truyền	
	+ Số người tham dự	
	- Cấp xã:	
	+ Số cuộc tuyên truyền	
	+ Số người tham dự	
3	**Khen thưởng (tập thể)**	
	- Cấp tỉnh	
	- Cấp xã	
4	**Kinh phí cấp cho Ban Chỉ đạo**	
	- Cấp tỉnh	
	- Cấp xã	
5	**Phong trào Thể dục thể thao**	
	- Số người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên	
	- Tỷ lệ trên tổng số dân (%)	
6	**Tổng số "người tốt, việc tốt" được bình xét**	
7	**Gia đình văn hóa**	
	Tổng số	
	Số hộ được công nhận	
	Tỷ lệ %	

8	**Khóm, ấp văn hóa**	
	Tổng số	
	Số Khóm, ấp được công nhận	
	Tỷ lệ %	

Biểu mẫu số 28

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Công tác quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản(1)

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG CÁC LĨNH VỰC XUẤT BẢN, PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM (2)

Tổng hợp, đánh giá tình hình chung về hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư, nguồn nhân lực … và việc chấp hành các quy định của pháp luật của các đơn vị trên địa bàn.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG CÁC LĨNH VỰC XUẤT BẢN, PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM

1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

2. Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật

3. Công tác giải quyết thủ tục hành chính *(cấp phép, đăng ký, xác nhận….có danh mục số liệu cụ thể kèm theo)*

3.1. Lĩnh vực xuất bản

3.2. Lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm *(có số liệu cụ thể)*

5. Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành ở trung ương và địa phương trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm

6. Công tác khác phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN, PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nơi nhận: - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - UBND tỉnh, thành phố; - Cục Xuất bản, In và Phát hành; - Lưu: …	**GIÁM ĐỐC** *(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)*

(1) Báo cáo phải kèm theo các phụ lục Bảng tổng hợp số liệu

(2) Tổng hợp và đánh giá khái quát tình hình, các ưu điểm, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

(3) Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo. Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 012-XBIPH

Tên cơ quan cấp trên
Tên cơ quan báo cáo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC- …..

……, ngày ... tháng ... năm 20 ...

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU

I. LĨNH VỰC XUẤT BẢN

STT	Tên chỉ tiêu/báo cáo		Đơn vị tính	Số lượng	So với cùng kỳ năm trước (tăng, giảm %)	Ghi chú
1	Số liệu liên quan đến văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài	Số lượng giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài - cấp mới	Giấy phép			
		Số lượng giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài - cấp lại	Giấy phép			
		Số lượng đề nghị gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài	Phụ lục			
		Số lượng đề nghị điều chỉnh, bổ sung thông tin giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài	Phụ lục			

		Tổng số văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài trên địa bàn	Văn phòng đại diện			
2	Số lượng giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh		Giấy phép			
3	Số lượng tài liệu không kinh doanh nộp lưu chiểu		XBP			
4	Đọc kiểm tra lưu chiểu		XBP			

II. LĨNH VỰC PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM

STT	Tên chỉ tiêu/báo cáo		Đơn vị tính	Số lượng	So với cùng kỳ năm trước *(tăng, giảm %)*	Ghi chú
1	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	Số lượng giấy phép đã cấp	Giấy phép			
		Số lượng tên xuất bản phẩm	Cuốn			
		Số lượng bản xuất bản phẩm nhập khẩu	Bản			
2	Số liệu liên quan đến văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Số lượng giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài - cấp mới	Giấy phép			
		Số lượng giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài - cấp lại	Giấy phép			
		Số lượng đề nghị gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Phụ lục			
		Số lượng đề nghị điều chỉnh, bổ sung thông tin giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Phụ lục			

		Tổng số văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài trên địa bàn	Văn phòng đại diện			
3	Số lượng giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ		Giấy phép			
4	Số lượng xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm		Giấy xác nhận			
5	Tổng số cơ sở phát hành xuất bản phẩm (Trung tâm, siêu thị, nhà sách, cửa hàng, hộ kinh doanh)		Cơ sở			
6	Tổng số cơ sở phát hành xuất bản phẩm là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập		Cửa hàng			
7	Tổng số lao động của cơ sở phát hành xuất bản phẩm		Người			
8	Tổng số xuất bản phẩm phát hành		Triệu bản			
8.1	**Số sách phát hành**		Triệu bản			
	Trong đó:					
8.1.1	Sách giáo khoa		Triệu bản			
8.2	**Số xuất bản phẩm phát hành**		Triệu bản			
8.2.1	Lịch Bloc		Triệu bản			
8.2.2	Các mặt hàng khác		Triệu bản			
9	**Xuất nhập khẩu** *(nếu có)*		Tờ, bản			
9.1	**Nhập khẩu:**					
9.1.1	Tổng số sách					
9.1.2	Tổng số xuất bản phẩm không phải sách					

9.2	**Xuất khẩu:**				
9.2.1	Tổng số sách				
9.2.2	Tổng số xuất bản phẩm không phải sách				
10	**Tổng số doanh thu**	Tỷ đồng			
	Trong đó:				
	- Doanh thu từ sách				
	- Doanh thu từ xuất bản phẩm				
11	Tổng kim ngạch xuất khẩu *(nếu có)*	Triệu USD			
12	Tổng kim ngạch nhập khẩu *(nếu có)*	Triệu USD			
13	Tổng các khoản nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng			Năm
14	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng			Năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)

Biểu mẫu số 29

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ
THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TRÊN MẠNG

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

1. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về thông tin điện tử tại địa phương

1.1. Thống kế chung:

Trong 06 tháng … năm…, trên địa bản tỉnh… có:

- …. trang thông tin điện tử có tên miền .vn

- … trang thông tin điện tử có tên miền quốc tế

Trong đó: có … trang thông tin điện tử đã được cấp Giấy phép (gồm: … doanh nghiệp, … cơ quan tổ chức, … tổ chức tôn giáo, … khác)

So với cùng kỳ năm trước, tăng/giảm ….%

1.2. Công tác ban hành, hướng dẫn triển khai các văn bản về quản lý

1.3. Đánh giá thực thi pháp luật của các đối tượng quản lý

- Về tình hình thực hiện các quy định tại giấy phép

- Về đáp ứng các điều kiện kỹ thuật, nội dung theo quy định

- Vấn đề khác

2. Những vấn đề phát sinh liên quan đến công tác quản lý, kiến nghị, đề xuất.

3. Phương hướng, nhiệm vụ trong 6 tháng tiếp theo.

Nơi nhận: - Như trên: - Lưu: ……..;	**GIÁM ĐỐC** *(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)*

Biểu mẫu số 30

Tên cơ quan cấp trên
Tên cơ quan báo cáo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC- …..

……, ngày ... tháng ... năm 20 ...

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

I. Lĩnh vực phát thanh, truyền hình

STT	Số QĐ xử phạt	Tên cá nhân/ tổ chức vi phạm	Hành vi vi phạm	Hình thức xử phạt chính	Hình thức xử phạt bổ sung	Ghi chú
1						
2						
…						

II. Lĩnh vực thông tin điện tử

STT	Số QĐ xử phạt	Tên cá nhân/ tổ chức vi phạm	Hành vi vi phạm	Hình thức xử phạt chính	Hình thức xử phạt bổ sung	Ghi chú
1						
2						
…						

……, ngày … tháng … năm……

GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)

Biểu mẫu số 31

Tên cơ quan cấp trên
Tên cơ quan báo cáo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC- …..

……, ngày ... tháng ... năm 20 ...

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ TRÊN MẠNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG

(Từ tháng ... năm *... đến tháng ... năm ...)*

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

Sở VHTTDL/Sở VHTT tỉnh/thành phố ..... báo cáo hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng trên địa bàn từ ... đến hết ngày .... như sau:

I. Về công tác quản lý nhà nước

1. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý trò chơi điện tử;

2. Công tác ban hành, hướng dẫn triển khai các văn bản về quản lý trò chơi điện tử của địa phương;

3. Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng của doanh nghiệp đăng ký có trụ sở tại địa phương: tình hình thực hiện các quy định tại giấy phép, việc đáp ứng các điều kiện kỹ thuật, nội dung trò chơi, xử lý vi phạm (nếu có), những vấn đề phát sinh liên quan đến công tác quản lý, kiến nghị đề xuất;

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động cung cấp trò chơi điện tử trên mạng của các doanh nghiệp có hệ thống máy chủ đặt tại địa phương.

II. Về các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên địa bàn:

1. Bảng kê các trò chơi điện tử G2, G3 G4 đã cấp phép trong 06 tháng/01 năm qua, bao gồm các thông tin:

TT	Tên trò chơi	Tên DN được cấp	Số GCN, ngày cấp	Nguồn gốc trò chơi	Phân loại độ tuổi	Nội dung, kịch bản	Phạm vi cung cấp	Tên tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép	Địa chỉ trụ sở chính/người đại diện theo pháp luật

2. Bảng kê các trò chơi G2, G3 G4 dừng phát hành trong 06 tháng/01 năm qua, bao gồm các thông tin:

TT	Tên trò chơi	Số GCN, ngày cấp	Ngày cấp	Tên DN được cấp	Văn bản thông báo dừng phát hành của DN	Thời hạn dừng phát hành	Ghi chú

3. Bảng kê các doanh nghiệp Giấy chứng nhận/Giấy xác nhận bị đình chỉ, thu hồi, không còn hiệu lực dừng phát hành trong 06 tháng/01 năm qua, bao gồm các thông tin:

TT	Số GCN, ngày cấp/GXN	Ngày cấp	Tên DN được cấp	Quyết định đình chỉ/thu hồi	Nội dung đình chỉ/ thu hồi	Ghi chú

4. Các trò chơi điện tử trên mạng không phép hoặc trò chơi có nội dung vi phạm quy định của pháp luật về quản lý trò chơi điện tử trên mạng đang được cung cấp lại Việt Nam

TT	Tên trò chơi	Tên miền hoặc IP cung cấp trò chơi	Tên doanh nghiệp phát hành	Thể loại trò chơi (G1, G2, G3, G4)	Thu tiền tại Việt Nam (Có/Không)	Các phương thức thanh toán, hình thức thanh toán
1						
2						

III. Khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: …….;

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Biểu mẫu số 32

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
CÔNG TÁC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ 06 THÁNG/01 NĂM

I. Kết quả thực hiện trợ giúp pháp lý

1. Triển khai thực hiện Luật Trợ giúp pháp lý và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành: bao gồm xây dựng văn bản, kế hoạch hoạt động trợ giúp pháp lý; hướng dẫn nghiệp vụ; bồi dưỡng, tập huấn, truyền thông...

2. Thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý

- Kết quả thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý trong kỳ báo cáo phân theo người thực hiện trợ giúp pháp lý *(chia ra: Kỳ trước chuyển qua; Thụ lý trong kỳ) và số lượt người được trợ giúp tương ứng với số vụ việc thực hiện trong kỳ (phân theo các diện đối tượng được quy định tại Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý và các văn bản pháp luật có liên quan)* có so sánh với cùng kỳ năm trước.

- Tình hình thực hiện vụ việc tham gia tố tụng của trợ giúp viên pháp lý: (1) Số trợ giúp viên pháp lý được bổ nhiệm dưới 03 năm và tổng số vụ việc tham gia tố tụng kết thúc; (2) Số trợ giúp viên pháp lý được bổ nhiệm từ đủ 03 năm đến dưới 05 năm và tổng số vụ việc tham gia tố tụng kết thúc; (3) Số trợ giúp viên pháp lý được bổ nhiệm 05 năm trở lên và tổng số vụ việc tham gia tố tụng kết thúc.

- Số việc tư vấn pháp luật đơn giản trong kỳ báo cáo.

- Việc thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý; đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công.

3. Triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các chương trình mục tiêu quốc gia *(mục này chỉ báo cáo định kỳ theo năm).*

4. Hoạt động phối hợp *(mục này chỉ báo cáo định kỳ theo năm).*

- Hoạt động phối hợp với tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương (như Đoàn luật sư, Hội luật gia...).

- Hoạt động phối hợp trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính.

- Hoạt động phối hợp với các cơ quan, tổ chức khác.

II. Tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất, kinh phí

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí.

2. Tổ chức bộ máy.

III. Nhận xét, đánh giá

1. Thuận lợi, khó khăn.

2. Nguyên nhân.

3. Đề xuất, kiến nghị.

IV. Phương hướng hoạt động và giải pháp.

GIÁM ĐỐC
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- …;
- Lưu: VT.

Biểu mẫu số 33

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật
(Kèm theo Phụ lục)

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Những kết quả đã hoàn thành trong 06 tháng/năm *(có dẫn chứng, số liệu cụ thể*):

1. Việc xây dựng văn bản, kế hoạch triển khai, hướng dẫn công tác PBGDPL

Các cơ quan, đơn vị liệt kê cụ thể số, ngày tháng năm ban hành văn bản và số lượng văn bản, kế hoạch triển khai, hướng dẫn công tác PBGDPL đã ban hành theo Phụ lục 1 gửi kèm Công văn này.

2. Kết quả triển khai thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ và Nhân dân

2.1. Thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý công tác PBGDPL, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật (số lượng, chất lượng)

- Các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu đồng thời báo cáo về thực trạng, chất lượng hoạt động của các tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn.

Kết hợp báo cáo theo Phụ lục 2 gửi kèm Công văn này.

2.2. Tình hình triển khai thực hiện Ngày Pháp luật tại cơ quan, đơn vị, địa phương

Các cơ quan, đơn vị, địa phương nêu rõ nội dung, hình thức và đánh giá chất lượng triển khai Ngày Pháp luật tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Kết hợp báo cáo theo Phụ lục 3 gửi kèm Công văn này.

2.3. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp xã

Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu báo cáo tình hình tổ chức của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Các cơ quan, đơn vị báo cáo tình hình hoạt động theo nội dung sau:

+ Các hình thức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

+ Nội dung đã tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

+ Đánh giá chất lượng thực hiện (Hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật nào được sử dụng nhiều nhất? Hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật nào đem lại hiệu quả nhất hoặc có tính mới, đặc sắc và thu hút?)

Kết hợp báo cáo theo Phụ lục 2, Phụ lục 4 gửi kèm Công văn này.

2.4. Thực hiện PBGDPL cho các đối tượng đặc thù (bao gồm: người dân ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và ngư dân; người lao động trong các doanh nghiệp; nạn nhân bạo lực gia đình; người khuyết tật; người đang chấp hành hình phạt tù, người đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc và người đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, đặc khu, người bị phạt tù được hưởng án treo).

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả PBGDPL và phối hợp tuyên truyền, PBGDPL cho các đối tượng đặc thù theo những nội dung sau:

+ Nội dung, hình thức tuyên truyền, PBGDPL cho các đối tượng đặc thù. Đánh giá hình thức thực hiện nào đem lại hiệu quả.

+ Nguồn kinh phí được cấp phục vụ PBGDPL cho các đối tượng đặc thù (nếu có).

Kết hợp báo cáo theo Phụ lục 5 gửi kèm Công văn này.

2.5. Công tác PBGDPL trong nhà trường

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả PBGDPL và phối hợp tuyên truyền, PBGDPL cho cán bộ quản lý, học sinh, sinh viên trong nhà trường.

- Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị báo cáo thêm những nội dung sau:

+ Nội dung, hình thức tuyên truyền, PBGDPL cho học sinh, sinh viên trong nhà trường. Đánh giá hình thức thực hiện nào đem lại hiệu quả.

+ Nguồn kinh phí được cấp phục vụ PBGDPL trong nhà trường (nếu có).

Kết hợp báo cáo theo Phụ lục 6 gửi kèm Công văn này.

2.6. Kết quả thực hiện Kế hoạch số 581/KH-UBND ngày 16/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Kế hoạch số 155/KH-STP ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang thực hiện Đề án "Tổ chức truyền thông chính

sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027" trên địa bàn tỉnh An Giang

Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả thực hiện và phối hợp thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi Đề án cho cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân. Trong đó, báo cáo kết quả thực hiện truyền thông dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013.

2.7. Kết quả ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; thông qua các phương tiện truyền thông và các hình thức phù hợp khác trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

Các cơ quan đơn vị, địa phương báo cáo kết quả ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác PBGDPL, tổ chức vận hành các Trang/Cổng thông tin điện tử, phát huy vai trò của mạng xã hội, các phương tiện truyền thông, báo chí, các thiết chế văn hóa, thông tin cơ sở... tham gia PBGDPL.

2.8. Triển khai các Chương trình, Đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật

Nêu rõ các chương trình, đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật mà các cơ quan, đơn vị và địa phương đang triển khai; hiệu quả của việc thực hiện các chương trình, đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật.

2.9. Xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật điện tử quốc gia, tủ sách pháp luật tại cơ quan, đơn vị của lực lượng vũ trang nhân dân theo Quyết định số 39/2025/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ

Đánh giá hiệu quả quản lý, khai thác tủ sách pháp luật điện tử quốc gia, tủ sách pháp luật tại cơ quan, đơn vị của lực lượng vũ trang nhân dân.

3. Kết quả triển khai thực hiện Luật hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành

3.1. Công tác kiện toàn Hòa giải viên, Tổ hòa giải trên địa bàn.

3.2. Tình hình tổ chức, hoạt động của Tổ hòa giải ở cơ sở trên địa bàn theo Phụ lục 7 gửi kèm Công văn này.

3.3. Những hạn chế, khó khăn; những mô hình, cách làm hay trong việc thực hiện hòa giải ở cơ sở (nếu có).

4. Triển khai thực hiện Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Thông tư số 15/2025/TT-BTP ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg

Các xã, phường, đặc khu báo cáo:

- Công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa bàn.

- Kết quả đạt được theo Phụ lục 7 gửi kèm Công văn này.

5. Kinh phí bảo đảm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo theo các Phụ lục 2, 7 gửi kèm Công văn này.

- Nêu những khó khăn, hạn chế, bất cập trong việc đảm bảo kinh phí thực hiện công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật (nếu có).

6. Huy động nguồn lực xã hội cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Nêu rõ các hình thức, hoạt động huy động nguồn lực trong xã hội (con người và kinh phí) triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hoà giải ở cơ sở và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại các cơ quan, đơn vị và địa phương; mức kinh phí huy động được.

II. KHÓ KHĂN, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN (NẾU CÓ)

- Về hoạt động PBGDPL.

- Về hoạt động hòa giải ở cơ sở.

- Về công tác xây dựng xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (NẾU CÓ)

IV. PHƯƠNG HƯỚNG

GIÁM ĐỐC
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- …;
- Lưu: VT.

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC VĂN BẢN THỰC HIỆN CÔNG TÁC PBGDPL ĐÃ ĐƯỢC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH VÀ THAM MƯU UBND, HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PBGDPL CÙNG CẤP BAN HÀNH

STT	VĂN BẢN	GHI CHÚ
1		
2		

PHỤ LỤC 2

SỐ TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT VÀ BÁO CÁO VIÊN PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

	Số Tuyên truyền viên pháp luật cấp xã *(Người)*		**Số Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh** *(Người)* *(*)*		**Kết quả hoạt động PBGDPL**									
					PBGDPL trực tiếp		**Thi tìm hiểu pháp luật**		**Số tài liệu PBGDPL được phát hành** *(Bản)*		**Kinh phí dành cho công tác PBGDPL** *(Đồng)*			
												Chia ra		
												Kinh phí NSNN		
	Tổng số	Trong đó: Số người tham gia phổ biến pháp luật trực tiếp	Tổng số	Trong đó: Số người tham gia phổ biến pháp luật trực tiếp	Số cuộc *(Cuộc)*	Số lượt người tham dự *(Lượt người)*	Số cuộc thi *(Cuộc)*	Số lượt người dự thi *(Lượt người)*	Tổng số	Trong đó: Số lượng tài liệu đăng tải trên Internet	Tổng số kinh phí	Kinh phí NSNN phân bổ thường xuyên	Kinh phí NSNN cấp theo chương trình, đề án	Kinh phí từ nguồn hỗ trợ khác
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
Tổng số trên địa bàn tỉnh														
I. Tại cấp tỉnh	-	-												
1. Sở Tư pháp	-	-												

2. Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh	-	-												
Tên Sở ngành	-	-												
…	-	-												
II. Tại cấp xã			-	-										
Tên xã, phường, đặc khu			-	-										
…			-	-										

PHỤ LỤC 3
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÀY PHÁP LUẬT TẠI CÁC CƠ QUAN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TẦN SUẤT THỰC HIỆN	SỐ CUỘC	SỐ LƯỢT NGƯỜI THAM DỰ
1				
2				

PHỤ LỤC 4
SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PBGDPL CẤP TỈNH, CẤP XÃ

STT	TÊN ĐƠN VỊ	SỐ THÀNH VIÊN	SỐ QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP
1			
2			

PHỤ LỤC 5

KẾT QUẢ PBGDPL CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐẶC THÙ

STT	TÊN ĐƠN VỊ	VĂN BẢN HƯỚNG DẪN, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN	PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT TRỰC TIẾP		SỐ LƯỢNG TÀI LIỆU CẤP PHÁT
			SỐ CUỘC	SỐ LƯỢT NGƯỜI THAM DỰ	
1					
2					

PHỤ LỤC 6

KẾT QUẢ CÔNG TÁC PBGDPL TRONG NHÀ TRƯỜNG

STT	TÊN ĐƠN VỊ	VB CHỈ ĐẠO	PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT TRỰC TIẾP		SỐ LƯỢNG TÀI LIỆU CẤP PHÁT
			SỐ CUỘC	SỐ LƯỢT NGƯỜI THAM DỰ	
1					
2					

PHỤ LỤC 7
CÔNG TÁC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

Đơn vị tính: Người

	Số tổ hòa giải *(Tổ)*	**Hòa giải viên** *(Người)*							**Tổng số vụ việc tiếp nhận hòa giải** (bao gồm số vụ chưa giải quyết xong kỳ trước chuyển sang) *(Vụ việc*	**Kết quả hòa giải (Vụ việc)**						**Kinh phí hỗ trợ cho tổ hòa giải/hòa giải viên (Đồng)**		**Số xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**
		Tổng số	Chia theo giới tính		Chia theo trình độ chuyên môn		Trong đó			Số vụ việc hòa giải thành	Số vụ việc hòa giải không thành				Số vụ việc chưa giải quyết xong			
			Nam	Nữ	Chuyên môn Luật	Chưa qua đào tạo chuyên môn Luật	Dân tộc thiểu số	Số hòa giải viên được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ			Tổng số	Mâu thuẫn giữa các bên	Tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình	Vụ việc khác thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở		Tổng kinh phí hỗ trợ	Trong đó: Kinh phí Chi thù lao	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
Tổng số trên địa bàn tỉnh																		
Tên xã, phường, đặc khu																		
…….																		

Biểu mẫu số 34

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả công tác tư pháp tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm và phương hướng, nhiệm vụ tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Theo Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc giao nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang năm 2026 (Đính kèm Phụ lục 1)

1.1. Đã hoàn thành .../... nhiệm vụ

1.2. Còn trong hạn .../... nhiệm vụ

1.3. Trễ hạn .../... nhiệm vụ

2. Theo Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 18/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Chương trình công tác năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Đính kèm Phụ lục 2)

2.1. Đã hoàn thành .../... nhiệm vụ

2.2. Còn trong hạn .../... nhiệm vụ

2.3. Trễ hạn .../... nhiệm vụ

3. Theo Chương trình số 592/CTr-STP ngày 27/01/2026 của Sở Tư pháp công tác tư pháp năm 2026 (Đính kèm Phụ lục 3)

3.1. Đã hoàn thành .../... nhiệm vụ

3.2. Còn trong hạn .../... nhiệm vụ

3.3. Trễ hạn .../... nhiệm vụ

4. Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra văn bản pháp luật

4.1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

4.2. Công tác góp ý, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật:

4.3. Công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật:

5. Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật

5.1. Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính:

5.2. Công tác theo dõi thi hành pháp luật:

6. Công tác pháp chế

7. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

7.1. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật:

7.2. Công tác hòa giải ở cơ sở:

7.3. Công tác chuẩn tiếp cận pháp luật:

7.4. Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:

8. Công tác hành chính tư pháp và bổ trợ tư pháp

8.1. Công tác hành chính tư pháp:

8.2. Công tác bổ trợ tư pháp:

9. Công tác Văn phòng

9.1. Công tác tham mưu, tổng hợp:

9.2. Công tác tổ chức, cán bộ và xây dựng ngành:

9.3. Công tác thi đua, khen thưởng:

9.4. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyển đổi số, cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính và ISO:

10. Công tác khác

10.1. Về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị:

10.2. Nội dung liên quan đến APEC 2027:

11. Việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh

12. Hoạt động của các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở

12.1. Lĩnh vực trợ giúp pháp lý

12.2. Lĩnh vực công chứng

12.3. Lĩnh vực đấu giá tài sản

II. NGUYÊN NHÂN, GIẢI PHÁP (nếu có)

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THÁNG, 6 THÁNG, 9 THÁNG, NĂM

1. Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

2. Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật

3. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

4. Công tác hành chính và bổ trợ tư pháp

5. Công tác văn phòng

6. Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 1, 2 An Giang

7. Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản

8. Các Phòng Công chứng

Nơi nhận:
- ...;
- ...;
- Lưu: VT.

Nơi nhận:

….
(ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 1

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO THÁNG, 6 THÁNG, 9 THÁNG, NĂM

Stt	Nội dung công việc	Tiến độ thực hiện	Giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả sản phẩm (ghi rõ số VB, ngày, tháng, năm; đã hoàn thành/còn trong hạn/trễ hạn)
1						
2						

PHỤ LỤC 2

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH GIAO THÁNG, 6 THÁNG, 9 THÁNG, NĂM

Stt	Nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan nhận	Thời gian thực hiện	Kết quả sản phẩm (ghi rõ số VB, ngày, tháng, năm; đã hoàn thành/còn trong hạn/trễ hạn)
1							
2							

PHỤ LỤC 3

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH THÁNG, 6 THÁNG, 9 THÁNG, NĂM

Stt	Nội dung công việc	Tiến độ thực hiện	Giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả sản phẩm (ghi rõ số VB, ngày, tháng, năm; đã hoàn thành/còn trong hạn/trễ hạn)
1						
2						

Biểu mẫu số 35

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm

I. TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Tình hình khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tư pháp cơ bản ổn định, không phát sinh vụ việc phức tạp, đông người. Tuy nhiên, đơn phản ánh, kiến nghị của công dân về lĩnh vực đất đai, thi hành án, hộ tịch, công chứng, luật sư và đấu giá có xu hướng tăng.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Công tác tiếp công dân

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn

a) Tổng số đơn đã tiếp nhận trong kỳ

b) Phân loại, xử lý đơn thuộc thẩm quyền

c) Phân loại, xử lý đơn không thuộc thẩm quyền

3. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo

a) Kết quả giải quyết khiếu nại

b) Kết quả giải quyết tố cáo

4. Kết quả thi hành Quyết định giải quyết khiếu nại, thực hiện Kết luận nội dung tố cáo.

5. Bảo vệ người tố cáo.

6. Công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

a) Sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo

b) Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế, ban hành văn bản chỉ đạo điều hành và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

IV. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THÁNG, QUÝ, 6 THÁNG, 9 THÁNG, NĂM

Nơi nhận:
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Giám đốc; Phó Giám đốc Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, KNTC.

GIÁM ĐỐC

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN THƯỜNG XUYÊN, ĐỊNH KỲ VÀ ĐỘT XUẤT
Số liệu tính từ ngày ….. đến ngày ….

Đơn vị	Tổng số lượt tiếp	Tổng số người được tiếp	Tổng số vụ việc tiếp	Tổng số đoàn đông người	Tiếp thường xuyên					Tiếp định kỳ và đột xuất của Thủ trưởng										
					Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc	Trong đó đoàn đông người		Thủ trưởng tiếp						Ủy quyền tiếp				
								Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Số ngày tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc	Trong đó đoàn đông người		Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc	Trong đó đoàn đông người	
														Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp					Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp
MS	1=5+11+17	2=6+12+18	3=7+13+19	4=8+14+20	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21

22. Ghi chú: không có.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN
Số liệu tính từ ngày ….. đến ngày…..

Đơn vị	Tổng số đơn	Số đơn đã xử lý	Số đơn đủ điều kiện xử lý	Số đơn thuộc thẩm quyền	Số vụ việc thuộc thẩm quyền	Số đơn thuộc thẩm quyền																	Số đơn không thuộc thẩm quyền		
						Khiếu nại						Tố cáo							Kiến nghị, phản ánh				Tổng số đơn	Phân loại theo kết quả xử lý	
						Tổng số đơn	Phân loại theo thẩm quyền giải quyết		Phân loại theo lĩnh vực			Tổng số đơn	Phân loại theo thẩm quyền giải quyết		Phân loại theo lĩnh vực				Tổng số đơn	Phân loại theo lĩnh vực					
							Khiếu nại lần đầu	Khiếu nại lần 2	Đất đai	Chế độ, chính sách	Khác		Tố cáo lần đầu	Tố cáo tiếp	Hành chính	Tham nhũng	Tư pháp	Khác		Chế độ, chính sách	Đất đai	Khác		Hướng dẫn	Chuyển đơn
MS	1	2	3=4+23	4=6+12+19	5	6=7+8	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16	17	18	19=20+21+22	20	21	22	23=24+25	24	25

26. Ghi chú: - Tiếp nhận trong kỳ là …đơn, kỳ trước chuyển sang là …đơn. Tổng là …đơn.

- Xếp lưu … đơn, do không đủ điều kiện xử lý theo quy định.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI
Số liệu tính từ ngày ……. đến ngày ……

Đơn vị	Tổng số đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền	Tổng số vụ việc	Phân tích kết quả				Tổng số quyết định ban hành trong kỳ	Giải quyết lần đầu			Giải quyết lần 2		Kiến nghị thu hồi cho Nhà nước		Trả lại cho tổ chức, cá nhân				Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		
			Đang xem xét điều kiện thụ lý	Đã thụ lý giải quyết	Không thụ lý	Rút đơn, đình chỉ giải quyết		Khiếu nại đúng	Khiếu nại sai	Khiếu nại đúng một phần	Công nhận kết quả lần đầu	Hủy, sửa kết quả lần đầu	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Tổng số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Tổng số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức
MS	1	2=3+4+5+6	3	4	5	6	7=8+9+10+11+12	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23

24. Ghi chú: Không có.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO
Số liệu tính từ ngày ….. đến ngày …..

Đơn vị	Tổng số đơn tố cáo thuộc thẩm quyền	Tổng số vụ việc	Phân tích kết quả				Tổng số kết luận ban hành trong kỳ	Tố cáo lần đầu			Tố cáo tiếp			Kiến nghị thu hồi cho Nhà nước		Trả lại cho tổ chức cá nhân				Kiến nghị xử lý hành chính			Chuyển cơ quan điều tra		
			Đang xem xét điều kiện thụ lý	Đã thụ lý giải quyết	Không thụ lý	Rút đơn, đình chỉ giải quyết		Tố cáo đúng	Tố cáo sai	Tố cáo có đúng có sai	Tố cáo tiếp đúng	Tố cáo tiếp sai	Tố cáo tiếp có đúng có sai	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Tổ chức	Cá nhân	Trong đó, cán bộ, công chức	Số vụ	Số đối tượng	Trong đó, số cán bộ, công chức, viên chức
MS	1	2+3+4+5+6	3	4	5	6	7=8+9+10+11+12+13	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25

26. Ghi chú: Không có.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH, THỰC HIỆN KẾT LUẬN
Số liệu tính từ ngày ….. đến ngày …..

Đơn vị	Kết quả thi hành Quyết định giải quyết khiếu nại															Kết quả thực hiện Kết luận nội dung Tố cáo														
	Tổng số Quyết định phải thi hành trong kỳ	Tổng số Quyết định đã thi hành trong kỳ	Thu hồi cho Nhà nước				Trả lại cho tổ chức, cá nhân				Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố			Tổng số Kết luận phải thực hiện trong kỳ	Tổng số Kết luận đã được thực hiện xong	Thu hồi cho Nhà nước				Trả lại cho tổ chức, cá nhân				Đã xử lý hành chính			Đã khởi tố		
			Phải thu		Đã thu		Phải trả		Đã trả		Tổng số người bị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức			Phải thu		Đã thu		Phải trả		Đã trả		Tổng số tổ chức bị xử lý	Tổng số cá nhân bị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số đối tượng	Trong đó số cán bộ, công chức, viên ch
			Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)								Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)						
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31

32. Ghi chú: Không có.

TỔNG HỢP CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO
Số liệu tính từ ngày ….. đến ngày …..

Đơn vị	Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo (Bộ, ngành, tỉnh, TP) về công tác TCD, KN, TC			Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về TCD, KC, TC		Thanh tra trách nhiệm							Kết quả thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra trách nhiệm				
	Số văn bản ban hành mới	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung	Số văn bản hủy bỏ	Số lớp	Số người	Thực hiện pháp luật về TCD, KN, TC		Số cuộc đã ban hành kết luận	Kiến nghị xử lý				Tổng số KLTT thực hiện	Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố	
						Số cuộc	Số đơn vị		Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra			Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng
									Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân					
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17

18. Ghi chú: Không có

Biểu mẫu số 36

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Về tổ chức thi hành pháp luật ...[5]

Thực hiện công tác tổ chức thi hành pháp luật hằng năm, ...[6] báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TỔ CHỨC THI HÀNH PHÁP LUẬT ....[7]

- Việc ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện tổ chức thi hành pháp luật.

- Việc ban hành các Kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật (nếu có) (ghi rõ số lượng, tên của văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản).

- Việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ nêu tại kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật (ghi rõ tên của văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản).

II. TỔ CHỨC THI HÀNH PHÁP LUẬT....[8]

1. Kết quả đạt được

- Việc thực hiện các nội dung tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật[9].

- Việc thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật[10].

- Tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành văn bản quy phạm pháp luật[11] và tính chính xác, thống nhất trong áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền[12].

- Mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân[13].

- Việc bảo đảm các điều kiện về nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất cho tổ chức thi hành pháp luật[14].

- Các nội dung khác (nếu có).

2. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

3. Nhận định chung về kết quả theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật

Nêu nhận định về tác động của việc thi hành các quy định pháp luật đối với đời sống kinh tế, xã hội (tác động tích cực, tác động tiêu cực).

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:
- ….. (15)
- Lưu: VT,…

…… (16)

Ghi chú:

(1) Mẫu này dùng cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp tổng hợp, cung cấp số liệu về tổ chức thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực, địa bàn.

(2) và (6) Ghi tên của cơ quan lập báo cáo.

(3) Chữ viết tắt tên của cơ quan lập báo cáo.

(4) Địa danh ghi theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

(5), (7) và (8) Ghi năm thực hiện báo cáo hoặc lĩnh vực cụ thể.

(9) Báo cáo theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan báo cáo.

(10) Lĩnh vực trọng tâm, liên ngành/lĩnh vực cụ thể.

(11) Báo cáo trên cơ sở những nội dung sau: (i) Thực hiện đúng thời hạn các nhiệm vụ được giao trong văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch, văn bản khác của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền; (ii) Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao trong văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch, văn bản khác của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

(12) Báo cáo thể hiện rõ văn bản áp dụng pháp luật đã ban hành có/không vi phạm về thẩm quyền, có/không có nội dung trái với quy định pháp luật; việc áp dụng pháp luật có/không vi phạm về trình tự, thủ tục.

(13) Báo cáo trên cơ sở những nội dung sau: (i) Tình hình vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ; (ii) Tình hình vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong các lĩnh vực tổ chức thi hành pháp luật.

(14) Báo cáo trên cơ sở những nội dung sau: (i) Cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị phù hợp với văn bản, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (ii) Số lượng người làm việc thực tế đủ so với chỉ tiêu biên chế được giao; (iii) Người làm việc đáp ứng tiêu chuẩn về vị trí việc làm theo quy định; (iv) Kinh phí cấp thực tế cho thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị so với kế hoạch thực hiện hoặc yêu cầu của nhiệm vụ; (v) Cơ sở vật chất thực tế dành cho thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị so với kế hoạch thực hiện hoặc yêu cầu của nhiệm vụ.

(15) Ghi tên của cơ quan nhận báo cáo.

(16) Quyền hạn và chức vụ của người ký báo cáo.

Biểu mẫu số 37

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm .....

Thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm ....., ... 4 báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Công tác chỉ đạo triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành luật

- Nêu rõ tên, hình thức văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành: Công văn, Quyết định, Kế hoạch, Quy chế,...

- Việc xây dựng, trình phê duyệt và triển khai các Chương trình, Kế hoạch, Đề án triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Nêu rõ tên, hình thức văn bản quy phạm pháp luật trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền nhằm triển khai thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

3. Công tác phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính

- Nêu rõ các hình thức phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn: Hội thảo, hội nghị; đưa tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng; biên soạn tài liệu; sách; sổ tay về xử lý vi phạm hành chính;...

- Nêu rõ số lượng tin, bài; tài liệu; sách; sổ tay; cuộc hội thảo, hội nghị; số người/ lượt người được phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ;...

4. Công tác kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

- Công tác kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính: Nêu rõ việc có hay không ban hành kế hoạch kiểm tra; tổng số cuộc kiểm tra đã

1 Tên của cơ quan lập báo cáo.

2 Chữ viết tắt tên của cơ quan lập báo cáo.

3 Địa danh ghi theo hướng dẫn về thể thức của Chính phủ.

4 Tên của cơ quan lập báo cáo được tiến hành; kết quả của việc kiểm tra.

- Công tác thanh tra, phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính: Nêu rõ việc có hay không ban hành kế hoạch thanh tra; tổng số cuộc thanh tra đã được tiến hành; kết quả của việc thanh tra, phối hợp thanh tra (nếu có).

II. TÌNH HÌNH VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Tình hình xử phạt vi phạm hành chính

- Nhận xét, đánh giá chung về tình hình vi phạm hành chính, các loại vi phạm hành chính phổ biến; tình hình xử phạt vi phạm hành chính; tình hình áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.

- So sánh sự tăng hay giảm, % tăng hay % giảm so với cùng kỳ năm trước đối với các số liệu sau: Tổng số vụ vi phạm; tổng số đối tượng bị xử phạt; kết quả thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; tổng số tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính;... (Tất cả các số liệu quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP).

2. Tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

- Nhận xét, đánh giá chung về tình hình áp dụng pháp luật về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

- So sánh sự tăng hay giảm, % tăng hay % giảm so với cùng kỳ năm trước đối với các số liệu sau: Tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; tổng số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính; tổng số đối tượng vi phạm là người chưa thành niên được áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình và giáo dục dựa vào cộng đồng; tình hình tổ chức thi hành các quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính;... (Tất cả các số liệu quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi

phạm hành chính, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP).

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC CHỦ YẾU TRONG THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH, NGUYÊN NHÂN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

(Từ thực tiễn công tác xử lý vi phạm hành chính trong kỳ báo cáo, cơ quan lập báo cáo đưa ra những nhận xét, đánh giá về những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong công tác xử lý vi phạm hành chính).

1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định pháp luật

1.1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính

1.2. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của các văn bản quy định chi tiết, biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính

1.3. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan

2. Khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành

2.1. Về các điều kiện bảo đảm thi hành Luật

a) Kinh phí; cơ sở vật chất, kỹ thuật

b) Tổ chức bộ máy, nhân sự

2.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ

2.3. Việc phối hợp giữa các ngành, cơ quan chức năng trong xử lý vi phạm hành chính

2.4. Về việc báo cáo, thống kê

2.5. Về công tác kiểm tra, thanh tra

2.6. Những khó khăn, vướng mắc khác

3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

3.1. Nguyên nhân chủ quan

3.2. Nguyên nhân khách quan

4. Đề xuất, kiến nghị

(Xuất phát từ những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong công tác xử lý vi phạm hành chính, cơ quan lập báo cáo đưa ra những kiến nghị, đề xuất về chủ trương, giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác xử lý vi phạm hành chính, góp phần giảm thiểu và ngăn ngừa các vi phạm hành chính).

Trên đây là báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm .....

Nơi nhận:
- .... 6 ;
- Lưu: VT, ...

…….

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU BÁO CÁO VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

STT	Cơ quan/đơn vị ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính	Số vụ vi phạm							Đối tượng bị xử phạt						Quyết định xử phạt vi phạm hành chính			Số quyết định hoãn, miễn, giảm	Số quyết định bị cưỡng chế thi hành	Số quyết định bị khiếu nại, khởi kiện	Tổng số tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính *(đồng)*			
		Số vụ chuyển truy cứu trách nhiệm hình sự	Số vụ vi phạm hành chính						Tổng cộng số đối tượng bị xử phạt	Tổ chức	Cá nhân			Đối tượng khác (như hộ gia đình, hộ kinh doanh,...)	Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính	Số quyết định đã thi hành	Số quyết định chưa thi hành xong				Số tiền phạt đã thu được	Số tiền nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt tiền	Số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu	Các khoản tiền khác thu từ xử phạt vi phạm hành chính
			Tổng cộng	Số vụ bị xử phạt vi phạm hành chính	Số vụ không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính	Số vụ đã bị lập biên bản vi phạm hành chính nhưng chưa ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính	Số vụ do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến để xử phạt vi phạm hành chính	Số vụ áp dụng biện pháp thay thế nhắc nhở đối với người chưa thành niên			Tổng số đối tượng là cá nhân	Dưới 18 tuổi	Từ đủ 18 tuổi trở lên											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)
	Tổng cộng																							

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU BÁO CÁO
VỀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

STT	Biện pháp xử lý hành chính	Tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị	Tổng số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính	Tổng số người chưa thành niên được áp dụng biện pháp thay thế quản lý tại gia đình	Tổng số người chưa thành niên được áp dụng biện pháp thay thế giáo dục dựa vào cộng đồng	Kết quả thi hành các quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính						
						Tổng số đối tượng đang chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng đã chấp hành xong quyết định	Tổng số đối tượng được tạm đình chỉ chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được giảm thời hạn chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được hoãn chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được miễn chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được miễn chấp hành thời gian còn lại
(1)	(2)	(3)	(4) = (7) + (8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Giáo dục tại xã, phường, đặc khu				-				-	-	-	
2	Đưa vào trường giáo dưỡng			-								
3	Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc			-	-							
4	Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc			-	-							

Biểu mẫu số 38

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày … tháng … năm 20 …*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác tháng/quý/06 tháng/năm và phương hướng nhiệm vụ…

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC THÁNG …/QUÝ/06 THÁNG/NĂM …

Nêu khái quát đặc điểm, tình hình: Những yếu tố khách quan, chủ quan; thuận lợi, khó khăn tác động đến việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị và công tác trọng tâm của đơn vị, của Ngành.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MẶT CÔNG TÁC CỤ THỂ:

I. Những kết quả công tác nổi bật đơn vị đã đạt được trong kỳ báo cáo

II. Đánh giá, kiểm điểm tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch tháng, quý, năm của đơn vị và các vấn đề phát sinh

1. Công tác giám sát quản lý

1.1. Tình hình:

- Tình hình thực hiện chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh;

- Tình hình thực hiện các quy trình thủ tục hải quan.

1.2. Kết quả cụ thể:

- Tổng số doanh nghiệp đã tham gia làm thủ tục hải quan, trong đó nêu rõ từng loại hình doanh nghiệp cụ thể;

- Mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu chủ yếu; phân tích rõ nguyên nhân tăng, giảm kim ngạch của từng mặt hàng chủ yếu hoặc mặt hàng mới phát sinh;

- Tổng số lượng phương tiện, hành khách xuất nhập cảnh.

(So sánh số liệu trên với số liệu kỳ báo cáo trước và cùng kỳ năm trước)

1.3. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc; nguyên nhân; đề xuất, kiến nghị giải pháp khắc phục.

2. Công tác quản lý thuế

2.1. Tình hình:

- Những việc đơn vị đã triển khai thực hiện trong kỳ báo cáo;

- Đánh giá tình hình thực hiện chế độ, quy trình thu thuế, lệ phí, thu khác;

- Tiến độ thu; nguyên nhân chính làm tăng, giảm số thu của đơn vị;

- Tình hình nợ đọng thuế; nguyên nhân; đề xuất, kiến nghị giải pháp cụ thể để thu hồi nợ đọng thuế.

2.2. Kết quả cụ thể:

	Trong tháng *(đ.vị: triệu đồng)*	**So với tháng trước** *(±%)*	**Lũy kế từ đầu năm**	**So với kế hoạch giao** *(%)*	**So với cùng kỳ năm trước** *(±%)*
Tổng số thu *- Thuế VAT:* *- Thuế XK:* *- Thuế NK:* *- Thuế TTĐB:* *- Thu khác:*					
Tổng số nợ đọng *- Số nợ trong hạn:* *- Số nợ quá hạn:*					

1.3. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc; nguyên nhân; đề xuất, kiến nghị giải pháp khắc phục.

3. Công tác điều tra chống buôn lậu

3.1. Tình hình:

- Đặc điểm tình hình, phương thức, thủ đoạn buôn lậu, gian lận thương mại trên địa bàn: mặt hàng; đối tượng; hành vi, thủ đoạn chính;

- Tình hình triển khai thực hiện các biện pháp nghiệp vụ; công tác phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài ngành...

3.2. Kết quả cụ thể:

Kết quả	**Số vụ**	**Trị giá**	**So với tháng trước** *(±%)*		**Luỹ kế từ đầu năm**		**So với cùng kỳ năm trước** *(±%)*	
			Số vụ	**Trị giá**	**Số vụ**	**Trị giá**	**Số vụ**	**Trị giá**
Buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới								
Vận chuyển trái phép chất ma tuý qua biên giới								

Vi phạm sở hữu trí tuệ, hàng giả								
Vi phạm hành chính								
Vi phạm khác								
Tổng số								

*/ Kết quả xử lý vi phạm pháp luật hải quan trong tháng:

- Hành chính: + Phạt tiền:…….vụ; số tiền…….đồng;

+ Phạt bổ sung:…….vụ; trị giá;

+ Ấn định thuế:……..vụ; số tiền……đồng;

+ Trị giá tang vật bị tịch thu bán đấu giá;

+ Tổng số nộp Ngân sách: ……đồng.

- Hình sự:

+ Hải quan ra quyết định khởi tố:……..vụ; trị giá tang vật……..

+ Chuyển cơ quan khác đề nghị khởi tố:……vụ; trị giá tang vật…….

*/ Vụ việc nổi cộm, điển hình (liên quan đến hàng cấm hoặc hàng có trị giá lớn): nêu rõ tên đơn vị phát hiện, bắt giữ; diễn biến, đối tượng, hành vi, thủ đoạn, mặt hàng vi phạm.

3.3. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc; nguyên nhân; đề xuất, kiến nghị giải pháp khắc phục.

4. Công tác thu thập, xử lý thông tin và quản lý rủi ro

4.1. Tình hình: Những việc đơn vị đã triển khai, thực hiện trong tháng.

4.2. Kết quả:

- Kết quả phân luồng: ……

- Số lượng hồ sơ rủi ro thiết lập trên VCIS: ……..

- Số lượng tiêu chí thiết lập trên VCIS: ……

- Số lượng hồ sơ doanh nghiệp phê duyệt trên Hệ thống Risk management: ……..

- Số lượng hồ sơ vi phạm cập nhật trên hệ thống quản lý vi phạm hải quan: ……....

4.3. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc; nguyên nhân; đề xuất, kiến nghị giải pháp khắc phục.

5. Công tác kiểm tra sau thông quan

5.1. Tình hình:

- Những việc đơn vị đã triển khai trong tháng;

- Các biện pháp nghiệp vụ đơn vị đã triển khai.

5.2. Kết quả:

- Kết quả KTSTQ theo từng lĩnh vực nghiệp vụ: giá, mã số hàng hóa, gia công – sản xuất xuất khẩu, chính sách thương mại, xuất xứ hàng hóa,… Nhận xét, đánh giá chung về hành vi vi phạm, loại hình doanh nghiệp vi phạm, …

- Đã ra quyết định và tiến hành kiểm tra sau thông quan: …… vụ; trong đó:

+ …… vụ kiểm tra theo kế hoạch do Cục Hải quan giao;

+ …… vụ kiểm tra theo kế hoạch của Chi cục thực hiện kiểm tra theo dấu hiệu vi phạm và quản lý rủi ro;

+ …… vụ kiểm tra tại trụ sở cơ quan Hải quan và tại doanh nghiệp.

- Đã hoàn thành kiểm tra sau thông quan: …… vụ; trong đó:

+ …… vụ kiểm tra theo kế hoạch do Cục Hải quan giao;

+ …… vụ kiểm tra theo kế hoạch của Chi cục thực hiện kiểm tra theo dấu hiệu vi phạm và quản lý rủi ro;

+ …… vụ kiểm tra tại trụ sở cơ quan Hải quan và tại doanh nghiệp.

- Tổng số tiền thuế ấn định và tiền phạt vi phạm hành chính đã thu, số tiền thuế đã hoàn (nếu có)

5.3. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc; nguyên nhân; đề xuất, kiến nghị giải pháp khắc phục.

6. Công tác thanh tra, kiểm tra

6.1. Tình hình:

- Những việc đơn vị đã triển khai trong tháng;

- Các biện pháp nghiệp vụ đơn vị đã triển khai.

6.2. Kết quả:

- Kết quả thanh tra chuyên ngành, kiểm tra nội bộ (thực hiện …… cuộc,

ban hành kết luận …… cuộc. Tổng số tiền kiến nghị truy thu …… đồng, thu nộp NSNN: …… đồng).

6.3. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc; nguyên nhân; đề xuất, kiến nghị giải pháp khắc phục.

7. Ứng dụng công nghệ thông tin và dịch vụ công trực tuyến

7.1. Tình hình triển khai ứng dụng CNTT tại đơn vị;

7.2. Kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến;

7.3. Tồn tại, vướng mắc và những biện pháp cụ thể thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ thông tin.

8. Công tác cải cách hành chính, hiện đại hoá hải quan

- Đánh giá tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính và hiện đại hoá của đơn vị;

- Những nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp đã thực hiện, kết quả;

- Tồn tại, khó khăn, vướng mắc; nguyên nhân; đề xuất, kiến nghị giải pháp khắc phục.

9. Công tác nội ngành ***(công tác tổ chức cán bộ, đào tạo; tài chính; văn phòng; các hoạt động đoàn thể:*** *……)*

B. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CẦN XIN Ý KIẾN CHỈ ĐẠO CỦA CỤC HẢI QUAN, CỦA BỘ TÀI CHÍNH, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ theo lĩnh vực được phân công trên địa bàn quản lý, đơn vị nêu những khó khăn, vướng mắc, vấn đề nổi cộm cần xử lý và tham mưu, đề xuất, kiến nghị giải pháp với Cục Hải quan, Uỷ ban nhân dân Tỉnh hoặc qua Cục Hải quan để kiến nghị với các Bộ, Ngành, Chính phủ về chế độ, chính sách có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quản lý nhà nước về hải quan.

Lưu ý: Vấn đề vướng mắc, kiến nghị cần nêu ngắn gọn, trọng tâm; kiến nghị đúng cấp có thẩm quyền.

- Những công việc đơn vị xin ý kiến Cục Hải quan nhưng chưa được trả lời đúng hạn, hoặc chưa triển khai, giải quyết.

C. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC (PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ) THÁNG …/QUÝ/06 THÁNG/ NĂM SAU

1. Dự báo tình hình kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến triển khai nhiệm vụ tháng .../quý/06 tháng/năm sau.

2. Xác định nhiệm vụ, mục tiêu trọng tâm; xây dựng chương trình, kế hoạch, giải pháp thực hiện trong kỳ tiếp theo.

Lưu ý:

- Khuyến khích đơn vị xác định những chỉ tiêu có tính định lượng cho kỳ báo cáo tiếp theo.

- Không liệt kê nhiệm vụ, công việc thường xuyên, lặp lại của đơn vị.

- Phương hướng nhiệm vụ đã xác định của đơn vị tại kỳ báo cáo trước là cơ sở đánh giá kết quả triển khai nhiệm vụ công tác của đơn vị tại kỳ báo cáo tiếp theo.

Nơi nhận:
- LĐC phụ trách (để báo cáo);
- Văn phòng CHQ;
- UBND tỉnh An Giang;
- LĐ Chi cục;
- Lưu: VT, VP.

CHI CỤC TRƯỞNG

Biểu mẫu số 39

Tên cơ quan cấp trên	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Tên cơ quan báo cáo	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả công tác đối ngoại năm 202…, phương hướng hoạt động đối ngoại năm 202…

I. TÌNH HÌNH CÓ LIÊN QUAN

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới.
- Quan hệ hợp tác với chính quyền, lực lượng chức năng phía Campuchia.
- Các hoạt động đối ngoại cấp tỉnh, cấp ngành đã tham gia.
- Các yếu tố tác động đến công tác đối ngoại (thuận lợi chung, cơ chế chính sách, hiệp định song phương...).

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI NĂM 20……

1. Kết quả thực hiện hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

- Duy trì quan hệ hợp tác, hữu nghị với phía bạn
- Công tác phối hợp giải quyết thủ tục xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh
- Hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, đoàn qua lại biên giới
- Công tác phối hợp thực hiện các hiệp định, nghị định

Kết quả số liệu:

- Tờ khai
- Kim ngạch
- Phương tiện, hành khách
- Các hoạt động nổi bật

2. Kết quả thực hiện hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh An Giang

- Quan hệ hợp tác với các tỉnh giáp biên Campuchia
- Hoạt động hỗ trợ đoàn công tác, hội chợ, xúc tiến thương mại
- Công tác phối hợp giữa các lực lượng chức năng

Kết quả số liệu:

- Tờ khai

- Kim ngạch

- Phương tiện, hành khách

- Hoạt động tiêu biểu

3. Tổ chức đoàn ra, đón đoàn vào; tiếp và làm việc với các đoàn khách quốc tế; tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế được giao chủ trì

- Đoàn vào:

- Đoàn ra:

- Tiếp và làm việc với các đoàn khách quốc tế:

- Hội nghị, hội thảo quốc tế được giao chủ trì:

4. Việc triển khai, thực hiện các chương trình, dự án nước ngoài; trao đổi thông tin, xác minh với Hải quan các nước và các hoạt động đối ngoại khác

5. Việc tham dự các phiên họp, hội nghị, hội thảo quốc tế

III. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

- Sự quan tâm chỉ đạo của cấp trên

- Quan hệ hợp tác tốt với phía bạn

- Sự phối hợp giữa các lực lượng

2. Khó khăn, vướng mắc

- Những tồn tại (nếu có)

- Nguyên nhân

IV. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI NĂM 2026

- Kế hoạch tổ chức đoàn ra, đoàn vào

- Tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ hợp tác quốc tế

- Nâng cao hiệu quả công tác thông quan, tạo thuận lợi thương mại

- Triển khai các hiệp định, thỏa thuận đã ký kết

- Tăng cường tuyên truyền pháp luật cho cư dân biên giới

- Phối hợp các lực lượng chức năng tại cửa khẩu

- Hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại, giao lưu hợp tác.

Nơi nhận:
- Văn phòng Cục;
- UBND Đồng Tháp, An Giang;
- Các đơn vị thuộc Chi cục;
- Lưu: VT, VP, ….

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu mẫu số 40

BIỂU MẪU SỐ LIỆU BÁO CÁO

Thông tin tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh An Giang tháng…

KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA QUA CỬA KHẨU BIÊN GIỚI AN GIANG THÁNG

Cửa khẩu	Tổng KN XNK qua cửa khẩu An Giang (USD)	% tăng, giảm so cùng kỳ	Xuất, nhập đăng ký tại cửa khẩu biên giới An Giang						Tạm nhập - Tái xuất, Tạm xuất - Tái nhập (USD)	% tăng, giảm so cùng kỳ
			Tổng KN XNK (USD)	% tăng, giảm so cùng kỳ	Xuất (USD)	% tăng, giảm so cùng kỳ	Nhập (USD)	% tăng, giảm so cùng kỳ		
Cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên										
Cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương										
Cửa khẩu Khánh Bình										
Cửa khẩu Vĩnh Hội Đông + Bắc Đai										

Cửa khẩu quốc tế Hà Tiên										
Cửa khẩu Giang Thành										
Tổng Cộng										

HÀNG HÓA NHẬP KHẨU CHỦ YẾU QUA CỬA KHẨU BIÊN GIỚI TỈNH AN GIANG THÁNG

Kim ngạch nhập khẩu (USD)					Tạm nhập, tái nhập (USD)		Hàng cư dân biên giới nhập khẩu (USD)	
STT	**Tên cửa khẩu**	**Loại cửa khẩu**	**Tháng**	**Lũy kế**	**Tháng**	**Lũy kế**	**Tháng**	**Lũy kế**
I	**Hà Tiên**	Quốc tế						
1	Hải sản (cá thu, cá minh thái, cá hoki, cá dũa, thịt nghêu …)							
2	Đá xây dựng							
3	Thạch cao							
4	Than đá							
5	Phụ tùng máy may							
6	Màng nhựa							
7	Nước mắm							
Tổng kim ngạch								
II	**Giang Thành**	Quốc Gia		-				
1	Quả xoài tươi							
2	Thóc hạt							

Tổng kim ngạch								
III	**Tịnh Biên**	Quốc tế						
1	Quả xoài keo tươi							
2	Thóc hạt							
3	Đường cát trắng							
4	Nhập cửa hàng miễn thuế (rượu, bia, mỹ phẩm, đồ gia dụng, bánh kẹo, sữa, thực phẩm…)							
Tổng kim ngạch								
IV	**Vĩnh Hội Đông + Bắc Đai**	Quốc gia						
1	Thóc hạt							
	Tổng kim ngạch							
V	**Khánh Bình**	Quốc gia						
1	Quả xoài tươi							
2	Thóc hạt							
3	Gạo tấm							
4	Cám gạo							
	Tổng kim ngạch							
VI	**Vĩnh Xương**	Quốc tế						
1	Hạt đậu xanh							

2	Hạt vừng							
3	Hạt sen khô							
4	Đường cát trắng							
5	Cát tự nhiên							
6	Quặng sắt (thô)							
7	Dăm gỗ keo							
8	Giấy phế liệu							
9	Sắt phế liệu							
10	Khăn lau tay							
11	Bơm nước							
	Tổng kim ngạch							
Tổng kim ngạch các cửa khẩu								

HÀNG HÓA XUẤT KHẨU CHỦ YẾU QUA CỬA KHẨU BIÊN GIỚI TỈNH AN GIANG THÁNG

Kim ngạch xuất khẩu (USD)					Tạm xuất, tái xuất (USD)		Hàng cư dân biên giới xuất khẩu (USD)	
STT	**Tên cửa khẩu**	**Loại cửa khẩu**	**Tháng**	**Lũy kế**	**Tháng**	**Lũy kế**	**Tháng**	**Lũy kế**
I	**Hà Tiên**	Quốc tế						
1	Hải sản: cá bống mú, cá chẽm, cá sòng, cá bạc má, cá thu, cá hoki, cá dũa, mực, tôm thẻ…							
2	Nông sản: củ tỏi, củ kiệu, bắp cải cuộn, cà rốt, ớt, hạnh, đậu hà lan, quả chuối, quả dứa, quả cam, táo, hồng, lựu, lê, quýt …							
3	Bột mì							
4	Dầu thực vật							
5	Bách hóa, tiêu dùng: cà phê gói, bánh, kẹo, mì, hủ tíu, mì, miến gói, cá hộp, nước tương, tương ớt, tương cà, nước mắm, nước chấm, nước rửa chén, bột giặt, thùng xốp, rổ nhựa, túi nhựa, hũ nhựa, ly nhựa, pin, tã quần, hộp quẹt, xe đồ chơi, bàn, ghế, giường, tủ							

6	Hàng cư dân biên giới: - Hải sản: ba khía ướp đá, hàu ướp đá, sò huyết sống, tôm thẻ ướp đá... - Tiêu dùng: cà phê gói, bánh socola, kẹo cây, mì ăn liền, bột mì, nước tương, tương ớt, rau câu... - Bách hóa: Tủ mika, thùng xốp, thùng nhựa, bọc quai xách, hũ nhựa, ly nhựa, ghế bố...							
Tổng kim ngạch								
II	**Giang Thành**	Quốc Gia						
1	Nông sản: quả cam, quýt, nho, táo, lê, hồng…							
2	Muối hạt							
3	Điện năng							
4	Gạch ngói							
5	Máy móc							
6	Hàng cư dân biên giới: - Thủy sản: cá điêu hồng, cá lóc, cá trê vàng - Nông sản: bắp cải, cải đỏ, cải thảo, cải trắng, chanh, gừng, hạnh, hành tây,							
Tổng kim ngạch								
III	**Tịnh Biên**	Quốc tế		-				

1	Gạo							
2	Bột mì							
3	Dầu thực vật, bơ thực vật							
4	Nhựa đường							
5	Điện năng							
6	Săm, lốp xe ô tô, xe máy							
7	Sắt thép							
8	Bách hóa, tiêu dùng: cà phê gói, bánh, kẹo, mỹ phẩm, mì, hủ tíu, mì, miến gói, cá hộp, sữa, xúc xích, cá hộp, bột bắp, bột béo, bơ, nước ngọt, nước tương, nước mắm, bột giặt, nước xả, chất phụ gia, hạt nhựa, bàn, ghế, giường, tủ, tã lót, bình giữ nhiệt, cân, cầu giao điện, quạt, két sắt, đinh, túi nhựa, bao bì, thùng nhựa, giấy cuộn, sọt rác, chổi, nguyên liệu sản xuất bia, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, phụ gia thực phẩm ….							
9	Hàng cư dân biên giới:- Thủy sản: cá lóc, cá rô.- Nông sản: quả ổi, thanh long, bơ, hạnh, chuối, dừa tươi, mít, bưởi, cải thìa, bắp cải, ớt, dưa leo, gừng, chanh, cà chua. - Bách hóa: bao PP, cuộn PP, lưới nhựa, can nhựa, kem lạnh.							

Tổng kim ngạch								
IV	**Vĩnh Hội Đông**	Quốc gia		-				
1	Bột mì							
2	Chất hữu cơ, chất dẫn xuất, polyme, propylen glycol, chế phẩm…							
3	Giấy cuộn trắng							
4	Bách hóa, tiêu dùng (sữa, cà phê, nhân quả cau, bột hòa tan, mì gói, quạt)							
5	Hàng cư dân biên giới: Tạp hóa, tôm sống, tôm đông lạnh, trái dừa							
	Tổng kim ngạch							
VI	**Vĩnh Xương**	Quốc tế		-				
1	Nông sản (đậu xanh, đậu đỏ, đậu phộng, đậu tương, hạt mè, hạt bí)							
2	Thức ăn chăn nuôi							
3	Xi măng							
4	Phân bón							
5	Thuốc bảo vệ thực vật							

6	Bách hóa, tiêu dùng: bao bì, ván ép, giấy cuộn, khăn giấy, quạt, quần áo, thùng phuy.							
7	Tạm xuất: tà vẹt gỗ, khối bê tông, thép tấm, dầm thép, cáp thép, xích chằng, bách cầu dẫn, hộp dụng cụ, bơm nước, bộ kích đẩy thủy lực, máy hàn.							
8	Hàng cư dân biên giới: '- Thủy sản: cá rô phi ướp đá, cá điêu hồng nuôi, cá he nuôi, cá chép nuôi, cá trê...- Nông sản: cải ngọt, ngó sen, hẹ, cải thìa, cải bẹ xanh, hành lá, ớt, tỏi, gừng, sả, cà chua, ...- Cây cảnh: cây ánh dương, dứa, trầu bà, phát tài, sơn tùng, hoàng yến, bông giấy, ...- Bách hóa: khẩu trang, sữa tắm, khăn ướt, bông tăm, ống hút nhưa, thùng giấy, cà phê sữa, mít sấy, lưới cước, bẫy chuột, bao tay, dép nhựa, bọc nilong, quẹt ga, ly nhựa, bánh kẹo...- Khác: xi măng, sắt xây dựng, dây chì, đai sắt, tôn mạ màu, sắt mạ kẽm, bếp gas mini, tủ nhôm kính, tủ quần áo...							
	Tổng kim ngạch							
V	**Khánh Bình**	Quốc gia						
1	Bột mì, bột nếp, bột bắp, bột năng							

2	Dầu thực vật, bơ thực vật							
3	Cồn Công nghiệp							
4	Thức ăn chăn nuôi							
5	Bột đá							
6	Phân bón							
7	săm, lốp xe ô tô, môtô							
8	Gạch ngói, bệ xí, chậu rửa bằng sứ							
9	Bình ắc quy							
10	Bách hóa: Sữa tươi, cá hộp, bánh kẹo, bột chiên giòn, mì gói, nước ngọt, nước trái cây, bột ngọt, nước rửa chen, lau sàn, xả vải, ống nhựa PVC, thùng nhựa, thua, rổ, bình nước, chổi, khăn giấy, bóng đèn, ổ cắm điện, phích nước...							
11	Hàng cư dân biên giới: - Thủy sản: cá he, cá chép, cá lóc, cá trê, cá rô, cá sòng gió, cá chim đen, ếch, tôm càng xanh, cá lăng, các chốt, cá cóc, cá chép, cá he,..- Nông sản: củ cải, củ hành, đậu que, trái chanh, cải thìa, củ gừng, hành hẹ, khoai lang, bắp cải, dưa leo, cà chua, ớt, đậu bắp... - Bách hóa, cây cảnh các loại.							

	Tổng kim ngạch						
	Tổng kim ngạch các cửa khẩu						

DANH SÁCH DOANH NGHIỆP TRONG TỈNH NHẬP KHẨU HÀNG HÓA QUA CỬA KHẨU BIÊN GIỚI TỈNH AN GIANG THÁNG

STT	Mã số thuế	Tên doanh nghiệp	Kim ngạch tháng	Lũy kế	Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						

DANH SÁCH DOANH NGHIỆP TRONG TỈNH XUẤT KHẨU HÀNG HÓA QUA CỬA KHẨU BIÊN GIỚI TỈNH AN GIANG THÁNG

STT	Mã số thuế	Tên doanh nghiệp	Kim ngạch tháng	Lũy kế	Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						

Biểu mẫu số 41

BIỂU MẪU SỐ LIỆU BÁO CÁO

Thông tin tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh An Giang

Cửa khẩu	Tổng KN XNK qua cửa khẩu An Giang (USD)	% tăng, giảm so cùng kỳ	Xuất, nhập đăng ký tại cửa khẩu biên giới An Giang						Tạm nhập - Tái xuất, Tạm xuất - Tái nhập (USD)	% tăng, giảm so cùng kỳ
			Tổng KN XNK (USD)	% tăng, giảm so cùng kỳ	Xuất (USD)	% tăng, giảm so cùng kỳ	Nhập (USD)	% tăng, giảm so cùng kỳ		
Cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên										
Cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương										
……										
……										
Tổng Cộng										

Biểu mẫu số 42

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện công tác hội nhập quốc tế về lĩnh vực kinh tế giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh An Giang 06 tháng/năm

1. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động hợp tác, hội nhập quốc tế và đảm bảo thực thi các cam kết quốc tế

2. Tăng cường vai trò, vị thế tại các diễn đàn hợp tác đa phương

3. Tăng cường hiệu quả, hiệu lực của hoạt động hợp tác song phương

4. Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong hoạt động nghiệp vụ phù hợp với xu hướng phát triển hiện đại, bền vững

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu hội nhập

6. Tuyên truyền về công tác hội nhập quốc tế

Nơi nhận: - Sở Công thương tỉnh An Giang; - Các đơn vị thuộc Chi cục; - Lưu: VT, VP, ….	**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ** (ký, ghi rõ họ tên)

Biểu mẫu số 43

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế tình hình mới trong 06 tháng/năm… và phương hướng 06 tháng/năm…

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH

1. Tình hình quốc tế, khu vực

2. Tình hình trong nước

Làm rõ, đánh giá tác động của một số vấn đề lớn, bối cảnh quốc tế và trong nước tác động trực tiếp đến việc triển khai công tác hội nhập quốc tế và việc triển khai Nghị quyết 59 của ngành, địa phương mình.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về kết quả quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết 59, nâng cao nhận thức về công tác hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

2. Về kết quả hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật, hiệu quả phối hợp liên ngành.

3. Về kết quả triển khai hội nhập quốc tế trong phạm vi phụ trách của ngành địa phương (cung cấp thêm số liệu, bảng biểu, dẫn chứng cụ thể).

4. Về kết quả đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ và bố trí nguồn lực.

5. Về các kết quả quan trọng khác

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Những thành tựu chính đạt được.

2. Những tồn tại, hạn chế (cung cấp thêm số liệu, dẫn chứng cụ thể).

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế và bài học kinh nghiệm.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NĂM

1. Dự báo tình hình và những nhân tố tác động, cần xử lý đối với công tác hội nhập quốc tế của ngành, địa phương.

2. Phương hướng trọng tâm công tác về hội nhập quốc tế của ngành, địa phương.

3. Những kiến nghị chính sách, giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác hội nhập quốc tế.

Nơi nhận:
- Sở Du lịch tỉnh An Giang;
- Các đơn vị thuộc Chi cục;
- Lưu: VT, VP, ….

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu mẫu số 44

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả thực hiện các nhiệm vụ về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Việc xây dựng và ban hành văn bản chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật, phát huy cao độ tính Đảng trong xây dựng và thi hành pháp luật

2. Đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển

3. Tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật.

4. Nâng cao hiệu quả công tác hợp tác quốc tế, pháp luật quốc tế

5. Xây dựng giải pháp đột phá nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật

6. Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật

7. Thực hiện cơ chế tài chính đặc biệt cho công tác xây dựng và thi hành pháp luật Ứng dụng kết quả về chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo của Cục Hải quan trong việc thực hiện thi hành pháp luật, trong công tác nghiệp vụ

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN:

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận: - Các đơn vị thuộc Chi cục; - Sở Tư pháp tỉnh An Giang. - Lưu: VT, VP, ….	**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ** (ký, ghi rõ họ tên)

Biểu mẫu số 45

Tên cơ quan cấp trên	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Tên cơ quan báo cáo	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Công tác chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính 06 tháng/năm

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh An Giang.

Thực hiện Công văn số 1712/STP-XDTHPL ngày 19/3/2026 của Sở Tư pháp tỉnh An Giang về thống kê, báo cáo về công tác thi hành án hành chính, Chi cục Hải quan khu vực XX báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện Luật Tố tụng hành chính năm 2015 và Nghị định số 71/2016/NĐ-CP của Chính phủ

2. Công tác chấp hành pháp luật tố tụng hành chính

2.1 Tình hình quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu kiện

- Tổng số quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu kiện:

- Số lượng quyết định hành chính trái pháp luật bị Tòa án tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ/tổng số các quyết định hành chính bị kiếu kiện:

- Số lượng hành vi hành chính bị Tòa tuyên bố là trái pháp luật:

- Nhận xét, đánh giá về tình hình ban hành quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền:

2.2 Tình hình chấp hành pháp luật tố tụng hành chính

- Số lượng trường hợp người đứng đầu (hoặc người đại diện) không tham gia phiên đối thoại, không tham gia phiên tòa/tổng số vụ án hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện:

- Những khó khăn, vướng mắc trong chấp hành pháp luật tố tụng hành chính, tham gia tố tụng hành chính:

- Tình hình thực hiện kiến nghị của Viện Kiểm sát nhân dân liên quan đến việc người đứng đầu (hoặc người đại diện) không tham gia phiên đối thoại, không tham gia phiên tòa hành chính:

3. Công tác chấp hành pháp luật thi hành án hành chính

4. Công tác kiểm tra, đôn đốc cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý trong việc chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính

- Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp của người phải thi hành án:

- Công tác kiểm tra, đôn đốc và xử lý trách nhiệm đối với người phải thi hành án thuộc thẩm quyền quản lý:

5. Việc thực hiện cung cấp thông tin về kết quả thi hành bản án, quyết định của Tòa án theo quy định của pháp luật

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT,

Biểu mẫu số 46

Tên cơ quan cấp trên	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Tên cơ quan báo cáo	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác bồi thường nhà nước năm

1. Kết quả công tác bồi thường nhà nước năm 2025

a) Tình hình yêu cầu bồi thường, kết quả giải quyết bồi thường

b) Kết quả thực hiện công tác bồi thường nhà nước năm 2025

c) Khó khăn, vướng mắc

2. Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện công tác bồi thường nhà nước năm 2026

3. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Cục Hải quan (Ban pháp chế);
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT,

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

Biểu mẫu số 47

Tên cơ quan cấp trên
Tên cơ quan báo cáo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC- …..

……, ngày ... tháng ... năm 20 ...

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh An Giang

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh An Giang.

Thực hiện Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phối hợp trong công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang, Chi cục Hải quan khu vực XX báo cáo như sau:

Địa bàn	**Tiền thuế thu nộp NSNN tháng** (tỷ đồng)	**Lũy kế tiền thuế thu đến** (tỷ đồng)	**Chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao tại QĐ số**	**Chỉ tiêu phấn đấu thu Cục Hải quan giao**	**So cùng kỳ năm trước**
Tỉnh An Giang					

- Mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu có nguồn thu thuế chủ yếu trong tháng từ:

- Ước thu NSNN năm 20.. đạt …… tỷ đồng, đạt ……..% so với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao (…… tỷ đồng), tăng …….% so với kế hoạch xây dựng chỉ tiêu phấn đấu thu nộp ngân sách năm 20.. theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Ủy Ban nhân dân tỉnh An Giang (xây dựng tăng trên 10%)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT,

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

Biểu mẫu số 48

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 của Chính phủ về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh An Giang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

Căn cứ Chương trình hành động số 17-CTr/TU, ngày 13/03/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

Qua một năm triển khai thực hiện, Sở Tài chính báo cáo như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Tình hình triển khai thực hiện

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể

3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

4. Tồn tại, hạn chế

5. Nguyên nhân

5.1. Nguyên nhân của những kết quả đạt được

5.2. Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
.....
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Biểu mẫu số 49

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……., ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Nghị quyết số 41-NQ/TW, ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 09/05/2024 của Chính Phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới;

Căn cứ Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 13/03/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW, ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới.

Qua một năm triển khai thực hiện, ……. báo cáo như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

III. ĐÁNH GIÁ NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VƯỚNG MẮC

1. Thuận lợi

2. Khó khăn, vướng mắc

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận: - .....; ..... - Lưu: ……	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

Biểu mẫu số 50

Tên cơ quan cấp trên	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Tên cơ quan báo cáo	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Công tác y tế tháng ... năm .....

I. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC Y TẾ THÁNG ... NĂM ……

A. CÔNG TÁC KIỂM SOÁT DỊCH BỆNH

1. Tình hình dịch bệnh trong kỳ báo cáo:

Tình hình mắc, tử vong, xử lý ổ dịch một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm lưu hành tại địa phương và các bệnh mới phát sinh (nếu có), như Sốt xuất huyết, Tay Chân Miệng, COVID-19, Sốt rét, Sởi, Cúm A/H5N1, ...

Công tác tiêm chủng mở rộng: trẻ dưới 1 tuổi được tiêm đầy đủ các loại vắc xin, tiêm ngừa uốn ván cho phụ nữ mang thai, ...

2. Hoạt động y tế dự phòng:

Các hoạt động phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm và các bệnh không lây nhiễm trong tháng.

3. Công tác phòng, chống HIV/AIDS:

4. Công tác kiểm dịch y tế:

Các hoạt động kiểm soát con người, phương tiện, hàng hóa xuất nhập cảnh qua biên giới tác động tới công tác phòng chống dịch bệnh, phục vụ sức khỏe người dân.

B. CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH

Các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh, các điểm nổi bật trong tháng.

C. CÔNG TÁC AN TOÀN THỰC PHẨM (ATTP)

Tình hình thực hiện công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm tra, giám sát, xây dựng kế hoạch, số vụ ngộ độc thực phẩm ghi nhận trong tháng.

D. CÔNG TÁC TRỌNG TÂM KHÁC

Một số điểm nổi bật trong công tác tài chính, đầu tư, dược, trang thiết bị,

đào tạo và phát triển nhân lực, kiểm tra và các hoạt động không thường xuyên.

II. TRỌNG TÂM CÔNG TÁC THÁNG TIẾP THEO

Cụ thể các hoạt động cần thực hiện trong tháng tiếp theo.

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
.....
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Biểu mẫu số 51

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUÝ .../6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ .../6 THÁNG CUỐI NĂM

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUÝ .../6 THÁNG ĐẦU NĂM

1. Đặc điểm kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương ảnh hưởng đến lĩnh vực y tế quý .../6 tháng đầu năm

2. Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu y tế cơ bản 6 tháng

Các chỉ tiêu y tế cơ bản được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao và kế hoạch ngành y tế kỳ báo cáo. So sánh với các chỉ tiêu y tế cơ bản so với kế hoạch được giao đầu năm.

3. Đánh giá những thành tựu đạt được của công tác y tế trong kỳ báo cáo

3.1. Các hoạt động chuyên môn, cung ứng dịch vụ y tế: Y tế dự phòng, quản lý môi trường y tế, an toàn thực phẩm, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, dân số, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản. Tóm tắt các chỉ tiêu y tế cơ bản,...

3.2. Đào tạo và nhân lực y tế

3.3. Hệ thống thông tin y tế

3.4. Dược, trang thiết bị và công trình y tế

3.5. Tài chính, đầu tư và bảo hiểm y tế

3.6. Quản lý nhà nước và điều hành ngành Y tế: Cải cách thủ tục hành chính; Kiểm tra và hợp tác quốc tế.

4. Phân tích tồn tại, nguyên nhân, những vấn đề còn tồn tại cần ưu tiên giải quyết

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ THỜI GIAN QUÝ TIẾP THEO/6 THÁNG CUỐI NĂM

Theo 6 hợp phần của hệ thống y tế nêu trên.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
.....
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Biểu mẫu số 52

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả công tác ngành y tế năm ……

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 20…

1. Đặc điểm kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương ảnh hưởng đến lĩnh vực y tế năm 20.....

2. Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu y tế cơ bản năm 20...

Các chỉ tiêu y tế cơ bản được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao và kế hoạch ngành y tế kỳ báo cáo. So sánh với các chỉ tiêu y tế cơ bản so với kế hoạch được giao đầu năm.

3. Đánh giá những thành tựu đạt được của công tác y tế trong kỳ báo cáo

3.1. Các hoạt động chuyên môn, cung ứng dịch vụ y tế: Y tế dự phòng, quản lý môi trường y tế, an toàn thực phẩm, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, dân số, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản. Tóm tắt các chỉ tiêu y tế cơ bản,...

3.2. Đào tạo và nhân lực y tế: Tỷ lệ bác sỹ, dược sỹ /10.000 dân,...

3.3. Hệ thống thông tin y tế: Ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành y tế.

3.4. Dược, trang thiết bị và công trình y tế: Đấu thầu cung ứng thuốc, trang thiết bị, hóa chất và vật tư y tế; Công khai kết quả đấu thầu bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả.

3.5. Tài chính, đầu tư và bảo hiểm y tế: Triển khai thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế; Triển khai thực hiện các giải pháp bảo đảm lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Kết quả thực hiện dự toán ngân sách, giải ngân vốn đầu tư và chi thường xuyên.

3.6. Quản lý nhà nước và điều hành ngành y tế: Cải cách thủ tục hành chính; Kiểm tra và hợp tác quốc tế.

4. Phân tích tồn tại, nguyên nhân, những vấn đề còn tồn tại cần ưu tiên

giải quyết

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM …...

1. Bối cảnh

2. Mục tiêu và chỉ tiêu y tế cơ bản

Dựa vào Kế hoạch 5 năm ngành y tế, Chiến lược quốc gia về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, các Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Mục tiêu chung

- Mục tiêu cụ thể

- Các chỉ tiêu y tế cơ bản

3. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Theo 6 hợp phần của hệ thống y tế nêu trên.

4. Dự toán ngân sách (nếu có).

5. Tổ chức thực hiện.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
.....
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Biểu mẫu số 53

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội năm….. và phương hướng, nhiệm vụ năm …..

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành
2. Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Thực hiện chính sách trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng

2. Công tác cứu trợ đột xuất

3. Công tác quản lý, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

2. Khó khăn, hạn chế

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu

2. Chỉ tiêu chủ yếu

3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Trên đây là báo cáo Kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội năm….. và phương hướng, nhiệm vụ năm ….. của Sở Y tế tỉnh An Giang./.

Nơi nhận: - .....; - .....; - .....; ..... - Lưu: ……	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

……., ngày... tháng... năm 20...

SỐ LIỆU
KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRỢ GIÚP XÃ HỘI THƯỜNG XUYÊN

Số TT	Chỉ tiêu	Tổng số (Người)	Trong đó		Kinh phí (triệu đồng)
			Nam (Người)	Nữ (Người)	
I	TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG				
1	Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng				
	Trong đó: Dưới 4 tuổi				
2	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học				
3	Người bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo				
3.1	Dưới 4 tuổi				
3.2	Từ 4 đến dưới 16 tuổi				
3.3	Từ 16 tuổi trở lên				
4	Người đơn thân nghèo đang nuôi con				
5	Người cao tuổi				
5.1	Người cao tuổi nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng				
5.2	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng				
	Trong đó: thuộc diện hộ nghèo				
5.3	Người cao tuổi có người nhận chăm sóc tại cộng đồng.				
6	Người khuyết tật				
6.1	Người khuyết tật đặc biệt nặng				
a)	Dưới 16 tuổi				
b)	Từ 16 đến 60 tuổi				
c)	Từ đủ 60 tuổi trở lên				
6.2	Người khuyết tật nặng				
a)	Dưới 16 tuổi				
b)	Từ 16 đến 60 tuổi				
c)	Từ đủ 60 tuổi trở lên				
II.	NHẬN NUÔI DƯỠNG CHĂM SÓC TẠI CỘNG ĐỒNG				
1	Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng				
	Trong đó: Dưới 4 tuổi				

2	Người khuyết tật đặc biệt nặng				
	Dưới 16 tuổi				
	Từ 16 đến 60 tuổi				
	Từ đủ 60 tuổi trở lên				
3	Người cao tuổi có người nhận chăm sóc tại cộng đồng				
III	NUÔI DƯỠNG TRONG CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI, NHÀ XÃ HỘI				
1	Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng				
2	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học				
3	Người bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo				
3.1	Dưới 16 tuổi				
3.2	Từ 16 tuổi trở lên				
4	Người cao tuổi				
5	Người khuyết tật đặc biệt nặng				
5.1	Dưới 16 tuổi				
5.2	Từ 16 đến đủ 60 tuổi				
5.3	Từ đủ 60 tuổi trở lên				
6	Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp				
IV	HỖ TRỢ CHI PHÍ MAI TÁNG				

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

……., ngày... tháng... năm...

SỐ LIỆU THỰC HIỆN TRỢ GIÚP XÃ HỘI ĐỘT XUẤT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
1	Tình hình thiệt hại		
1.1	Số hộ thiếu đói	Lượt hộ	
1.2	Số người thiếu đói	Lượt người	
1.3	Số người chết	Người	
1.4	Số người mất tích	Người	
1.5	Người bị thương	Người	
1.6	Hộ có nhà bị đổ, sập, trôi cháy	Hộ	
1.7	Hộ có nhà hư hỏng nặng	Hộ	
1.8	Hộ phải di rời nhà ở	Hộ	
2	Kết quả hỗ trợ		
2.1	Số hộ được hỗ trợ lương thực	Lượt hộ	
2.2	Số người được hỗ trợ lương thực	Lượt người	
2.3	Số người chết được hỗ trợ mai táng	Người	
2.4	Số người mất tích	Người	
2.5	Người bị thương	Người	
2.6	Hộ được hỗ trợ làm nhà ở	Nhà	
2.7	Hộ được hỗ trợ sửa chữa nhà ở	Nhà	
2.8	Hộ được hỗ trợ di rời nhà ở	Hộ	
3	Nguồn lực hỗ trợ		
3.1.	Gạo	Tấn	
	Trong đó: + Trung ương cấp	Tấn	
	+ Địa phương	Tấn	
	+ Huy động	Tấn	
3.2.	Tổng kinh phí	Tỷ đồng	
	Trong đó: + Ngân sách trung ương cấp	Tỷ đồng	
	+ Ngân sách địa phương	Tỷ đồng	
	+ Huy động (bao gồm cả hiện vật quy đổi)	Tỷ đồng	

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

……., ngày... tháng... năm...

SỐ LIỆU
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó	
				Nam	Nữ
1	Tổng số người cao tuổi	Người			
2	Số người cao tuổi thuộc hộ nghèo	Người			
3	Số người cao tuổi không có người có quyền và nghĩa vụ phụng dưỡng	Người			
4	Số người cao tuổi khuyết tật	Người			
5	Số người cao tuổi đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội	Người			
6	Số người cao tuổi đang hưởng trợ cấp người có công	Người			
7	Số người cao tuổi đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	Người			
7.1	Người cao tuổi thuộc hộ gia đình nghèo không có người có quyền, nghĩa vụ phụng dưỡng	Người			
7.2	Người từ đủ 80 tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội	Người			
	Trong đó: thuộc diện hộ nghèo				
7.3	Người cao tuổi khuyết tật nặng, đặc biệt nặng	Người			
7.4	Đối tượng người cao tuổi khác	Người			
8	Số người cao tuổi đang được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng	Người			
9	Số người cao tuổi đang nuôi dưỡng, chăm sóc trong cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	Người			
10	Số người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế	Người			
11	Số người cao tuổi được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe	Người			
12	Số người cao tuổi được hỗ trợ nhà ở	Người			
13	Số cơ sở văn hóa, thể thao giải trí có bán vé, thu phí trên địa bàn	Cơ sở			
	Trong đó:				
	- Số cơ sở văn hóa, thể thao giải trí thực hiện miễn, giảm giá vé, phí cho người cao tuổi	Cơ sở			
	- Số lượt người cao tuổi được miễn giảm vé, phí dịch vụ	Lượt người			
14	Số tổ chức cung cấp dịch vụ vận tải thực hiện giảm giá vé, phí dịch vụ cho người cao tuổi	Tổ chức			
	Trong đó: số lượt người cao tuổi được miễn, giảm	Lượt người			
15	Số người cao tuổi được chúc thọ, mừng thọ	Người			

	Trong đó: - 100 tuổi	Người			
	- 90 tuổi	Người			
	- Trên 100 tuổi	Người			
	- Tuổi 70, 75, 80, 85, 95				
16	Số người cao tuổi tham gia Hội người cao tuổi	Người			
17	Số người cao tuổi tham gia công tác Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể	Người			
18	Số người cao tuổi trên địa bàn tham gia công tác khuyến học, thanh tra nhân dân, hòa giải, tổ an ninh...	Người			
19	Số xã, phường, thị trấn (gọi chung xã) có các loại hình câu lạc bộ có người cao tuổi tham gia	Xã			
20	Tổng số câu lạc bộ có người cao tuổi tham gia trên địa bàn	CLB			
	Trong đó: Câu lạc bộ Liên thế hệ giúp nhau	CLB			
21	Số người cao tuổi tham gia các loại hình câu lạc bộ trên địa bàn	Người			
	Trong đó: Câu lạc bộ Liên thế hệ giúp nhau	Người			
22	Số cơ sở chăm sóc người cao tuổi	Người			
23	Số bệnh viện có khoa lão khoa, hoặc phòng điều trị riêng cho người cao tuổi	Bệnh viện			
24	Số xã/phường/thị trấn (gọi chung xã) có Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi	Xã			
	Trong đó:				
	- Tổng số tiền của Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi	Triệu đồng			
	- Tổng số tiền huy động trong năm của Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi	Triệu đồng			
25	Số cán bộ được tập huấn về công tác người cao tuổi	Lượt người			
26	Kinh phí thực hiện chính sách	Triệu đồng			
	Chính sách trợ giúp xã hội	Triệu đồng			
	Chúc thọ mừng thọ	Triệu đồng			
	Các chế độ chính sách khác	Triệu đồng			

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

……., ngày... tháng... năm...

SỐ LIỆU
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó	
				Nam	Nữ
1	Tổng số người khuyết tật	Người			
1.1	Chia theo dạng tật:				
	Vận động	Người			
	Nghe nói	Người			
	Nhìn	Người			
	Thần kinh	Người			
	Trí tuệ	Người			
	Khác	Người			
1.2	Chia theo mức độ khuyết tật				
	Đặc biệt nặng	Người			
	Nặng	Người			
	Nhẹ	Người			
2	Số người khuyết tật thuộc hộ nghèo	Người			
2.1	Khuyết tật đặc biệt nặng	Người			
2.2	Khuyết tật nặng	Người			
2.3	Khuyết tật nhẹ	Người			
3	Số người cao tuổi khuyết tật	Người			
4	Số người khuyết tật đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội	Người			
5	Số người khuyết tật đang hưởng trợ cấp người có công	Người			
6	Số người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	Người			
6.1	Khuyết tật đặc biệt nặng	Người			
	- Dưới 16 tuổi	Người			
	- Từ 16 - 60 tuổi	Người			
	- Từ đủ 60 tuổi	Người			
6.2	Khuyết tật nặng	Người			
	- Dưới 16 tuổi	Người			
	- Từ 16 - 60 tuổi	Người			
	- Từ đủ 60 tuổi	Người			
7	Số người khuyết tật đang được nhận	Người			

	chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng				
8	Số người khuyết tật đang hưởng chính sách nuôi dưỡng, chăm sóc trong cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	Người			
9	Số người khuyết tật trên địa bàn có thẻ bảo hiểm y tế	Người			
10	Số người khuyết tật được hỗ trợ dụng cụ chỉnh hình, phục hồi chức năng	Người			

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Biểu mẫu số 54

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về năm …….. và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm …….

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC HỖ TRỢ NẠN NHÂN NĂM ……

I. Bối cảnh

- Bối cảnh, điều kiện kinh tế - xã hội từ đầu năm đến nay ảnh hưởng đến công tác hỗ trợ nạn nhân bị mua bán (những thuận lợi và khó khăn).

II. Kết quả thực hiện

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tình hình ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động.

- Tình hình triển khai ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến khuyến nghị của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ tại Báo cáo TIP hàng năm.

2. Công tác tuyên truyền

- Số buổi truyền thông về mua bán người

- Số người tham gia các buổi truyền thông

- Số pano, áp phích, tờ rơi về mua bán người:

+ Số pano;

+ Số áp phích;

+ Số tờ rơi.

3. Công tác tiếp nhận và hỗ trợ nạn nhân

a) Hỗ trợ ban đầu

- Hỗ trợ nhu cầu thiết yếu

- Chi phí đi lại ….

b) Hỗ trợ phục hồi tại các Cơ sở trợ giúp xã hội/ Cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

- Nhu cầu thiết yếu

- Chi phí đi lại

- Chăm sóc y tế

- Tư vấn tâm lý

- Tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý

c) Hỗ trợ tại cộng đồng

- Tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý

- Hỗ trợ học văn hóa

- Hỗ trợ học nghề, tìm việc làm

- Hỗ trợ vay vốn

- Trợ cấp khó khăn ban đầu

4. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác hỗ trợ nạn nhân

- Công tác đào tạo, tập huấn cho cán bộ từ tỉnh đến cơ sở.

- Các hội nghị, hội thảo về hỗ trợ nạn nhân.

- Số cuộc tập huấn, số người tham gia tập huấn.

5. Lồng ghép nội dung phòng, chống mua bán người với các chương trình phát triển kinh tế xã hội khác

6. Kết quả thực hiện quy chế phối hợp trong công tác tiếp nhận, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân

- Đã ban hành Quy chế/Kế hoạch/Chương trình phối hợp hay chưa?

- Có văn bản chỉ đạo của các cấp về thực hiện Quy chế?

- Đánh giá sự phối hợp liên ngành trong tiếp nhận, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán.

- Khó khăn, vướng mắc khi phối hợp liên ngành trong hỗ trợ nạn nhân.

- Đề xuất, kiến nghị giải pháp tháo gỡ khó khăn khi triển khai.

7. Thống kê tình hình người dân trên địa bàn sang Campuchia làm việc

- Số công dân trên địa bàn tỉnh, thành phố được xác định hoặc nghi ngờ đang làm việc tại Campuchia.

- Số công dân là người trên địa bàn tỉnh, thành phố được giải cứu trở về từ Campuchia.

Trong đó:

+ Số người được xác định là nạn nhân bị mua bán và những hỗ trợ đã thực hiện.

+ Số người không được xác định là nạn nhân bị mua bán và nêu rõ lý do.

8. Công tác kiểm tra, giám sát

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về hỗ trợ nạn nhân

tại địa phương.

- Kiểm tra, giám sát hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

9. Hợp tác quốc tế trong công tác hỗ trợ nạn nhân Các chương trình, dự án có sự hỗ trợ về kỹ thuật, kinh phí đang triển khai trên địa bàn.

B. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ NGUYÊN NHÂN

I. Những thuận lợi.

II. Khó khăn, tồn tại và hạn chế (xác định cụ thể các vấn đề khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong việc thực hiện liên quan đến cơ chế, chính sách, pháp luật; về cán bộ; về nguồn lực tài chính, về cơ chế phối hợp…).

III. Nguyên nhân (khách quan, chủ quan).

C. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

I. Đối với Chính phủ.

II. Đối với các Bộ, ngành.

III. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

D. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM ……

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Phụ lục
Thống kê số liệu nạn nhân được tiếp nhận, xác minh, xác định và hỗ trợ 06 tháng/năm ……

TT	Danh mục thống kê	Tổng số vụ	Tổng số nạn nhân	Trong đó							
				Nữ				Nam			
				Dưới 16 tuổi	Từ 16-dưới 18 tuổi	Trên 18 tuổi	Nạn nhân là người thân đối tượng	Dưới 16 tuổi	Từ 16-dưới 18 tuổi	Trên 18 tuổi	Nạn nhân là người thân đối tượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	Số người được tiếp nhận, xác minh										
	Nguồn tiếp nhận										
	Qua đường dây nóng về phòng, chống mua bán người (nếu có)										
	Theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài										
	Theo thông báo của tổ chức/cá nhân										
	Qua tin báo, tố giác										
	Nạn nhân tự khai báo										
	Khác										

	Quốc tịch										
	Việt Nam										
	Nước ngoài/không quốc tịch (ghi rõ tên nước)										
	Dân tộc										
	Thống kê cụ thể										
	Trình độ học vấn của nạn nhân										
	Sau Đại học										
	Đại học, cao đẳng										
	Trung học phổ thông										
	Trung học cơ sở										
	Tiểu học										
	Khác										
2	Số người được xác định là nạn nhân										
	Nguồn tiếp nhận										
	Qua đường dây nóng về phòng, chống mua bán người (nếu có)										
	Theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài										
	Theo thông báo của tổ chức nước ngoài										
	Qua tin báo, tố giác										

	Nạn nhân tự khai báo										
	Qua nghiệp vụ										
	Khác										
	Hình thức bóc lột										
	Bóc lột tình dục										
	Cưỡng bức lao động										
	Khác										
	Quốc tịch										
	Việt Nam										
	Nước ngoài/không quốc tịch										
	Dân tộc										
	Thống kê cụ thể										
	Trình độ học vấn của nạn nhân										
	Sau Đại học										
	Đại học, cao đẳng										
	Trung học phổ thông										
	Trung học cơ sở										
	Tiểu học										
	Khác										
	Địa điểm bị mua bán										

	Trong nước										
	Nước ngoài/không quốc tịch (ghi rõ tên nước)										
	Nơi cư trú trước khi bị mua bán										
	Liệt kê theo địa phương										
3	Số nạn nhân được chuyển tuyến										
	Địa điểm chuyển tuyến										
	Cơ sở bảo trợ xã hội/ cơ sở hỗ trợ nạn nhân										
	Cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam										
	Cơ quan công an										
	Cơ quan khác										
	Quốc tịch										
	Việt Nam										
	Nước ngoài/không quốc tịch (ghi rõ tên nước)										
	Dân tộc										
	Thống kê cụ thể										
	Trình độ học vấn của nạn nhân										
	Sau đại học										
	Đại học, cao đẳng										

	Trung học phổ thông										
	Trung học cơ sở										
	Tiểu học										
	Khác										
4	Số nạn nhân được hỗ trợ										
	Số nạn nhân đã hoặc đang tham gia quá trình truy tố, xét xử tội phạm của cơ quan chức năng										
	Chế độ hỗ trợ										
	Bảo vệ an toàn										
	Hỗ trợ nhu cầu thiết yếu										
	Hỗ trợ chi phí đi lại										
	Hỗ trợ y tế										
	Hỗ trợ tâm lý Trợ giúp pháp lý										
	Hỗ trợ học văn hóa										
	Hỗ trợ học nghề										
	Hỗ trợ tìm việc làm										
	Trợ cấp khó khăn ban đầu										
	Hỗ trợ vay vốn										
	Quốc tịch										
	Việt Nam										

	Nước ngoài/không quốc tịch (ghi rõ tên nước)										
	Dân tộc										
	Thống kê cụ thể										
	Trình độ học vấn của nạn nhân										
	Sau Đại học										
	Đại học, cao đẳng										
	Trung học phổ thông										
	Trung học cơ sở										
	Tiểu học										
	Khác										

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

Biểu mẫu số 55

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân phòng, chống mua bán người 30-7
(Thời gian từ ngày 01/7 - 30/9)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN.

1. Công tác chỉ đạo, triển khai

2. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tập huấn nâng cao năng lực

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ.

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nơi nhận: - .....; - .....; - Lưu: ……	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

Biểu mẫu số 56

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

BÁO CÁO
Kết quả công tác trẻ em 06 tháng/năm …..
và phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối/năm ……

I. Đặc điểm tình hình

1. Tình hình kinh tế - xã hội tác động đến trẻ em, tình hình trẻ em và công tác trẻ em tại địa phương.

2. Những vấn đề trẻ em và công tác trẻ em phát sinh hoặc chưa được giải quyết.

II. Kết quả thực hiện

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, giám sát, đánh giá thực hiện quyền trẻ em;

2. Công tác bảo vệ trẻ em (ở 3 cấp độ);

3. Công tác chăm sóc trẻ em;

4. Công tác giáo dục trẻ em;

5. Công tác văn hóa, thông tin, thể thao, du lịch cho trẻ em;

6. Thực hiện quyền tham gia của trẻ em;

7. Kết quả các dự án, chương trình, mô hình hợp tác quốc tế hoặc vận động xã hội;

8. Hoạt động của Quỹ bảo trợ trẻ em;

9. Tổng kinh phí đầu tư cho công tác trẻ em trong năm.

(Phần số liệu theo phụ lục 1, 2, 3)

III. Đánh giá kết quả đạt được

1. So sánh kết quả, hiệu quả so với cùng kỳ năm trước.

2. Những tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế (quản lý nhà nước, phối hợp liên ngành, tác động khách quan,…)

IV. Kế hoạch 6 tháng cuối năm/năm…..

1. Mục tiêu chung

2. Các mục tiêu cụ thể

3. Các chỉ tiêu cần đạt

4. Nội dung các chương trình, đề án, hoạt động trọng tâm và các mô hình tiếp tục thực hiện

5. Dự kiến tổng kinh phí hoạt động.

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

THỐNG KÊ SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC TRẺ EM

Đơn vị:……

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	06 tháng /Năm….
I	**Dân số trẻ em**		
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi/tổng dân số	%	
2	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%	
3	Số trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế	Người	
	Trong đó:		
	Số trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế	Người	
4	Số người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	Người	
	Tỷ lệ người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi/tổng dân số	%	
II	**Nguồn kinh phí cho lĩnh vực trẻ em**		
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng	
1.1	Ngân sách Trung ương (thông qua các Chương trình, Đề án, …)	Triệu đồng	
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	
	- Cơ quan QLNN về (nguồn triển khai thông qua cơ quan QLNN về TE, bao gồm cả nguồn thực hiện chính sách bảo trợ xã hội cho trẻ em; cấp cho hoạt động của Quỹ BTTE cấp tỉnh).	*Triệu đồng*	
	+ Trong đó: Ngân sách địa phương bố trí cho các Chương trình, Kế hoạch, Đề án của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thông qua cơ quan QLNN về TE.	*Triệu đồng*	
	- Xã, phường, đặc khu (nguồn triển khai tại cấp xã)	*Triệu đồng*	
2	Các nguồn kinh phí vận động khác	Triệu đồng	
2.1	Vận động của Quỹ Bảo trợ trẻ em địa phương (các cấp) (bao gồm kinh phí vận động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong	Triệu đồng	

	nước)		
2.2	Nguồn từ các tổ chức quốc tế	Triệu đồng	
III	**Số người làm công tác trẻ em các cấp**		
1	Cấp tỉnh	Người	
2	Cấp xã	Người	
3	Cộng tác viên tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm	Người	
IV	**Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em và trẻ em**		
1	Số lớp và số cán bộ cấp tỉnh được tập huấn về công tác trẻ em (quản lý và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án,… về trẻ em ở địa phương)		
1.1	Số lớp	Lớp	
1.2	Số lượt người	Lượt	
2	Số lớp/số cán bộ cấp xã, cộng tác viên làm công tác trẻ em tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm được tập huấn kỹ năng về thực hiện quyền trẻ em		
2.1	Số lớp	Lớp	
2.2	Số lượt người	Lượt	
3	Số lớp, số trẻ em được tập huấn về quyền trẻ em và kỹ năng tự bảo vệ		
3.1	Số lớp	Lớp	
3.2	Số lượt trẻ em	Lượt	
4	Số tài liệu tập huấn được xây dựng, sử dụng	Đầu tài liệu	
V	**Truyền thông, giáo dục và vận động xã hội**		
1	Số lượt người được truyền thông trực tiếp về lĩnh vực trẻ em dưới các hình thức	Lượt	
2	Số sản phẩm truyền thông về lĩnh vực trẻ em được sản xuất ở địa phương		
	Trong đó:		

2.1	Số chương trình phát thanh/truyền hình về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	CT	
2.2	Số chuyên trang/chuyên mục trên báo/tạp chí/mạng truyền thông về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	Đầu CT, CM	
3	Số lượng các hoạt động truyền thông khác	Hoạt động/sự kiện	
VI	**Xã, phường, đặc khu đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em**		
1	Số xã, phường, đặc khu đạt tiêu chuẩn xã, phường, đặc khu phù hợp với trẻ em	Xã/phường/đặc khu	
2	Tỷ lệ xã, phường,đặc khu đạt tiêu chuẩn xã, phường, đặc khu phù hợp với trẻ em	%	
VII	**Tháng hành động vì trẻ em**		
1	Số điểm tổ chức Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham dự Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Lượt	
3	Số lượt trẻ em được tặng quà, cấp học bổng, phẫu thuật miễn giảm phí	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em, công trình cho trẻ em trong Tháng hành động vì trẻ em, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách (cấp tỉnh, xã)	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	
VIII	**Diễn đàn trẻ em các cấp**		
1	Số diễn đàn trẻ em các cấp (tỉnh, xã)	Cuộc	
2	Số lượt trẻ em tham gia	Lượt	
IX	**Tết Trung thu cho trẻ em**		
1	Số điểm tổ chức Tết Trung thu (tỉnh, xã)	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham gia Tết Trung thu	Lượt	
3	Số lượt trẻ em được tặng quà	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em trong dịp Tết Trung thu, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách (cấp tỉnh, xã)	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	

X	**Hội đồng nhân dân các cấp gặp mặt trẻ em**		
1	Số cuộc Hội đồng nhân dân các cấp gặp mặt trẻ em (tỉnh, xã)	Cuộc	
2	Số lượt trẻ em tham gia	Lượt	

…… ngày…… tháng…… năm……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo phê duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỐNG KÊ VỀ HỆ THỐNG CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO VỆ TRẺ EM

Đơn vị: ……..

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	06 tháng/Năm….	Ghi chú
I	**Cấu trúc, tổ chức tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em các cấp**			
1	Tổ chức phối hợp liên ngành cấp tỉnh	Có/không		có ghi : 1 không ghi: 0
3	Số xã, phường, đặc khu thành lập tổ chức phối hợp liên ngành cấp xã	Xã		
4	Số xã, phường, đặc khu thành lập Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã	Xã		
5	Số xã, phường, đặc khu có mạng lưới cộng tác viên tham gia công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở thôn/ xóm/bản/làng/cụm dân cư	Xã		
II	**Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em**			
1	**Số cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp tỉnh (do ngành LĐTBXH quản lý)**			
1.1	*Cơ sở có một phần chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ BVTE*			
a	*Số cơ sở công lập*			
	- Số cơ sở công lập	Cơ sở		
	- Số cán bộ, nhân viên	Người		
	- Số cán bộ trực tiếp cung cấp dịch vụ BVTE	Người		
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ (một hoặc nhiều dịch vụ)	Người		
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng		
b	*Số cơ sở ngoài công lập:*			
	- Số cơ sở ngoài công lập	Cơ sở		
	- Số cán bộ, nhân viên	Người		
	- Số cán bộ trực tiếp cung cấp dịch vụ BVTE	Người		
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ (một hoặc nhiều dịch vụ)	Người		
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng		

13	*Cơ sở có chức năng, nhiệm vụ chuyên biệt cung cấp dịch vụ BVTE*			
a	*Số cơ sở công lập*			
	- Số cơ sở công lập	Cơ sở		
	- Số cán bộ, nhân viên	Người		
	- Số cán bộ trực tiếp cung cấp dịch vụ BVTE	Người		
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ (một hoặc nhiều dịch vụ)	Người		
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng		
b	*Số cơ sở ngoài công lập:*			
	- Số cơ sở ngoài công lập	Cơ sở		
	- Số cán bộ, nhân viên	Người		
	- Số cán bộ trực tiếp cung cấp dịch vụ BVTE	Người		
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ (một hoặc nhiều dịch vụ)	Người		
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng		
2	**Tổ chức tập huấn/bồi dưỡng kỹ năng thực hành cho đội ngũ cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ (công lập và ngoài công lập)**			
	- Số lớp tập huấn/bồi dưỡng	Lớp		
	- Số lượt cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ được tập huấn/bồi dưỡng (công lập và ngoài công lập).	Lượt người		
3	**Số cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp huyện/tổng số cấp huyện**	Cơ sơ		
4	**Số điểm tư vấn cộng đồng**	Điểm		
5	**Số điểm tư vấn trường học**	Điểm		

…… ngày…… tháng…… năm……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo phê duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỐNG KÊ TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT

Đơn vị: ……..

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp	Các hình thức trợ giúp				
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	Trợ giúp bằng các hình thức khác
		Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người
a	b	1	2	3	4	5	6	7	9
I	Dân số trẻ em								
1	Trẻ em dưới 16 tuổi								
	Trong đó:								
1.1	Nam								
1.2	Nữ								
1.3	Dân tộc:								
	- Dân tộc Kinh								
	- Dân tộc khác								
II	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt								
Nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau:									

1	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ								
1.1	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ không có người chăm sóc								
1.2	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nuôi dưỡng trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em hoặc cơ sở trợ giúp xã hội								
1.3	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ sống với người thân thích								
1.4	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích, trừ trường hợp được nhận làm con nuôi								
2	Trẻ em bị bỏ rơi								
2.1	Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cơ sở trợ giúp xã hội								
2.2	Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc thay thế bởi cá nhân và gia đình								
3	Trẻ em không nơi nương tựa								
3.1	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật								
3.2	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc không còn khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng								

3.3	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								
3.4	Trẻ em có cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật								
3.5	Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội								
3.6	Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								
3.7	Trẻ em có cả cha và mẹ không còn khả năng chăm sóc trẻ em								
3.8	Trẻ em có cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội								
3.9	Trẻ em có cả cha và mẹ đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								

3.10	Trẻ em có cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								
3.11	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ trong độ tuổi trẻ em								
3.12	Trẻ em có cả cha và mẹ bị hạn chế quyền làm cha mẹ hoặc tạm thời cách ly khỏi cha hoặc mẹ theo quy định của pháp luật								
3.13	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người thân thích								
3.14	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người không thân thích								
3.15	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc tại cơ sở trợ giúp trẻ em, cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE								
4	Trẻ em khuyết tật								
4.1	Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng								
4.2	Trẻ em khuyết tật nặng								
4.3	Trẻ em khuyết tật nhẹ								
4.4	Các dạng tật								
	-Trẻ em khuyết tật vận động								
	-Trẻ em khuyết tật nghe, nói								
	-Trẻ em khuyết tật nhìn								
	-Trẻ em khuyết tật thần kinh, tâm thần								

	-Trẻ em khuyết tật trí tuệ								
	-Trẻ em khuyết tật khác								
	+ Trong đó: Trẻ em tự kỷ								
5	Trẻ em nhiễm HIV/AIDS								
5.1	Sống với cha mẹ, người thân thích								
5.2	Được nhận chăm sóc thay thế tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cá nhân, gia đình không phải người thân thích								
6	Trẻ em vi phạm pháp luật								
6.1	Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính								
	-Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, giáo dục tại xã, phường, thị trấn								
	-Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng								
6.2	Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp tư pháp								
	- Trẻ em bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn								
	- Trẻ em bị áp dụng biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng								
6.3	Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn								
	- Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn								

	- Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù nhưng được hưởng án treo								
7	Trẻ em nghiện ma túy								
7.1	Trẻ em nghiện ma túy trong cơ sở cai nghiện								
7.2	Trẻ em nghiện ma túy đang áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện tại gia đình, cộng đồng								
8	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở								
8.1	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở không có người chăm sóc								
8.2	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở sống cùng cha, mẹ hoặc có người chăm sóc								
9	Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực								
10	Trẻ em bị bóc lột								
10.1	Trẻ em đang tham gia lao động trái quy định của pháp luật về lao động								
10.2	Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trình diễn hoặc bị sử dụng trong sản xuất các sản phẩm khiêu dâm								

10.3	Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động du lịch tình dục								
10.4	Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trục lợi khác								
10.5	Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động vận chuyển, mua bán, sản xuất, tàng trữ chất gây nghiện và các hàng hóa khác bị cấm giao dịch theo quy định của pháp luật								
11	Trẻ em bị xâm hại tình dục								
11.1	Trẻ em bị hiếp dâm								
11.2	Trẻ em bị cưỡng dâm								
11.3	Trẻ em bị giao cấu								
11.4	Trẻ em bị dâm ô								
11.5	Trẻ em bị sử dụng vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức								
12	Trẻ em bị mua bán								
12.1	Trẻ em bị mua bán trở về sống với cha, mẹ hoặc người thân thích								
12.2	Trẻ em bị mua bán trở về được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích								
13	Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo								

13.1	Trẻ em thuộc hộ nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.								
13.2	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày								
14	Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc								
14.1	Trẻ em là công dân Việt Nam di cư, lánh nạn trong nước chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc								
14.2	Trẻ em có quốc tịch nước ngoài di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam không có người chăm sóc								
14.3	Trẻ em chưa xác định được quốc tịch, chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam.								
III	Tổng số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt								
Nhóm trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau:									
1	Trẻ em sống trong gia đình nghèo, cận nghèo								
	Trong đó: Trẻ em sống trong gia đình nghèo								

2	Trẻ em bỏ học (chưa học xong chương trình THCS)								
3	Trẻ em sống trong các gia đình có vấn đề xã hội (cha, mẹ ly hôn, bạo lực gia đình, có người nhiễm HIV/AIDS, nghiện ma túy)								
4	Trẻ em sống trong gia đình có người mắc tệ nạn xã hội (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình nghiện ma túy, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm)								
5	Trẻ em sống trong gia đình có người vi phạm pháp luật (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình đang trong thời gian chấp hành xử lý vi phạm hành chính hoặc hình sự)								
6	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ đi làm ăn xa (trẻ em phải sống xa cả cha và mẹ liên tục từ 6 tháng trở lên)								
7	Trẻ em mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ								
IV	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh khác								
Nhóm trẻ em có hoàn cảnh khác chia theo các loại sau:									
1	Trẻ em bị bắt cóc, chiếm đoạt, đánh tráo								
2	Trẻ em bị tai nạn thương tích								
2.1	Số trẻ em bị tai nạn thương tích								

2.2	Số trẻ em tử vong do tai nạn thương tích								
	+ Trong đó: Số trẻ em tử vong do đuối nước								
	Số trẻ em tử vong do tai nạn giao thông								

…… ngày…… tháng…… năm……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo phê duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Dành cho các sở, ban, ngành)

BÁO CÁO
CÁC CHỈ TIÊU BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Kết quả thực hiện 6 tháng/năm….	Ghi chú
1	- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em đạt		Sở Y tế báo cáo
2	- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em đến 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện		
3	- Chỉ tiêu 3: tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 01 tuổi; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 05 tuổi		
4	- Chỉ tiêu 4: tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng; tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao; tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể béo phì đối với nông thôn và đối với thành thị		
5	- Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc-xin		
6	- Chỉ tiêu 6: Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con		
7	- Chỉ tiêu 7: Tỷ lệ cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh đảm bảo an toàn vệ sinh.		Sở GD-ĐT báo cáo
8	- Chỉ tiêu 8: Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp.		Sở Y tế báo cáo
9	- Chỉ tiêu 9: số vụ trẻ em bị xâm hại, bạo lực, xâm hại tình dục; Tỷ lệ trẻ em bị xâm hại tình dục phát		Sở Y tế, Công an tỉnh báo cáo

	hiện được hỗ trợ, quản lý cas kịp thời.		
10	- Chỉ tiêu 10: Tỷ lệ lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 5 đến 17 tuổi		Sở Y tế báo cáo
11	- Chỉ tiêu 11: Tỷ suất trẻ em bị tai nạn thương tích; Tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích		
12	- Chỉ tiêu 12: Tỷ lệ trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời.		
13	- Chỉ tiêu 13: Tỷ lệ tảo hôn		Sở Tư pháp báo cáo
14	- Chỉ tiêu 14: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh		
15	- Chỉ tiêu 15: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội		Sở Y tế, Sở GD-ĐT, Tỉnh Đoàn báo cáo
16	- Chỉ tiêu 16: Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo		Sở GD-ĐT báo cáo
17	- Chỉ tiêu 17: Tỷ lệ trẻ em (11 đến 14 tuổi) hoàn thành chương trình tiểu học; Tỷ lệ trẻ em bỏ học bậc tiểu học		
18	- Chỉ tiêu 18: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp trung học cơ sở; Tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở		
19	- Chỉ tiêu 19: Tỷ lệ các trường học có kết nối dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em.		
20	- Chỉ tiêu 20: Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh khuyết tật; tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp		
21	- Chỉ tiêu 21: Phấn đấu tỷ lệ các xã, phường, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em		Sở Văn hóa và Thể thao báo cáo
22	- Chỉ tiêu 22: Tỷ lệ trẻ em từ 7 tuổi trở lên được hỏi ý		Sở GD-ĐT, Tỉnh Đoàn báo cáo

	kiến về các vấn đề của trẻ em với các hình thức phù hợp.		
23	- Chỉ tiêu 23: Tỷ lệ trẻ em được nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em.		
24	- Chỉ tiêu 24: Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em		

…… ngày…… tháng…… năm……

Người lập biểu

Lãnh đạo phê duyệt

Biểu mẫu số 57

Tên cơ quan cấp trên	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Tên cơ quan báo cáo	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
TỔNG KẾT THÁNG HÀNH ĐỘNG VÌ TRẺ EM NĂM ……

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI

1. Lễ phát động Tháng hành động vì trẻ em và các hoạt động hưởng ứng

2. Sự kiện, hội thảo, tập huấn trong Tháng hành động vì trẻ em

3. Truyền thông trong Tháng hành động vì trẻ em

4. Hoạt động thăm, tặng quà cho trẻ em nhân Tháng hành động vì trẻ em

5. Tổ chức các hoạt động và bảo đảm mùa hè an toàn cho trẻ em

6. Thực hiện các giải pháp, hoạt động phòng, chống xâm hại, bạo lực trẻ em, phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em; tuyên truyền, chỉ đạo các cấp đoàn, hội có công trình, hành động thiết thực dành cho trẻ em.

III. KINH PHÍ

1. Nguồn ngân sách nhà nước

2. Ngân sách vận động

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

2. Khó khăn, hạn chế

V. KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
- .....;	
- .....;	*(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*
- .....;	
.....	
- Lưu: ……	

TỔNG HỢP SỐ LIỆU KẾT QUẢ TỔ CHỨC THÁNG HÀNH ĐỘNG VÌ TRẺ EM NĂM ……..

1. Tổ chức phát động, kinh phí và công trình dành cho trẻ em

Tổ chức phát động Tháng hành động vì trẻ em		**Công trình dành cho trẻ em**		**Kinh phí cho Tháng hành động vì trẻ em**	
Số điểm phát động	Số trẻ em tham dự	Số công trình xây mới	Số công trình nâng cấp	Ngân sách nhà nước	Vận động

2. Hoạt động hỗ trợ trẻ em

Tặng quà		**Cấp học bổng**		**Khám bệnh, chữa bệnh miễn phí cho trẻ em**	
Số lượng trẻ em	Kinh phí	Số lượng trẻ em	Kinh phí	Số lượng trẻ em	Kinh phí

3. Hoạt động có sự tham gia của trẻ em và vui chơi giải trí

Các hoạt động có sự tham gia của trẻ em (Diễn đàn, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, câu lạc bộ, đội, nhóm, tham vấn, thăm dò, lấy ý kiến trẻ em,...)		Các hoạt động vui chơi, giải trí (hội thi, cắm trại, thể thao, du lịch, tham quan)	
Số lượng hoạt động	Số lượng trẻ em tham gia	Số lượng hoạt động	Số lượng trẻ em tham gia

Người lập biểu

…… ngày…… tháng…… năm……

Lãnh đạo phê duyệt

Biểu mẫu số 58

Tên cơ quan cấp trên	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Tên cơ quan báo cáo	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*……., ngày ... tháng ... năm 20…*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả thực hiện việc áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 năm …

1. Việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 hoặc ISO 9001:2015:

a) Phạm vi áp dụng bao gồm toàn bộ hoạt động liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan;

b) Hoạt động phổ biến, hướng dẫn áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc cho toàn bộ cán bộ, công chức trong phạm vi xây dựng và áp dụng HTQLCL;

c) Sự tuân thủ của cơ quan đối với tất cả các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 hoặc ISO 9001:2015, chính sách, mục tiêu, quy trình, thủ tục, các quy định có liên quan khác và các yêu cầu pháp luật liên quan *(đề nghị kèm theo các bằng chứng thực hiện: chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng)*;

d) Việc thực hiện các quá trình giải quyết công việc và các quá trình được xác định trong HTQLCL;

đ) Hoạt động xem xét của lãnh đạo và hoạt động đánh giá nội bộ, thực hiện hành động khắc phục các điểm không phù hợp *(kèm theo kết quả xem xét lãnh đạo, kế hoạch đánh giá nội bộ, bảng tổng hợp kết quả đánh giá nội bộ, thực hiện hành động khắc phục phòng ngừa,..)*;

e) Hoạt động xử lý các khiếu nại liên quan đến lĩnh vực áp dụng HTQLCL (nếu có);

g) Hoạt động cải tiến trong HTQLCL.

2. Việc tuân thủ theo các quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ:

a) Việc bảo đảm sự tham gia của Lãnh đạo, các đơn vị và cá nhân có liên quan trong quá trình xây dựng và áp dụng HTQLCL;

b) Việc Người đứng đầu cơ quan xác nhận hiệu lực của HTQLCL;

c) Việc công bố HTQLCL phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008; ISO 9001:2015 và thông báo bằng văn bản đến đơn vị chủ trì để theo dõi, tổng hợp; niêm yết tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan (nếu có);

d) Việc cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào HTQLCL;

đ) Việc công bố lại khi có sự điều chỉnh, mở rộng, thu hẹp phạm vi áp dụng HTQLCL;

e) Việc lựa chọn tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

3. Thuận lợi, khó khăn:

4. Kiến nghị, đề xuất:

Biểu mẫu số 59

Tên cơ quan cấp trên	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Tên cơ quan báo cáo	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*……., ngày ... tháng ... năm 20…*

BÁO CÁO

Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm ……

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) đến cơ quan

2. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện Luật THTK, CLP và việc THTK, CLP của Bộ, ngành, địa phương

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về THTK, CLP:

II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Kết quả THTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực

a) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN); trong đó tập trung vào các nội dung sau:

b) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước:

c) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước:

d) Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí

3. Phân tích, đánh giá

a) Đánh giá kết quả đạt được:

b) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Không có

c) Những kinh nghiệm rút ra: Không có

III. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về thực hiện tiết kiệm,

chống lãng phí cần tập trung triển khai thực hiện trong năm tiếp theo

IV. Đề xuất, kiến nghị về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

1. Kiến nghị về công tác chỉ đạo điều hành:

2. Kiến nghị về hoàn thiện các quy định pháp luật về THTK, CLP: ý kiến.

3. Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nhằm nâng cao hiểu quả công tác THTK, CLP

4. Các kiến nghị khác (nếu có):

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Đơn vị: ……

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
Kỳ báo cáo: Năm ……

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
II	**Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)**	**triệu đồng**						
1	**Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN**	**triệu đồng**						
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng	-	-	-			
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng	-	-	-			
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng	-	-	-			

2	**Sử dụng và thanh quyết toán NSNN**	**triệu đồng**						
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	triệu đồng						Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	*triệu đồng*						
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	*triệu đồng*						
	Tiết kiệm sử dụng điện	*triệu đồng*						
	Tiết kiệm xăng, dầu	*triệu đồng*						
	Tiết kiệm nước sạch	*triệu đồng*						
	Tiết kiệm công tác phí	*triệu đồng*						
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	*triệu đồng*						
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	*triệu đồng*						
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	*triệu đồng*						
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng						
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						Tiết kiệm so với dự
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	*triệu đồng*						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh…	*triệu đồng*						

	Thương thảo hợp đồng	*triệu đồng*						toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
	Các nội dung khác	*triệu đồng*						
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng						
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	**Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ**	**triệu đồng**						
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	**Các nội dung khác**	**triệu đồng**						
III	**Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước**	**triệu đồng**						
1	**Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)**							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc						
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						

1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện cuối kỳ	chiếc						
1.5	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.6	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	**Tài sản khác**							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	**Các nội dung khác**	**triệu đồng**						

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu mẫu số 60

Tên cơ quan cấp trên	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Tên cơ quan báo cáo	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*……, ngày ... tháng ... năm 20…*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 117/2013/NĐ-CP NGÀY 07/10/2013 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM ……

(Dùng cho cơ quan quản lý cấp trên báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

I/ Đánh giá chung:

- Về thực hiện nhiệm vụ được giao, chất lượng, hiệu quả công việc, thời gian giải quyết công việc, quy trình xử lý công việc.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công việc (có đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn hay không?).

- Về tư tưởng của cán bộ công chức trong cơ quan.

- . . .

II/ Đánh giá cụ thể:

1/ Về số lượng đơn vị thực hiện tự chủ:

- Cơ quan cấp tỉnh:

+ Số đơn vị được giao thực hiện tự chủ:

+ Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ:

- Cơ quan cấp xã:

+ Số lượng cơ quan chuyên môn cấp huyện:

+ Số đơn vị được giao thực hiện tự chủ:

+ Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ:

2/ Về kinh phí:

a/ Kinh phí quản lý hành chính được giao (tổng số)

Trong đó:

* Kinh phí thực hiện tự chủ :. . . . . đồng

- Số kinh phí thực hiện: . . . . . đồng

- Số kinh phí tiết kiệm được: . . . . . đồng

+ Tiết kiệm chi quỹ lương (do chưa tuyển đủ số biên chế được giao)

+ Tiết kiệm các khoản chi khác (ngoài quỹ lương)

Phân tích kỹ nguyên nhân tiết kiệm kinh phí:

+ Do tiết kiệm biên chế (tổng số biên chế được giao; số biên chế có mặt; số biên chế tiết kiệm được do chưa tuyển đủ, do tinh giản biên chế, do về hưu, thôi việc…); do sắp xếp lại bộ máy (số phòng ban đầu năm báo cáo; số phòng, ban hiện có; số phòng, ban giảm…).

+ Do các nguyên nhân khác: Tiết kiệm chi hội nghị, hội thảo, công tác phí, điện, nước…

- Số đơn vị thực hiện tiết kiệm được kinh phí: . . . . . đơn vị

- Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao: . . . . . %

- Đơn vị có tỷ lệ tiết kiệm so với kinh phí được giao cao nhất: . . . %

* Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ . . . . . đồng

* Đối với việc thực hiện nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ cần tổng hợp báo cáo theo một số nội dung:

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã thực hiện.

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên không thực hiện hoặc chưa thực hiện xong.

* Tình hình chấp hành chính sách, chế độ chi tiêu tài chính.

b/ Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm được:

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 0,1 lần . . . . . .đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,1 - 0,2 lần. . . . . .đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,2 - 0,3 lần . . . . . .đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,3 - 0,4 lần . . . . . .đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,4 - 0,5 lần . . . . . .đơn vị

- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là . . . đ/tháng (tên đơn vị);

- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là ... đ/tháng (tên đơn vị).

- Trích Quỹ và các khoản chi khác:

+ Quỹ dự phòng ổn định thu nhập

+ Chi khen thưởng

+ Chi phúc lợi

+ Các khoản chi khác

. . .

3/ Các biện pháp thực hành tiết kiệm:

.....

4/ Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:

.....

... ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký tên)	*(Ký tên, đóng dấu)*

Đơn vị ……

Số liệu giảm chi NSNN do thực hiện sắp xếp bộ máy và tinh giản biên chế khối hành chính nhà nước Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ năm 2025

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng kinh phí giảm	Khối hành chính, Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể				Kết quả sử dụng phần NSNN giảm chi	Gồm:			
			Số lượng đơn vị tăng, giảm so với năm trước	Giảm chi NSNN do sắp xếp ĐVHC so với năm trước	Số lượng biên chế tăng, giảm so với năm trước	Giảm chi NSNN do giảm biên chế so với năm trước		Bổ sung vào nguồn CCTL để thực hiện chi trả tiền lương tăng thêm do tăng mức lương cơ sở	Bổ sung vào nguồn chi trả các chính sách ASXH do địa phương ban hành	Tăng chi cho các nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất tương ứng	Bổ sung cho các nhiệm vụ chi phát sinh đột xuất trong năm
A	B	1=3+5	2	3	4	5	6=7+8+9+10	7	8	9	10
	Tổng cộng										
1	Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

*** *Ghi chú*:** (Cột 3) Kinh phí thực tế địa phương giảm chi NSNN do sắp xếp đơn vị hành chính.

(Cột 5) Gồm: (i) Giảm chi tiền lương (số lượng biên chế giảm x với hệ số lương ngạch bậc, phụ cấp x thời gian thực tế tinh giản); (ii) giảm chi hoạt động (số lượng biên chế giảm x với định mức hoạt động/biên chế x thời gian thực tế tinh giản).

Tên cơ quan cấp trên
Tên cơ quan báo cáo

PHU LỤC TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH THEO NGHỊ ĐỊNH 130/2005/NĐ-CP ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 20…

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Đơn vị	Biên chế			Kinh phí tiết kiệm được			Kinh phí tiết kiệm dùng để chia thu nhập tăng thêm			Thu nhập tăng thêm người/tháng:			Hệ số thu nhập tăng thêm				Thuyết minh, nêu các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu
		Được giao	Có mặt	Tiết kiệm	Tổng	Trong đó:		Tổng	Trong đó:		Thu nhập tăng thêm BQ/người /tháng	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất/ tháng	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất /tháng	Dưới 0,1 lần/đvị /tháng	Từ trên 0,1 đến dưới 0,2 lần/đvị /tháng	Từ trên 0,2 đến dưới 0,3 lần/đvị /tháng	Từ trên 0,3 đến dưới 0,4 lần/đvị /tháng	
						Từ nguồn NSNN (Nguồn tự chủ)	Từ nguồn thu phí được để lại, thu khác		Nguồn NSNN	Nguồn Phí								
A	*B*	*1*	*2*	*3=2-1*	*4=5+6*	*5*	*6*	*7=8+9*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	***17***
	TỔNG																	
I	**Quản lý hành chính**														-	-	-	-
	- Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc																	

…, ngày … tháng … năm 20…
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Đơn vị: ……

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: Năm 20…

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
I	**Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ**							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						Cụ thể (Nếu có)
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						Cụ thể (Nếu có)
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						

5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
II	**Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)**	**triệu đồng**						
1	**Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN**	**triệu đồng**						
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng						
2	**Sử dụng và thanh quyết toán NSNN**	**triệu đồng**						
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	triệu đồng						Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	*triệu đồng*						
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	*triệu đồng*						
	Tiết kiệm sử dụng điện	*triệu đồng*						
	Tiết kiệm xăng, dầu	*triệu đồng*						

	Tiết kiệm nước sạch	*triệu đồng*						
	Tiết kiệm công tác phí	*triệu đồng*						
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	*triệu đồng*						
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	*triệu đồng*						
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	*triệu đồng*						
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng						
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	*triệu đồng*						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh…	*triệu đồng*						
	Thương thảo hợp đồng	*triệu đồng*						
	Các nội dung khác	*triệu đồng*						
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng						
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						

2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	**Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ**	**triệu đồng**						
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	**Các nội dung khác**	**triệu đồng**						
III	**Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước**	**triệu đồng**						
1	**Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)**							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc						
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						

1.4	Số lượng phương tiện cuối kỳ	chiếc						
1.5	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.6	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	**Tài sản khác**							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	**Các nội dung khác**	**triệu đồng**						
IV	**Trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng**	**triệu đồng**						
1	**Trong đầu tư xây dựng**	**triệu đồng**						
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	*triệu đồng*						
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh…	*triệu đồng*						

	- Thực hiện đầu tư, thi công	*triệu đồng*						
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	*triệu đồng*						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, huỷ bỏ							*Vốn ngoài ngân sách*
	Số lượng	dự án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						
2	**Trụ sở làm việc**							
2,1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2						
2,2	Diện tích trụ sở tăng thêm do XD, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2,3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2,4	Tổng diện tích trụ sở cuối kỳ	m2						
2,5	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2,6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2,7	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	**Nhà công vụ**							
3,1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						

3,2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3,3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3,4	Tổng diện tích nhà công vụ cuối kỳ	m2						
3,5	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3,6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3,7	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	**Các nội dung khác**							
V	**Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên**							
1	**Quản lý, sử dụng đất**							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm PL	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	**Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác**							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng TN	vụ						

2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	**Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được**							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo DA được duyệt	triệu đồng						
4	**Các nội dung khác**	triệu đồng						
VI	**Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước**							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác	triệu đồng						
IX	**Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP**							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK,CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						

2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK,CLP đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK,CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu mẫu số 61

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*……., ngày ... tháng ... năm 20…*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC (PCTN-TC)

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN-TC trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN-TC

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

b) Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN-TC và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

c) Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, tiêu cực, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp

d) Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác PCTN-TC.

đ) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN-TC

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý

b) Kết quả công tác thanh tra, kiểm toán và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng, tiêu cực qua hoạt động thanh tra, kiểm toán:

c) Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng, tiêu cực; việc phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng, tiêu cực và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

d) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng, tiêu cực qua các hoạt động khác:

đ) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương:

e) Kết quả xử lý tài sản tham nhũng, tiêu cực:

f) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu

4. Kết quả PCTN-TC trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng chống tham nhũng, tiêu cực

a) Các nội dung đã thực hiện nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, Ban Thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng chống tham nhũng, tiêu cực

b) Những kết quả, đóng góp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, Ban Thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng chống tham nhũng, tiêu cực

c) Kết quả việc bảo vệ, khen thưởng người có thành tích trong việc tố cáo về hành vi tham nhũng, tiêu cực: Không có.

6. Hợp tác quốc tế về PCTN-TC

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG, TIÊU CỰC

1. Đánh giá tình hình

a) Đánh giá tình hình tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương và nguyên nhân:

b) So sánh tình hình với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước:

2. Dự báo tình hình tham nhũng, tiêu cực

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN-TC

1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác PCTN-TC trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương

2. So sánh hiệu quả công tác PCTN-TC kỳ này với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước:

3. Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác PCTN-TC:

4. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác PCTN-TC

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Phương hướng, nhiệm vụ

2. Kiến nghị, đề xuất

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Số liệu tính từ ngày..... /.../.... đến ngày.../..../

(Kèm theo Báo cáo số: ..... ngày.....tháng ....năm..... của)

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	
	PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động		
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	
	Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ		
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	
10	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	

11	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	
12	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	
13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	
14	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	
15	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	
16	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
17	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	
	Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn		
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	
19	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	
20	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
21	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
22	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	
23	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	
	Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn		
24	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	
	Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt		
25	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	

26	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	
27	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	
28	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	
29	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	
30	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	
31	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	
	Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn		
32	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	
33	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	
34	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	
35	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	
35.1	Số *người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực*	Người	
35.2	*Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập*	Người	
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, Tổ CHỨC, ĐƠN VỊ		
36	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	
37	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	
	Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị		
38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	

40	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	
42	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Vụ	
	- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	vụ	
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Người	
	- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	người	
	Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán		
44	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cư, đại biểu dân cư và xử lý đề nghị của cơ quan dân cư, đại biểu dân cử	Vụ	
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	
46	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	
	Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng		
50	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	
51	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	

52	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	người	
	Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo		
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)		
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	
	Qua điều tra tội phạm		
58	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	
59	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	
	Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng		
60	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	
61	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	
62	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	
63	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHŨNG		
64	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	

65	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
66	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	
66.1	*- Khiển trách*	Người	
66.2	*- Cảnh cáo*	Người	
66.3	*- Cách chức*	Người	
	XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
67	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	
68	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	
68.1	*- Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng*	Người	
68.2	*- Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng*	Người	
68.3	*- Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng*	Người	
68.4	*- Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng*	Người	
69	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
70	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	
71	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
72	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		

73	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
74	Đất đai	m^2	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
75	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
75.1	*- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính*	Triệu	
75.2	*- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp*	Triệu	
76	Đất đai	m^2	
76.1	*- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính*	m^2	
76.2	*- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp*	m^2	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
77	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
78	Đất đai	m^2	
	PHONG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC		
79	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	
80	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	
81	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	
82	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	
83	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	

84	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	
85	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
86	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	

Ghi chú:

- Khi báo cáo các đơn vị không sửa đổi nội dung các tiêu chí thống kê trong biểu số liệu

- Không thống kê số liệu vào những mục nội dung mà cột mã số (MS) và cột đơn vị tính trong biểu mẫu để trống.

- Các địa phương chỉ đưa vào biểu mẫu này số liệu thống kê về kết quả công tác PCTN của địa phương, không thống kê kết quả của các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn

- (1) Số liệu của Ngân hàng Nhà nước Báo cáo

- (2) Số liệu của Ngân hàng Nhà nước Báo cáo

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHŨNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ
(Số liệu tính từ ngày đến ngày)

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc	Ghi chú
1					
2					

Biểu số: 03/PCTN

KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, KHẮC PHỤC CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỞ, DỄ BỊ LỢI DỤNG ĐỂ THAM NHŨNG(*)

(Số liệu tính từ ngày ..../.... /.... đến....ngày…/…/….

(Kèm theo Báo cáo số: .....ngày.....tháng ....năm.....của.....)

TT	Tên, số, ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành văn bản	Nội dung sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng	Kết quả khắc phục			Ghi chú
				Đã được khắc phục theo thẩm quyền	Chưa khắc phục xong	Nguyên nhân của việc chưa khắc phục xong	
MS	1	2	3	4	5	6	7
1							
2							
Tổng số:							

Hướng dẫn cách ghi biểu:

(*) Phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố xét xử, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

- Cột (4), (5): Điền dấu "x"

- Cột (6): Nhập nội dung khi tích "x" tại Cột (5)

Biểu mẫu số 62

Tên cơ quan cấp trên	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Tên cơ quan báo cáo	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*……, ngày ... tháng ... năm 20…*

BÁO CÁO
Về thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp để giảm chi phí tuân thủ pháp luật, nâng xếp hạng chỉ số B1

I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP ĐỂ GIẢM CHI PHÍ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT, NÂNG XẾP HẠNG CHỈ SỐ B1

1. Chỉ đạo triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp để giảm chi phí tuân thủ pháp luật, nâng xếp hạng chỉ số B1

2. Về xây dựng, hoàn thiện thể chế để giảm chi phí tuân thủ pháp luật

3. Về tổ chức thi hành pháp luật

3.1 T*uyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức và cộng đồng doanh nghiệp.*

3.2. Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

3.3. Tiếp nhận và xử lý kịp thời các kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp, thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

3.4. Cải cách thủ tục hành chính

3.5. Các nhiệm vụ, giải pháp khác

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐỂ GIẢM CHI PHÍ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT, NÂNG XẾP HẠNG CHỈ SỐ B1

III. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

Biểu mẫu số 63

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*……, ngày ... tháng ... năm 20…*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp quý I, 06 tháng, 09 tháng, năm

---

I- TÌNH HÌNH AN NINH QUỐC GIA, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

Nêu khái quát những vấn đề nổi lên về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

II- KẾT QUẢ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CÔNG TÁCNỘI CHÍNH, PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC, CẢI CÁCH TƯ PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Công tác phổ biến, quán triệt, triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

1.2. Việc ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

1.3. Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc của cấp ủy đảng.

1.4. Việc lãnh đạo, chỉ đạo xử lý các vấn đề nổi cộm, phức tạp, về an ninh, trật tự; các vụ việc, vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm ở địa phương.

2. Kết quả công tác nội chính

2.1. Kết quả công tác đảm bảo an ninh, trật tự

- Việc tổ chức thực hiện các chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo đảm an ninh, trật tự;

- Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội;

- Kết quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án các vụ án, vụ việc nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm.

2.2. Kết quả công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2.3. Kết quả công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân của người đứng đầu cấp ủy.

2.4. Kết quả nổi bật khác về công tác nội chính.

3. Kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

3.1. Kết quả tham mưu, chỉ đạo cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (PCTNLPTC) của cơ quan, tổ chức.

3.2. Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế về PCTNLPTC; rà soát, khắc phục hoặc kiến nghị khắc phục những sơ hở, bất cập trong cơ chế, chính sách, pháp luật trên các lĩnh vực để PCTNLPTC.

3.3. Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực:

- Kết quả công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong tổ chức và hoạt động của đơn vị;

- Kết quả xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn;

- Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn;

- Kết quả chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn;

- Kết quả cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt;

- Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn…

3.4. Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra về PCTNLPTC và giải quyết khiếu nại, tố cáo về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực:

- Kết quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng của cấp ủy, Ủy ban kiểm tra các cấp;

- Kết quả công tác kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo PCTNLPTC cấp tỉnh;

- Kết quả công tác thanh tra hành chính; thanh tra, kiểm tra chuyên ngành;

- Kết quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

- Kết quả kiểm tra, giám sát các chuyên đề, vụ việc theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTNLPTC;

- Kết quả công tác giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

3.5. Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực:

- Số vụ án, vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phát hiện, khởi tố mới[8];

- Kết quả khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án, xác minh giải quyết các vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

3.6. Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án tham nhũng, kinh tế, tiêu cực của các cơ quan tiến hành tố tụng và thi hành án dân sự.

3.7. Công tác chỉ đạo thông tin, tuyên truyền về PCTNLPTC; phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc các cấp, báo chí và Nhân dân trong công tác PCTNLPTC.

3.8. Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các kết luận của Ban Chỉ đạo:

- Kết quả thực hiện các kết luận các Phiên họp, Cuộc họp của Ban Chỉ đạo tỉnh;

- Kết quả chỉ đạo thực hiện các kết luận, kiến nghị của các Đoàn kiểm tra giám, sát của Ban Chỉ đạo, Thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTNTC (nếu có);

- Tiến độ, kết quả, khó khăn, vướng mắc trong điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc theo kết luận, kiến nghị các đoàn kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo tỉnh.

- Kết quả chỉ đạo thực hiện cơ chế phối hợp phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong quá trình kiểm tra, giám sát, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

- Kết quả chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác giám định, định giá tài sản trong giải quyết các vụ án, vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Kết quả chỉ đạo xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách; việc cho từ chức, miễn nhiệm, bố trí công tác khác đối với

[8] Nêu cụ thể tên các đối tượng, bị can, bị cáo, chức vụ, đơn vị công tác, tội danh.

cán bộ do trách nhiệm chính trị của người đứng đầu, tập thể lãnh đạo hoặc sau khi bị kỷ luật.

- Kết quả chỉ đạo chấn chỉnh, xử lý tình trạng "sợ trách nhiệm" *(làm việc cầm chừng, né tránh, đùn đẩy, sợ sai không dám làm)*; xử lý, ngăn chặn tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc *("tham nhũng vặt")*.

- Kết quả PCTNLPTC trong các cơ quan có chức năng PCTNLPTC.

3.9. Kết quả công tác PCTNLPTC khu vực ngoài nhà nước.

3.10. Kết quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị có chức năng PCTNLPTC.

4. Kết quả công tác cải cách tư pháp

4.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp theo chương trình, kế hoạch công tác của địa phương.

4.2. Kết quả công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra đối với hoạt động tiến hành tố tụng, thi hành án, bổ trợ tư pháp và các hoạt động khác có liên quan.

4.3. Kết quả củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp và đảm bảo cơ sở vật chất cho hoạt động tư pháp.

4.4. Hợp tác quốc tế về tư pháp và cải cách tư pháp *(nếu có)*.

4.5. Kết quả nổi bật khác về công tác cải cách tư pháp.

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm.

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong công tác nội chính, PCTNLPTC và cải cách tư pháp; nhất là những khó khăn, vướng mắc trong xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế.

IV- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Nhiệm vụ trọng tâm công tác nội chính.

2. Nhiệm vụ trọng tâm công tác PCTNLPTC.

3. Nhiệm vụ trọng tâm công tác cải cách tư pháp.

V- KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

(nhất là kiến nghị, đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực).

Biểu mẫu số 64

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*……., ngày … tháng … năm 20…*

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ 10/CT-TTG

1. Việc phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện

2. Việc ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019

3. Việc rà soát nhận diện nguy cơ tham nhũng, theo vị trí việc làm, kết quả rà soát; giải pháp phòng ngừa tham nhũng sau khi rà soát.

4. Việc lập công khai đường dây nóng, số điện thoại đường dây nóng, địa chỉ hộp thư điện tử tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu.

5. Việc tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của người dân, công khai thời gian, địa điểm tiếp nhận.

6. Việc ứng dụng công nghệ thông tin

7. Việc nâng cao sự hài lòng của người dân doanh nghiệp trong giải quyết công việc, giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan.

8. Việc thực hiện quy tắc ứng xử, những việc không được làm của người có chức vụ, quyền hạn.

III. NHẬN XÉT CHUNG

IV PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

Biểu mẫu số 65

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*……., ngày ... tháng ... năm 20…*

BÁO CÁO
Tình hình triển khai thực hiện Chỉ số cải thiện chất lượng các quy định của pháp luật
(Số liệu trình bày trong Báo cáo
tính từ ngày …/…/20… đến ngày …/…/20…)

Kính gửi:……

I. Tình hình triển khai thực hiện

1. Về chỉ đạo, điều hành

- Nêu rõ các văn bản chỉ đạo, điều hành của Bộ, ngành, địa phương mình để cải thiện chất lượng các quy định của pháp luật thuộc phạm vi quản lý.

- Phổ biến, triển khai kế hoạch thực hiện.

2. Kết quả triển khai thực hiện

2.1. Về lập đề xuất chính sách

- Kết quả công tác lập đề xuất chính sách tại cơ quan mình thực hiện.

- Kết quả công tác thẩm định chính sách (nếu có).

2.2. Về xây dựng, ban hành văn bản QPPL

2.2.1. Xây dựng, ban hành văn bản QPPL

- Kết quả công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL.

- Kết quả công tác thẩm định văn bản QPPL.

2.2.2. Xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết

- Về lập danh mục, phân công soạn thảo văn bản quy định chi tiết và ban hành kế hoạch triển khai thi hành luật, pháp lệnh.

- Về theo dõi, đôn đốc và kiểm tra tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết.

- Về kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết.

2.3. Công tác rà soát, kiểm tra văn bản QPPL

- Về công tác rà soát văn bản QPPL.

- Về công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL.

Lưu ý : Bộ , ngành cập nhật số liệu vào Phụ lụ c I kè m theo Đề cương báo cáo; đị a phương cập nhật số liệu vào Phụ lụ c II kè m theo Đề cương báo cáo .

2.4. Đánh giá chung về việc cải thiện chất lượng các quy định của PL

3. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3.1. Một số tồn tại, hạn chế

3.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan.

- Nguyên nhân chủ quan.

II. Đề xuất và kiến nghị

1. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

2. Đối với bộ, ngành

3. Đối với địa phương

Nơi nhận:
- Như trên;
-……..

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Biểu mẫu số 66

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*……., ngày ... tháng ... năm 20…*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác năm…

1. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI

1. Công tác rà soát phân công nhiệm vụ công chức, viên chức; xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác

2. Việc triển khai, quán triệt kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác năm

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC NĂM

1. Danh mục vị trí công tác thực hiện chuyển đổi.

2. Phương thức thực hiện chuyển đổi vị trí công tác.

(đính kèm Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác, danh mục chuyển đổi vị trícông tác, trường hợp cụ thể phải chuyển đổi vị trí công tác

3. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác.

Nêu rõ số lượng đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác; tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch; số lượng chưa thực hiện (nếu có) và nêu rõ lý do đối với các trường hợp cần chuyển đổi trong kế hoạch nhưng chưa thực hiện chuyển đổi trong.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Biểu mẫu số 67

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*……, ngày ... tháng ... năm 20…*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
về tình hình thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

A. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA CẤP ỦY

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết 57 và các văn bản của cấp trên.

- Các văn bản đã ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai (nêu rõ ngày tháng, tên văn bản, xác định tính quán triệt/ giao nhiệm vụ/ kiểm tra, đôn đốc).

- Công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy

- Việc tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết số 57 (thời điểm, hình thức, nội dung).

(Sở, ngành báo cáo)

B. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kết quả ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 57 trong năm 20……, hoàn thành trước …/…/20….

(Sở, ngành báo cáo)

2. Thống kê số cuộc họp/Phiên họp của Ban Chỉ đạo/Thường trực Ban Chỉ đạo/lãnh đạo Ban Chỉ đạo với Thường trực Tổ giúp việc và các cơ quan liên quan tính từ đầu năm 20…

3. Thống kê các nhiệm vụ thực hiện

- Tổng số có bao nhiêu nhiệm vụ được giao, trong đó:

+ Số nhiệm vụ đã hoàn thành, tỷ lệ %, trong đó: số nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn, số nhiệm vụ hoàn thành quá hạn.

+ Số nhiệm vụ đang thực hiện đúng hạn, tỷ lệ %.

- Số nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành, tỷ lệ % *(nêu rõ nội dung nhiệm vụ, kết quả đã thực hiện, lộ trình, kế hoạch thực hiện và dự kiến thời gian hoàn thành).*

- Đánh giá kết quả thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, nhất là những nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi trong Kế hoạch đã ban hành về tiến độ, về mục tiêu, về sản phẩm, về hiệu quả.

II. HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, QUY ĐỊNH, QUY TRÌNH

1. Tình hình, kết quả thực hiện

- Kết quả rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung những cơ chế, chính sách chưa được giải quyết ở những văn bản đã ban hành để tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách KHCN, ĐMST, CĐS.

+ Nêu rõ số lượng, nội dung đã đề xuất với cấp có thẩm quyền.

+ Kết quả xử lý của cấp có thẩm quyền.

- Kết quả ban hành thể chế, chính sách cho KHCN, ĐMST, CĐS thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh.

- Việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế, chính sách bất cập, không còn phù hợp thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh.

(Sở, ngành báo cáo – nếu có)

2. Nhận xét, đánh giá

- Ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân, giải pháp khắc phục.

- Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế.

(Sở, ngành báo cáo)

III. BẢO ĐẢM NGUỒN NHÂN LỰC

1. Tình hình, kết quả thực hiện

- Việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số và an toàn thông tin; nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động *(đặc biệt là cán bộ cấp xã)*. Số lượng kế hoạch đã ban hành để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu; số lượng người tham gia đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, phương thức đào tạo.

- Kết quả khắc phục việc thiếu nhân sự công nghệ thông tin và chuyển đổi số còn thiếu và yếu *(trong đó, nêu rõ số lượng nhân sự chuyên môn CNTT, CĐS đã được bổ sung và số lượng các địa phương, đơn vị hiện nay còn thiếu nhân sự chuyên môn CNTT, CĐS). (Sở Nội vụ báo cáo)*

- Việc tổ chức tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, người dân và phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng.

2. Nhận xét, đánh giá

- Đánh giá kết quả, chất lượng sau đào tạo, bồi dưỡng cho nhân lực cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số và an toàn thông tin; cho cán bộ, công chức, viên chức và

người lao động trong cơ quan, đơn vị. Nhân lực có đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo không; tỷ lệ % đạt được; chưa đạt được?

- Ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân, giải pháp khắc phục.

- Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế.

IV. TÀI CHÍNH, KINH PHÍ

1. Tình hình, kết quả thực hiện

- Việc đề xuất nhiệm vụ, kinh phí cho KHCN, ĐMST, CĐS trong năm 20….: Đến thời điểm báo cáo nhu cầu bổ sung kinh phí năm 20… là bao nhiêu tỷ đồng? đã được phân bổ bao nhiêu tỷ đồng? còn lại bao nhiêu chưa phân bổ?

- Về phân bổ và giải ngân vốn: Tổng kinh phí đã được phân bổ năm 2026; đã giải ngân bao nhiêu, tỷ lệ %. Tổng kinh phí đã được phân bổ đến thời điểm báo cáo; đã giải ngân bao nhiêu, tỷ lệ %.

- Việc rà soát và triển khai thực hiện các giải pháp đột phá để phát triển KHCN, ĐMST thông qua việc tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế tài chính.

- Việc triển khai thực hiện quản lý tài chính theo cơ chế Quỹ: Nêu rõ đơn vị đã triển khai, chưa triển khai, nguyên nhân.

(Sở Tài chính báo cáo)

2. Nhận xét, đánh giá

- Đánh giá chung về kinh phí được bố trí 3% hay chưa?

- Đánh giá việc chủ động đề xuất nhiệm vụ và đăng ký vốn đúng hạn hay chưa?, nếu chậm thì nguyên nhân do đâu? *(tiến độ hoàn thiện hồ sơ chậm hay do quy trình nội bộ và phê duyệt kéo dài?)*

- Đánh giá việc bố trí vốn và tiến độ giải ngân: Có bị chậm hay không? có nguy cơ ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện nhiệm vụ hay không?

- Xác định rõ trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế đối với các nội dung nêu trên.

- Ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân, giải pháp khắc phục.

(Sở Tài chính báo cáo)

V. VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Về hạ tầng kỹ thuật, công nghệ

a) *Tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ hoàn thành trong quý II/2026.*

- Việc nâng cấp đường truyền Internet, bảo đảm ổn định, đặc biệt tại các địa bàn vùng sâu, vùng biên giới, hải đảo.

- Việc bố trí kinh phí để nâng cấp, thay thế hoặc bổ sung trang thiết bị CNTT đã xuống cấp.

- Việc khắc phục triệt để tình trạng còn lỗi của các hệ thống thông tin.

- Số lượng thôn, bản chưa có điện và sóng di động.

- Việc phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ cấp đầy đủ chứng thư số cho lãnh đạo và cán bộ chuyên môn của 4 khối cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc. (Văn phòng Tỉnh ủy báo cáo)

b) *Nhận xét, đánh giá*

- Ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân, giải pháp khắc phục.

- Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế.

2. Về thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến (Văn phòng UBND tỉnh báo cáo)

a) *Tình hình, kết quả thực hiện*

- Việc thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) và cung cấp dịch vụ công trực tuyến từ tháng …/20…… đến thời điểm báo cáo:

+ Tổng số TTHC; số lượng TTHC trực tuyến toàn trình, một phần, trực tiếp.

+ Tổng số hồ sơ tiếp nhận theo kỳ báo cáo trong tháng, lũy kế. Số lượng hồ sơ trực tuyến; tỷ lệ. Số lượng hồ sơ trực tuyến toàn trình; tỷ lệ.

- Việc số hóa, cấp kết quả điện tử và tái sử dụng dữ liệu: Tỷ lệ số hóa, tỷ lệ

cấp kết quả điện tử, tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu.

- Việc thực hiện TTHC không phụ thuộc địa giới:

+ Địa phương đã công bố thực hiện 100% đối với TTHC thuộc phạm vi giải quyết. Trong đó: địa phương đã đi vào vận hành thực tế; địa phương mới ở mức công bố danh mục.

+ Địa phương chưa công bố đủ 100% đối với TTHC thuộc phạm vi giải quyết, tỷ lệ.

b) *Nhận xét, đánh giá*

- Đánh giá tỷ lệ cung cấp dịch vụ công (DVC) trực tuyến và trực tuyến toàn trình; so với tháng trước liền kề.

- Đánh giá kết quả thực hiện số hóa và nguy cơ lãng phí liên quan đến việc số hóa (nếu có).

- Ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân, giải pháp khắc phục.

- Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế.

3. Về việc xây dựng, hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu và các nền tảng, ứng dụng số

a) *Tình hình kết quả thực hiện*

- Việc rà soát các hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng thuộc phạm vi quản lý bảo đảm giải quyết dứt điểm những vấn đề tồn tại, vướng mắc để thông suốt, đáp ứng yêu cầu người dùng. Hoàn thành trong tháng …/20….

- Việc khắc phục hạ tầng còn manh mún, thiếu chuẩn hóa. Nêu rõ kết quả khắc phục, so sánh với năm 20….

- Việc chỉnh lý, số hóa tài liệu lưu trữ của các địa phương, sở, ban, ngành trước và sau sáp nhập.

b) *Nhận xét, đánh giá*

- Đánh giá các nền tảng, ứng dụng số đang triển khai đã khắc phục được tình trạng thiếu thân thiện, chậm triển khai, kết nối, liên thông dữ liệu hay chưa.

- Đánh giá các nền tảng, ứng dụng số có nguy cơ lãng phí *(nếu có).*

- Đánh giá việc khắc phục nội dung về hạ tầng, nhân sự.

- Ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân, giải pháp khắc phục.

- Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế.

4. Về an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu (Công an tỉnh báo cáo)

a) *Tình hình kết quả thực hiện*

Kết quả khắc phục việc bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng ở địa phương còn yếu, nhiều hệ thống tồn tại lỗ hổng và bị tấn công mạng.

b) *Nhận xét, đánh giá*

- Ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân, giải pháp khắc phục.

- Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế.

VI. KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Tình hình, kết quả thực hiện

- Việc hoạt động của doanh nghiệp KHCN, ĐMST, CĐS.

Nêu rõ số lượng doanh nghiệp KHCN, ĐMST, CĐS/tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn; số lượng doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ICT, doanh nghiệp KHCN, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp nghiên cứu phát triển; số lượng doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận KHCN.

- Việc tích hợp, ứng dụng AI vào các lĩnh vực quản lý nhà nước.

2. Nhận xét, đánh giá

- Ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân, giải pháp khắc phục.

- Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế

VII. HỢP TÁC QUỐC TẾ

Việc hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các quốc gia phát triển, nhất là các lĩnh vực: trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, năng lượng nguyên tử…

VIII. VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG LÃNG PHÍ

a) *Tình hình kết quả thực hiện*

- Việc quán triệt nghiêm tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư về nguồn nhân lực và chống lãng phí.

- Việc kiểm soát chặt chẽ, tránh nguy cơ lãng phí nhất là lãng phí nguồn lực con người, thời gian và cơ hội.

- Việc người đứng đầu các đơn vị phải chủ động nhận diện sớm các nguy cơ và có giải pháp phòng ngừa ngay từ đầu, tuyệt đối không để xảy ra hậu quả rồi mới xử lý.

b) *Nhận xét, đánh giá*

- Ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân, giải pháp khắc phục.

- Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế.

C. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

Đánh giá trách nhiệm của cấp ủy và người đứng đầu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhất là những nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi cần tập trung chỉ đạo và bố trí nguồn lực thực hiện trong năm 2026:

- Về chủ động đề xuất nhiệm vụ của mình, không phải chờ Ban Chỉ đạo

giao nhiệm vụ.

- Về việc xác định rõ nhiệm vụ của mình để tổ chức, phân công thực hiện.

- Về kết quả thực hiện, tiến độ, rõ mục tiêu, sản phẩm, có hiệu quả.

- Về chủ động phối hợp trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ có liên quan.

D. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT *(nêu rõ nội dung kiến nghị, đề xuất đối với cơ quan có thẩm quyền giải quyết)*

(Sở, ngành báo cáo – nếu có)

I. Đối với Bộ Chính trị, Ban Bí thư

II. Đối với Quốc hội

III. Đối với Chính phủ

IV. Đối với Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương

V. Đối với ban, bộ, ngành Trung ương

Biểu mẫu số 68

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*……, ngày ... tháng ... năm 20…*

BÁO CÁO
Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC

1. Công tác chỉ đạo, điều hành và các điều kiện đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL.

1.1. Công tác xây dựng thể chế về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL.

1.2. Về tổ chức bộ máy, biên chế, kinh phí, cộng tác viên.

1.3. Công tác tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ.

2. Về công tác kiểm tra, xử lý VBQPPL

2.1 Số liệu văn bản tự kiểm tra, kiểm tra theo thẩm quyền; số văn bản phát hiện trái pháp luật, văn bản có sai sót và tình hình xử lý.

2.2 Công tác kiểm tra theo địa bàn, chuyên đề, ngành, lĩnh vực.

2.3 Đánh giá tình hình thực hiện công tác kiểm tra, xử lý văn

3. Về công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:
-

Biểu mẫu số 69

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*……, ngày ... tháng ... năm 20…*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện các chỉ tiêu được phân công chủ trì thực hiện tại Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 05/02/2026 của UBND tỉnh An Giang
Quý ….

Thực hiện Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 05/02/2026 của UBND tỉnh An Giang về việc cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Chỉ số PCI) gắn với đẩy mạnh thu hút đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026, …….. báo cáo kết quả thực hiện, như sau:

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỐ 61/KH-UBND NGÀY 05/02/2026 CỦA UBND TỈNH

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Công tác chỉ đạo

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ

Báo cáo nội dung Phụ lục kèm theo Kế hoạch số 61/KHUBND ngày 05/2/2026 của UBND tỉnh

3. Khó khăn, tồn tại

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ II/2026

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nơi nhận:

Biểu mẫu số 70

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*……., ngày ... tháng ... năm 20…*

BÁO CÁO

Kết quả triển khai chuyển đổi số …

Thực hiện Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026; Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 03/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về nâng cao Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số (DTI) tỉnh An Giang năm 2026, ……báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI VÀ NÊU RÕ NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI

IV. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐỂ THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI CƠ QUAN QUÝ II/2026

- Nơi nhận:

Phụ lục I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM ……

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2026	Đơn vị trụ trì	*Kết quả thực hiện đến tháng Quý …/20…*	Ghi chú
01	Dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến toàn trình	100%			
02	Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	60%			
03	Chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (LRIS);đồng thời được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	90%			
04	Văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử và giữa cơ quan nhà nước và cơ quan đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội hoàn toàn qua môi trường mạng	100%			
05	Lãnh đạo, công chức được bồi dưỡng tập huấn kỹ năng số để sử	100%			

	dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng báo cáo công việc				
06	Cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số	100%			
07	Người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số của Chính quyền số tỉnh An Giang cung cấp; Nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp góp phần tạo sự đồng thuận cao nhất trong nhân dân	90%			
08	Hồ sơ thủ tục hành chính là hồ sơ trực tuyến toàn trình, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần	80%			
09	Hồ sơ công việc tại cơ quan được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	100%			
10	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	100%			
11	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	100%			
12	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	80%			
13	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	80%			

14	Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	100%			
15	Thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch	100%			

Phụ lục II
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHUYỂN ĐỔI SỐ

STT	Mục tiêu	Giải pháp thực hiện	Thời gian hoàn thành	Đơn vị trụ trì	Kết quả thực hiện
01	Xây dựng các văn bản, kế hoạch thực thi triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số. Khuyến khích, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, doanh nghiệp				
02	Tăng cường việc triển khai chuyển đổi số của cơ quan	Triển khai Quyết định số 970/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan			
03	Thường xuyên theo dõi, chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện tiến độ kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, "điểm ngẽn" trong quá trình triển khai thực hiện và có sơ kết, tổng kết,	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện tiến độ các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi			

	đánh giá kết quả để tiếp tục đề ra phương hướng, giải phát triển khai hiệu quả, thực chất.	số			
04	Đẩy mạnh công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên cơ sở dữ liệu thời gian thực hiện, nhất là Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên môi trường điện tử theo Quyết định 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; các hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số.	Công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên cơ sở dữ liệu thời gian thực, nhất là Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên môi trường điện tử theo Quyết định 766/QĐTTg của Thủ tướng Chính phủ			
		Các hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số			
05	Thực hiện truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chính phủ số, Chính quyền số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI, chuyển đổi số đến người dân, doanh nghiệp				
06	Triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu bảo đảm đồng bộ, hiệu quả				
07	Xây dựng, trình thẩm định phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đã được phê duyệt cho 100% hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý				
08	80% trở lên hồ sơ thủ tục hành chính là hồ sơ trực tuyến toàn trình, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một				

	lần				
09	100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch				
11	Ứng dụng các hình thức đa dạng để tuyên truyền các chủ trương, định hướng chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh; vai trò, lợi ích của chuyển đổi số đối với người dân, doanh nghiệp; sử dụng dịch vụ công trực tuyến; các mô hình, cách làm hay, sáng kiến điển hình để phổ biến, nhân rộng; các hoạt động khuyến khích, thúc đẩy thi đua chuyển đổi số				

Biểu mẫu số 71

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*……., ngày ... tháng ... năm 20…*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác Dân vận chính quyền

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Tình hình cán bộ, công chức

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai

3. Kết quả thực hiện công tác dân vận khéo

a) Về kết quả tiếp nhận và giải quyết TTHC theo cơ chế Một cửa trong năm 2025:

b) Về kết quả thực hiện cải cách hành chính

4. Công tác phối hợp, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội và góp ý xây dựng chính quyền vững mạnh

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2026

Biểu mẫu số 72

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*……., ngày ... tháng ... năm 20…*

BÁO CÁO

Tình hình triển khai thực hiện việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện văn hóa công vụ năm …..

Thực hiện Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ, …….báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Việc tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, công chức thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 5/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

a) Công tác tuyên truyền chính sách pháp luật

b) Việc xây dựng triển khai Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án văn hóa công vụ

2. Việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, người lao động:

3. Việc bổ sung hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, bộ thủ tục hành chính, quy trình, quy chế làm việc của các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Việc thực hiện các quy định về tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính, dịch vụ công đối với cá nhân và tổ chức, tập trung kiểm tra việc giải quyết hồ sơ hành chính của cá nhân, tổ chức theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông ; việc thực hiện các quy định liên quan đến công tác tiếp dân của các cơ quan đơn vị.

II. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét

2. Hạn chế

3. Kiến nghị

III. MỘT SỐ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ ĐỂ NÂNG CAO VĂN HÓA CÔNG SỞ THỜI GIAN TỚI

Biểu mẫu số 73

Tên cơ quan cấp trên	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Tên cơ quan báo cáo	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*……, ngày ... tháng ... năm 20…*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ

Thực hiện Công văn số 2167/UBND-NC ngày 15/11/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ, ……. báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ …..như sau:

I. VỀ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC), CẮT GIẢM QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

II. VỀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI TTHC PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

III. VỀ HIỆN ĐẠI HÓA PHƯƠNG THỨC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

IV. THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHÁC

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Biểu mẫu số 74

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*……., ngày ... tháng ... năm 20…*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

2. Hạn chế, yếu kém

V. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN TỐT QCDC CƠ SỞ TẠI CƠ QUAN NĂM 2026

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Biểu mẫu số 75

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*……., ngày ... tháng ... năm 20…*

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện Quy tắc ứng xử

1. **Công tác phổ biến, quán triệt thực hiện**
2. **Ý thức chấp hành của công chức, nhân viên cơ quan**
3. **Công tác giám sát, kiểm tra việc thực hiện**
4. **Đánh giá thực trạng các quy định và hạn chế, bất cập trong thực hiện Quy tắc**

Nơi nhận

Biểu mẫu số 76

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*……., ngày ... tháng ... năm 20…*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác Nội vụ định kỳ hằng tuần
(Từ ngày ……. đến ngày ……)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Theo đề nghị của Văn phòng Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh An Giang tại Công văn số 5678/VPUBND-TH ngày 24/10/2024 về việc chuẩn bị nội dung họp giao ban tuần của Lãnh đạo UBND tỉnh với Lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh, Sở Nội vụ báo cáo kết quả thực hiện công tác Nội vụ trong tuần qua và phương hướng, nhiệm vụ tuần tiếp theo, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRONG TUẦN

1. Công tác Quản lý và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

2. Công tác Tổ chức bộ máy, biên chế và tổ chức phi chính phủ

3. Công tác Xây dựng chính quyền, Thanh niên và Bình đẳng giới

4. Công tác Cải cách hành chính

5. Công tác Lao động - Việc làm

6. Công tác Chính sách người có công

7. Công tác Thi đua - Khen thưởng

8. Công tác Văn thư - Lưu trữ

9. Công tác Kế hoạch - Tài chính

10. Công tác Hành chính - Tổng hợp

II. NHIỆM VỤ TUẦN TIẾP THEO

1. Công tác Quản lý và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

2. Công tác Tổ chức bộ máy, biên chế và tổ chức phi chính phủ

3. Công tác Xây dựng chính quyền, Thanh niên và Bình đẳng giới

4. Công tác Cải cách hành chính

5. Công tác Lao động - Việc làm

6. Công tác Chính sách người có công

7. Công tác Thi đua - Khen thưởng

8. Công tác Văn thư - Lưu trữ

9. Công tác Kế hoạch - Tài chính

10. Công tác Hành chính - Tổng hợp

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác Nội vụ trong tuần qua và phương hướng, nhiệm vụ tuần tiếp theo, Sở Nội vụ kính gửi UBND tỉnh./.

Biểu mẫu số 77

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*……., ngày ... tháng ... năm 20…*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác Nội vụ tháng …. năm 2026 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm tháng …. năm 2026

Thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh An Giang, Chương trình công tác ngành Nội vụ tỉnh An Giang năm 2026, Sở Nội vụ báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác Nội vụ tháng …. năm 2026 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm tháng …. năm 2026, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MẶT CÔNG TÁC

1. Công tác Tổ chức bộ máy, biên chế và tổ chức phi chính phủ

2. Công tác Quản lý và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

3. Công tác Xây dựng chính quyền, Thanh niên và Bình đẳng giới

4. Công tác Cải cách hành chính

5. Công tác Lao động - Việc làm

6. Công tác Chính sách người có công

7. Công tác Thi đua - Khen thưởng

8. Công tác Văn thư - Lưu trữ

9. Công tác khác

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 4 NĂM 2026

1. Công tác Tổ chức bộ máy, biên chế và tổ chức phi chính phủ

2. Công tác Quản lý và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

3. Công tác Xây dựng chính quyền, Thanh niên và Bình đẳng giới

4. Công tác Cải cách hành chính

5. Công tác Lao động - Việc làm

6. Công tác Chính sách người có công

7. Công tác Thi đua - Khen thưởng

8. Công tác Văn thư - Lưu trữ

9. Công tác khác

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác Nội vụ tháng … năm 2026 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm tháng ….. năm 2026 của Sở Nội vụ./.

Biểu mẫu số 78

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*……., ngày ... tháng ... năm 20…*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác Nội vụ quý … và phương hướng, nhiệm vụ quý … năm 2026

Thực hiện Quyết định số 2491/QĐ-SNV ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Sở Nội vụ về việc ban hành Chương trình công tác năm 2026, Sở Nội vụ báo cáo kết quả thực hiện công tác Nội vụ quý … và phương hướng, nhiệm vụ quý … năm 2026, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TRÊN CÁC LĨNH VỰC

1. Công tác Tổ chức bộ máy, biên chế và quản lý hội, quỹ

2. Công tác quản lý và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

3. Về Xây dựng chính quyền, địa giới hành chính, công tác thanh niên và bình đẳng giới

4. Công tác Cải cách hành chính

5. Công tác Lao động - Việc làm

6. Công tác Người có công

7. Công tác Thi đua - Khen thưởng

8. Công tác Văn thư - Lưu trữ

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ II NĂM 2026

1. Công tác Tổ chức bộ máy, biên chế và quản lý hội, quỹ

2. Công tác quản lý và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

3. Về xây dựng chính quyền, địa giới hành chính, công tác thanh niên và bình đẳng giới

4. Công tác Cải cách hành chính

5. Công tác Lao động - Việc làm

6. Công tác Người có công

7. Công tác Thi đua - Khen thưởng

8. Công tác Văn thư – Lưu trữ

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác Nội vụ quý … và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm quý … năm 2026 của Sở Nội vụ./.

Biểu mẫu số 79

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*……., ngày … tháng … năm 20…*

BÁO CÁO
Kết quả công tác Nội vụ năm ….. và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm ….

Phần I
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM .....

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TRÊN CÁC LĨNH VỰC

1. Công tác Tổ chức bộ máy, biên chế và quản lý hội, quỹ

2. Công tác quản lý và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

3. Về Xây dựng chính quyền, địa giới hành chính, công tác thanh niên và bình đẳng giới

4. Công tác Cải cách hành chính

5. Công tác Lao động - Việc làm

6. Công tác Người có công

7. Công tác Thi đua - Khen thưởng

8. Công tác Văn thư - Lưu trữ

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân

Phần II
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM .....

I. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Trên đây là Báo cáo tổng kết công tác năm ..... và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm ..... của Sở Nội vụ./.

Biểu mẫu số 80

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ VÌ SỰ TIẾN BỘ CỦA PHỤ NỮ
(6 tháng, năm …)

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

2. Công tác tham mưu xây dựng, tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chính sách về bình đẳng giới, các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới.

3. Việc thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cà trong xây dựng chính sách, chương trình, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

4. Công tác phối hợp liên ngành trong triển khai các hoạt động bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

5. Công tác nâng cao năng lực về bình đẳng giới

- Công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về bình đẳng giới.

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hoạt động về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

(Số lượng các lớp tập huấn, truyền thông, hội thảo, hội nghị,… được tổ chức, nội dung tổ chức).

6. Tình hình triển khai công tác cán bộ nữ.

7. Việc triển khai các chương trình, đề án nhằm thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới.

8. Công tác phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

9. Tổ chức bộ máy làm công tác bình đẳng giới, Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ

- Số lượng cán bộ chuyên trách/kiêm nhiệm làm công tác bình đẳng giới tại cấp tỉnh/tổng số; Số lượng cán bộ chuyên trách/kiêm nhiệm làm công tác bình đẳng giới tại cấp xã/tổng số.

- Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ (quyết định thành lập, số lượng nữ/tổng số

thành viên).

10. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

11. Bố trí kinh phí cho hoạt động bình đẳng giới.

12. Hợp tác quốc tế về bình đẳng giới.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI NĂM …

1. Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

- Việc tổ chức triển khai các giải pháp thực hiện.

- Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu năm …

2. Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động

- Việc tổ chức triển khai các giải pháp thực hiện.

- Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu năm …

3. Bình đẳng giới trong đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

- Việc tổ chức triển khai các giải pháp thực hiện.

- Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu năm …

4. Bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế

- Việc tổ chức triển khai các giải pháp thực hiện.

- Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu năm …

5. Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục đào tạo

- Việc tổ chức triển khai các giải pháp thực hiện.

- Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu năm …

6. Bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa, thông tin

- Việc tổ chức triển khai các giải pháp thực hiện.

- Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu năm …

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 06 THÁNG CUỐI NĂM/NĂM …

Nơi nhận:
- ...;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 01
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI NĂM …

TT	Mục tiêu	Chỉ tiêu đề ra	Kết quả đạt được năm …	Ghi chú
1	**Mục tiêu 1: Trong lĩnh vực chính trị**	Tỷ lệ chính quyền cơ quan, đơn vị, địa phương có lãnh đạo chủ chốt là nữ		Lãnh đạo chủ chốt cơ quan, đơn vị là lãnh đạo thuộc một trong các chức danh: Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương; Trưởng Phòng, Phó Trưởng Phòng cấp sở và tương đương. Lãnh đạo chủ chốt cấp xã là lãnh đạo thuộc một trong các chức danh: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.
2	**Mục tiêu 2: Trong lĩnh vực kinh tế, lao động**	2.1. Tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương		
		2.2. Tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản		
		2.3. Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã		

3	**Mục tiêu 3: Trong đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới**	3.1. Số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ		
		3.2. Tỷ lệ người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản trong năm; Tỷ lệ người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn		
		3.3. Tỷ lệ nạn nhân bị mua bán trở về được phát hiện có nhu cầu hỗ trợ được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng		
		3.4. Tỷ lệ cơ sở trợ giúp xã hội công lập triển khai các hoạt động trợ giúp, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới		
4	**Mục tiêu 4: Trong lĩnh vực y tế**	4.1. Tỷ số giới tính khi sinh		
		4.2. Tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản		
		4.3. Tỷ suất sinh ở vị thành niên		
		4.4. Số cơ sở y tế cung cấp thí điểm dịch vụ chăm sóc sức khỏe dành cho người đồng tính, song tính và chuyển giới		

5	**Mục tiêu 5: Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo**	5.1. Nội dung về giới, bình đẳng giới được đưa vào chương trình giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân và được giảng dạy chính thức ở các trường sư phạm từ năm 2025 trở đi		
		5.2. Tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục tiểu học; hoàn thành cấp trung học cơ sở		
		5.3. Tỷ lệ nữ học viên, học sinh, sinh viên được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp		
		5.4. Tỷ lệ nữ thạc sĩ trong tổng số người có trình độ thạc sĩ; Tỷ lệ nữ tiến sĩ trong tổng số người có trình độ tiến sĩ		
6	**Mục tiêu 6: Trong lĩnh vực thông tin, truyền thông**	6.1. Tỷ lệ dân số được tiếp cận kiến thức cơ bản về bình đẳng giới		
		6.2. Tỷ lệ tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan hành chính, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về bình đẳng giới và cam kết thực hiện bình đẳng giới		
		6.3. Tỷ lệ xã, phường, đặc khu mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở		
		6.4. Đài phát thanh và đài truyền hình ở địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới hàng tháng		

Phụ lục 02
THỐNG KÊ NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ VÌ SỰ TIẾN BỘ CỦA PHỤ NỮ

TT	Năm	Tổng số	Số người làm công tác bình đẳng giới			Ghi chú
			Nữ	Nam	Số người được tập huấn trong năm	
		1 = (2+3)	*2*	*3*	*4*	*5*

Ghi chú:

- Người làm công tác bình đẳng giới là những người được phân công làm các công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, bao gồm đội ngũ chuyên trách về bình đẳng giới từ cấp tỉnh; đội ngũ cộng tác viên về bình đẳng giới và tiến bộ của phụ nữ ở cấp xã và thôn, bản, cụm dân cư; cả chuyên trách và kiêm nhiệm.
- Người được tập huấn nghiệp vụ là những người đã tham dự các khóa đào tạo dành riêng cho những người làm công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ, bao gồm cả kiến thức về giới và kỹ năng hoạt động về bình đẳng giới.

Phụ lục 03
THỐNG KÊ KINH PHÍ THỰC HIỆN CÔNG TÁC BÌNH ĐẲNG GIỚI

Năm	Kinh phí từ các chương trình mục tiêu quốc gia	Chi thường xuyên	Huy động	Tổng cộng

Phụ lục 04
THỐNG KÊ THANH TRA, KIỂM TRA, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TRONG CÔNG TÁC BÌNH ĐẲNG GIỚI

Năm	Thanh tra, kiểm tra				Khiếu nại, tố cáo	Giải quyết khiếu nại, tố cáo
	Số cuộc thực hiện	Số vụ vi phạm	Số vụ vi phạm bị xử lý	Số người vi phạm bị xử lý	Số vụ khiếu nại, tố cáo	Số vụ khiếu nại, tố cáo được xử lý

Biểu mẫu số 81

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
QUÝ…./6 THÁNG/NĂM

Thực hiện Công văn số …./UBND-TH ngày … tháng … năm … của Chủ tịch UBND tỉnh về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ công tác CCHC. *(Tên đơn vị báo cáo)* báo cáo kết kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý…./6 tháng/năm như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, quán triệt thực hiện CCHC

- Đánh giá các điểm nổi bật về các hoạt động chỉ đạo, điều hành: Đã ban hành …. văn bản chỉ đạo điều hành[9] cải cách hành chính. Kết quả triển khai, quán triệt thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính như: chủ trì các hội nghị, cuộc họp giao ban, chuyên đề.

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch đề ra (của đơn vị báo cáo).

2. Công tác kiểm tra CCHC

- Tỷ lệ phòng ban chuyên môn thuộc các sở, ban, ngành tỉnh; cơ quan chuyên môn cấp xã được kiểm tra trong năm.

- Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra.

3. Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC

Nội dung, hình thức và kết quả thực hiện; nêu rõ số lượng các tin, bài viết, phóng sự chuyên đề về CCHC đã thực hiện.

4. Triển khai xác định Chỉ số CCHC và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm….

……

5. Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC

……

6. Đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp

……

[9] Ghi rõ tên loại văn bản….

7. Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại cơ quan, đơn vị, địa phương *(Tổng hợp từng nội dung, nêu rõ tính mới, tính sáng tạo và tính hiệu quả trong triển khai).*

…….

8. Thực hiện nhiệm vụ được Uỷ ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh hoặc Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

……..

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Cải cách thể chế

- Về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật: ……

- Công tác tổ chức theo dõi thi hành pháp luật:

+ Kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật: ……..

+ Xử lý kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật: …….

- Công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực định kỳ hàng năm: ……

- Về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật:

+ Thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền: …….

+ Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị: …….

- Cập nhật văn bản thuộc trách nhiệm của tỉnh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật: ……

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Nghị quyết 66/NQ-CP ngày 26/3/2025: …….

- Kết quả phân cấp, phân quyền giải quyết TTHC: ……..

- Về thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp theo Quyết định số 498/QĐ-TTg: ……..

- Kết quả thực hiện Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu: ……

- Kết quả thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông: ……..

- Kết quả triển khai kiến trúc hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp Bộ, cấp tỉnh (theo Nghị quyết số 268/NQ-CP ngày 31/08/2025 của Chính phủ): …….

- Về công bố, công khai TTHC: …….

- Về kiểm soát quy định TTHC: ……

- Về công bố, công khai TTHC:

+ Công bố TTHC, danh mục TTHC theo quy định: ……

+ Công khai TTHC và các quy định có liên quan: ……..

+ Tỷ lệ hồ sơ TTHC được đồng bộ, công khai trên Cổng DVC quốc gia: …

+ Công bố TTHC nội bộ cấp tỉnh: ……

- Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông:

+ Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp: ……

+ Tỷ lệ thực hiện TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh: …….

- Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC:

+ Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ban, ngành tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn: ……..

+ Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn: ……

+ Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC: …….

- Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương: ……..

- Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết (của cơ quan, đơn vị, địa phương), của tỉnh: ……

+ Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết (của cơ quan, đơn vị, địa phương), của tỉnh: ……

+ Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền (của cơ quan, đơn vị, địa phương), của tỉnh: ……

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị:

+ Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các CQCM cấp tỉnh và phòng chuyên môn cấp xã: ……..

+ Thực hiện cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính theo các tiêu chí: …….

+ Thực hiện sắp xếp, kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định:

- Về thực hiện các quy định về quản lý biên chế:

+ Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính: ……

+ Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh: ……..

- Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước:

+ Thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước do Chính phủ và các Thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành: ……

+ Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, phân quyền cho cấp xã:…….

+ Xử lý các vấn đề về phân cấp, phân quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra: ……

4. Cải cách chế độ công vụ

- Về thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm:

+ Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý: ……

+ Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt: ……..

+ Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt: …….

- Tuyển dụng công chức, viên chức:

+ Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, cấp xã: …….

+ Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh: ……

- Về bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý:

Thực hiện quy định về bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý: ……..

- Về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức: ……...

- Về công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức:

Mức độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: ……..

- Về xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về cán bộ, công chức, viên chức: ……..……

5. Cải cách tài chính công

- Về tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách:

+ Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước: …….

+ Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ ngân sách nhà nước: ……..

+ Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: …….

- Về công tác quản lý, sử dụng tài sản công:

+ Về ban hành các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý: …….

+ Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: …….

+ Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý: ……

- Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL):

+ Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên: ……

+ Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: ……..

+ Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL: ……

+ Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp công lập: ……..

- Về tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội

+ Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh: …….

+ Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh: …….

+ Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường: ……

+ Số vốn đăng ký của doanh nghiệp: ……

+ Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp: ……..

+ Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo: ……..

+ Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh: …….

+ Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao: …..

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Về hoàn thiện khung pháp lý, tạo điều kiện triển khai các nhiệm vụ về xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: …….

- Về xây dựng các hệ thống thông tin đổi mới lề lối, phương thức làm việc của cơ quan nhà nước:

+ Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của UBND tỉnh: …….

+ Trục liên thông văn bản quốc gia:……..

- Về xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

+ Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến: ……

+ Về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC: ……

- Tỷ lệ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số: ……

- Về phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu:

+ Triển khai, cập nhật Khung Kiến trúc số của tỉnh: ……

+ Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây: ……..

+ Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI): ……..

+ Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức: …….

- Về phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước:

+ Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước: ……..

+ Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử: …….

+ Thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử: ….

+ Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh: ……

- Về phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức:

+ Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định: ……

+ Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC: …….

+ Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC: ……

+ Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình: …….

+ Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình: …….

+ Thực hiện thanh toán trực tuyến: …….

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

……..

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế:

……..

b) Nguyên nhân

……..

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM QUÝ…./6 THÁNG/NĂM

Nêu khái quát những phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong công tác cải cách hành chính mà cơ quan, địa phương sẽ triển khai, thực hiện trong thời gian tới.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nêu những kiến nghị, đề xuất cụ thể, rõ ràng đối với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các bộ ngành trung và Chính phủ, Thủ tướng chính phủ để công tác CCHC trong giai đoạn tới đạt kết quả, hiệu quả cao hơn./.

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
———

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân công
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.	**Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành** *(Kết luận, chỉ thị, Công văn chỉ đạo, quán triệt)*	Văn bản			
2.	**Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm** (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	**=b/a*100**		
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	a		
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	b		
3.	**Kiểm tra CCHC**				Sở Nội vụ báo cáo
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị			
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị			
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	**=b/a*100**		
3.3.1.	*Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra*	Vấn đề	a		
3.3.2.	*Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong*	Vấn đề	b		
4.	**Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao**				Văn phòng UBND tỉnh báo cáo
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ			

4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ			
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ			
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ			
5.	**Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức**	Có = 1; Không = 0			Sở Nội vụ báo cáo
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng			
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2			
6.	**Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp**	Không = 0 Có = 1		Số lần tổ chức đối thoại là …	Văn phòng UBND tỉnh báo cáo

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
_____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
3.	**Tổng số VBQPPL[10] do địa phương ban hành**	Văn bản	**=a+b**	
3.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	a	
3.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	b	
2.	**Kiểm tra, xử lý VBQPPL**			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	**= b/a*100**	
2.2.1.	*Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra*	Văn bản	a	
2.2.2.	*Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã xử lý xong*	Văn bản	b	
3.	**Rà soát VBQPPL**			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	**= b/a*100**	
3.2.1.	*Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát*	Văn bản	a	
3.2.2.	*Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã xử lý xong*	Văn bản	b	

[10] Văn bản quy phạm pháp luật.

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân công
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.	**Thống kê TTHC**				
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục			
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục			
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục			
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	=a+b		
1.4.1.	*Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	Thủ tục	a		
1.4.2.	*Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	Thủ tục	b		
2.	**Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**				
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%			
2.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phục thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục			
3.	**Kết quả giải quyết TTHC**				
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	**=b/a*100**		
3.1.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	Hồ sơ	a		
3.1.2.	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	Hồ sơ	b		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	**=b/a*100**		

3.2.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	Hồ sơ	a		
3.2.2.	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	Hồ sơ	b		
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	**=b/a*100**		
3.3.1.	*Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)*	PAKN	a		
3.3.2.	*Số PAKN đã giải quyết xong*	PAKN	b		

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân công
		Đơn vị tính	Số lượng		
1.	**Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy**				
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%			
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%			
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban			
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức			
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	=a+b+c		
1.5.1.	*Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh*	Cơ quan, đơn vị	*a*		
1.5.2.	*Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương*	Cơ quan, đơn vị	*b*		
1.5.3.	*Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã*	Cơ quan, đơn vị	*c*		
2.	**Số liệu về biên chế công chức**				
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người			
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người			
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người			
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người			

3.	**Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập**				
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người			
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người			
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người			
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%			

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển *(Lũy kế từ đầu năm)*	Người		
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật *(cả về Đảng và chính quyền).*		=a+b+c+d	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	a	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	b	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	c	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	d	

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	=b/a*100	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	a	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	b	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên*	Đơn vị		
2.4.2.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên*	Đơn vị		
2.4.3.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên*	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Đơn vị		

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%		
3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
3.1.1.	*Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh*	*%*		
3.1.2.	*Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh*	*%*		
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương *(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).*	%		
3.2.1.	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh*	*%*		
3.2.2.	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã*	*%*		
4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
4.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	=b/a*100	
4.1.1.	*Tổng số* DVCTT *đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình*	Thủ tục	*a*	
4.1.2.	*Số lượng* DVCTT toàn trình	Thủ tục	*b*	
4.2	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	=b/a*100	
4.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ	Thủ tục	*a*	

	sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)			
4.2.2.	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	*b*	
4.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	=b/a*100	
4.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Thủ tục	*a*	
4.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Thủ tục	*b*	
4.4	*Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương*	%	=b/a*100	
4.4.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	*a*	
4.4.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	*b*	
4.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	=b/a*100	
4.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,…)	Thủ tục	*a*	
4.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	*b*	

Biểu mẫu số 82

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO TỔNG KẾT CÔNG TÁC VĂN THƯ, LƯU TRỮ NĂM …..

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về văn thư, lưu trữ.

2. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn nghiệp vụ về công tác văn thư

3. Nhân sự, bồi dưỡng công chức, viên chức làm công tác văn thư, lưu trữ tại các cơ quan, tổ chức.

a) Nhân sự

- Số lượng, trình độ công chức, viên chức làm công tác văn thư, lưu trữ (chuyên trách, kiêm nhiệm).

- Nêu những hạn chế khi thực hiện các quy định của Nhà nước về tổ chức nhân sự làm văn thư, lưu trữ tại các cơ quan, tổ chức. Nguyên nhân của những hạn chế.

b) Bồi dưỡng nghiệp vụ

- Các hình thức tổ chức bồi dưỡng trong thời gian qua.

- Kết quả đạt được.

4. Kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện các quy định về công tác văn thư, lưu trữ

a) Tình hình thực hiện kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện các quy định về công tác văn thư, lưu trữ đối với các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng quản lý: số lượng cơ quan được kiểm tra hàng năm, nội dung kiểm tra (nếu có).

b) Nhận xét, đánh giá về công tác kiểm tra.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn thư, lưu trữ

a) Công tác triển khai và hiệu quả đạt được.

b) Tồn tại, hạn chế trong ứng dụng công nghệ thông tin.

6. Nghiệp vụ về công tác văn thư, lưu trữ

a) Soạn thảo và ban hành văn bản

- Thực hiện soạn thảo, ban hành văn bản theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư (chất lượng nội dung văn bản; thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản;…).

- Văn bản chuyên ngành, chuyên môn đặc thù.

- Nhận xét, đánh giá về soạn thảo và ban hành văn bản.

b) Quản lý văn bản

- Quản lý văn bản đến; Quy trình xử lý văn bản đến trên phần mềm iOffice.

- Quản lý văn bản đi; Quy trình xử lý văn bản đi trên phần mềm iOffice.

- Quản lý văn bản mật.

c) Lập hồ sơ và giao nộp hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan

- Công tác xây dựng, ban hành Danh mục hồ sơ cơ quan và lập hồ sơ công việc (hồ sơ giấy, hồ sơ điện tử): Có hoặc chưa, chất lượng, số lượng hồ sơ,….

- Công tác nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan: Nhận xét kết quả lập hồ sơ và giao nộp hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan.

d) Quản lý, sử dụng con dấu và thiết bị lưu khóa bí mật

- Quy định của ngành, cơ quan, đơn vị về quản lý, sử dụng con dấu và thiết bị lưu khóa bí mật;

- Nhận xét, đánh giá về quản lý, sử dụng con dấu và thiết bị lưu khóa bí mật.

đ) Công tác thu thập tài liệu vào lưu trữ cơ quan; giao nộp hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ lịch sử

- Số lượng, chất lượng hồ sơ.

- Tồn tại, hạn chế.

e) Công tác chỉnh lý, số hóa tài liệu lưu trữ

g) Công tác bố trí kho lưu trữ và bảo quản hồ sơ, tài liệu tại cơ quan, tổ chức

- Tình hình bố trí kho lưu trữ:

+ Diện tích kho

+ Loại hình kho (Kho tạm, kho không chuyên dụng, kho chuyên dụng, khác,….)

+ Trang bị các trang thiết bị để bảo quản hồ sơ, tài liệu trong kho

+ Công tác phòng trừ mối mọt, vệ sinh kho

- Tồn tại, hạn chế.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

2. Hạn chế

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Các đề xuất, kiến nghị cần tập trung vào giải quyết các khó khăn, hạn chế của đơn vị.

Biểu mẫu số 83

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển ngành công thương và Kế hoạch phát triển ngành công thương trong thời gian tới

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG THƯƠNG *(THÁNG/QUÝ/06 THÁNG/09 THÁNG/NĂM…)*

1. Đánh giá kết quả thực hiện

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ ngành công thương *(tháng/quý/06 tháng/09 tháng/năm…)*

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

- Chỉ số sản xuất công nghiệp.
- Sản phẩm công nghiệp chủ yếu.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ.
- Kim ngạch xuất khẩu.
- Kim ngạch nhập khẩu.

2.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp phát triển ngành *(tháng/quý/06 tháng/09 tháng/năm …)*

2.2.1. Lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

- Công tác phát triển công nghiệp, đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp.
- Hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ.
- Công tác khuyến công.
- Công tác quản lý năng lượng:

+ Công tác phát triển nguồn điện và lưới điện đáp ứng nhu cầu năng lượng cho quá trình công nghiệp hóa và phát triển kinh tế - xã hội.

+ Các hoạt động liên quan khác.

- Công tác kỹ thuật an toàn môi trường, vật liệu nổ công nghiệp,…
- Các hoạt động liên quan khác.

2.2.2. Lĩnh vực thương mại:

- Công tác đầu tư phát triển hạ tầng thương mại

- Hoạt động thương mại nội địa.

- Hoạt động xuất khẩu và phát triển thương mại biên giới.

- Hội nhập kinh tế quốc tế.

- Hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Các hoạt động liên quan khác.

2.2.3. Công tác pháp chế, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

2.2.4. Công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước.

2.2.5. Công tác bảo vệ môi trường, phòng chống rủi ro thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu ngành công thương (06 tháng/năm)

2.2.6. Các hoạt động liên quan khác.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG THƯƠNG *(THÁNG/QUÝ/06 THÁNG/NĂM…TIẾP THEO)*

1. Thuận lợi (cơ hội) và khó khăn (thách thức) ***(Năm tiếp theo)***

2. Mục tiêu và chỉ tiêu phát triển ***(Năm tiếp theo)***

2.1. Mục tiêu phát triển: ***(Năm tiếp theo)***

- Lĩnh vực Công nghiệp – TTCN.

- Lĩnh vực Thương mại.

- Khác.

2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu: ***(Năm tiếp theo)***

- Chỉ số sản xuất công nghiệp.

- Sản phẩm công nghiệp.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ.

- Kim ngạch xuất khẩu.

- Kim ngạch nhập khẩu.

3. Định hướng, giải pháp phát triển ngành ***(tháng/quý/06 tháng/năm…tiếp theo)***

3.1. Lĩnh vực Công nghiệp – TTCN:

- Phát triển công nghiệp - TTCN.

- Công tác Quản lý năng lượng.

- Công tác kỹ thuật an toàn môi trường, vật liệu nổ công nghiệp,…

- Công tác khuyến công.

3.2. Lĩnh vực Thương mại.

3.4. Công tác cải cách hành chính; pháp chế, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng.

3.5. Công tác bảo vệ môi trường, phòng chống rủi ro thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu lĩnh vực ngành Công Thương.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (nếu có)

***Ghi chú**: Nội dung và các đề mục của đề cương có thể thay đổi tùy phù hợp theo tình hình thực tế mỗi kỳ báo cáo.*

**** Biểu mẫu kèm theo:***

- Biểu số 01: Báo cáo chỉ số sản xuất công nghiệp
- Biểu số 02: Báo cáo một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu
- Biểu số 03: Báo cáo kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu
- Biểu số 04: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ./.

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
.....
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Biểu mẫu số 84

Tên cơ quan cấp trên	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Tên cơ quan báo cáo	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Tình hình thực hiện nhiệm vụ xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tuần …
(Từ ngày/tháng/năm – ngày/tháng/năm)

I. Hoạt động tuần qua:

1. Xúc tiến đầu tư
2. Xúc tiến thương mại
3. Xúc tiến du lịch
4. Tuyên truyền, quảng bá và hỗ trợ doanh nghiệp
5. Công tác Văn phòng

II. Kế hoạch hoạt động tuần tới

1. Xúc tiến đầu tư
2. Xúc tiến thương mại
3. Xúc tiến du lịch
4. Tuyên truyền, quảng bá và hỗ trợ doanh nghiệp
5. Công tác Văn phòng

Biểu mẫu số 85

Tên cơ quan cấp trên	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Tên cơ quan báo cáo	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày … tháng … năm 20 …*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI, ĐẦU TƯ VÀ DU LỊCH THÁNG…NĂM… VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG…NĂM…

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH VIỆC TRIỂN KHAI CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA TRUNG ƯƠNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026

2. Về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới

3. Về thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới

4. Về thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân

5. Về thực hiện Kế hoạch số 302/KH-TTXTĐTTMDL ngày 24/02/2026 triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2025 – 2030; Quyết định số 38/QĐ-TTXTĐTTMDL ngày 30/01/2026 ban hành chương trình công tác xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch năm 2026.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÁNG… NĂM ….

1. Xúc tiến Đầu tư

2. Xúc tiến Thương mại

3. Xúc tiến Du lịch

4. Thông tin và Hỗ trợ doanh nghiệp

5. Công tác Văn phòng

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đạt được
2. Khó khăn, hạn chế

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THÁNG...NĂM...

1. Xúc tiến Đầu tư
2. Xúc tiến Thương mại
3. Xúc tiến Du lịch
4. Thông tin và Hỗ trợ doanh nghiệp
5. Công tác Văn phòng

Biểu mẫu số 86

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày … tháng … năm 20 …*

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUÝ…/6 THÁNG/9 THÁNG/NĂM …VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ…./ 6 THÁNG/9 THÁNG/NĂM…

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH VIỆC TRIỂN KHAI CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA TRUNG ƯƠNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026

2. Về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới

3. Về thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới

4. Về thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân

5. Về thực hiện Kế hoạch số 302/KH-TTXTĐTTMDL ngày 24/02/2026 triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2025 – 2030; Quyết định số 38/QĐ-TTXTĐTTMDL ngày 30/01/2026 ban hành chương trình công tác xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch năm 2026.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUÝ…/6 THÁNG/ 9 THÁNG/NĂM …..

1. Xúc tiến Đầu tư

2. Xúc tiến Thương mại

3. Xúc tiến Du lịch

4. Thông tin và Hỗ trợ doanh nghiệp

5. Công tác Văn phòng

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đạt được
2. Khó khăn, hạn chế

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ…./6 THÁNG/3 THÁNG/NĂM….

1. Xúc tiến Đầu tư

2. Xúc tiến Thương mại

3. Xúc tiến Du lịch

4. Thông tin và Hỗ trợ doanh nghiệp

5. Công tác Văn phòng

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (Nếu có)

Biểu mẫu số 87

Tên cơ quan cấp trên
Tên cơ quan báo cáo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-…..

……, ngày tháng năm 20….

BÁO CÁO TUẦN
Tình hình thực hiện nhiệm vụ ngành nông nghiệp và môi trường
(Tuần ……, ngày …….tháng ….. năm 20…..)

A. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN LĨNH VỰC NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

1. Về sản xuất nông, lâm, thủy sản

1.1. Trồng trọt

- Cây lúa:

- Vụ Đông Xuân/Hè Thu/Thu Đông/Vụ Mùa: Diện tích xuống giống/ thu hoạch trong tuần, lũy kế diện tích xuống giống/ thu hoạch đến kỳ báo cáo, ước năng suất bình quân thu hoạch, đạt % so kế hoạch/ so diện tích xuống giống.

- Cây màu các loại

+ Cây bắp: Vụ …: Trong tuần đã xuống giống/diện tích thu hoạch/sản lượng ước đạt ….. Lũy kế diện tích xuống giống/diện tích thu hoạch/sản lượng ước đạt …… tấn.

+ Cây rau, màu các loại: Vụ ……: Trong tuần đã xuống giống/diện tích thu hoạch/sản lượng ước đạt …. Lũy kế diện tích xuống giống/diện tích thu hoạch …, đạt 100% DTXG, năng suất bình quân ước đạt ….. tấn/ha, sản lượng ước đạt ….. tấn.

+ Đề án 01 triệu héc ta lúa chất lượng cao, phát thải thấp: Diện tích đã thực hiện các vụ trong năm là: …. ha/…. ha (đạt … so kế hoạch), diện tích áp dụng 03 tiêu chí (xiết nước 1–2 lần, giảm phân bón, giảm thuốc bảo vệ thực vật). Ngoài ra, diện tích đăng ký tham gia chi trả tín chỉ carbon từ quỹ TCAF là …. ha tại …. hợp tác xã cũng đang được theo dõi và thu thập thông tin kỹ thuật theo yêu cầu của Cục Trồng trọt.

- Cấp mã số vùng trồng: Đến nay toàn tỉnh có …. mã số, với tổng diện tích vùng trồng được cấp mã số là ….. Trong đó: lúa có …. mã số với diện tích … ha. Cây ăn trái có ….. mã số với diện tích …. ha. Rau màu (cây ớt, khoai lang, khoai môn, gừng, dưa các loại) có …. mã số vùng trồng với diện tích …. ha. Cây công nghiệp (cây hồ tiêu, cây sim) có …. mã với diện tích …. ha và … mã số cây dược liệu (cây chúc, kim ngân hoa) với diện tích …. ha. Có ….mã số cơ sở đóng gói như: ….; sang các thị trường ….

- Sản xuất và cung ứng giống:

+ Sản xuất lúa cấp siêu nguyên chủng (SNC), cấp nguyên chủng (NC), xác nhận 1 (XN1) và chất lượng cao (CLC): ……..

+ Trong tuần cung ứng được: cây giống ăn trái các loại .... và .... bao giá thể trồng cây; lúa giống các loại .... tấn; 7 gạo các loại ...; ....

1.2. Chăn nuôi: Tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh trong tuần từ ngày …. đến ngày …. như sau: …. con trâu, …. con bò, … con heo và … triệu con gia cầm.

Các hoạt động xây dựng Kế hoạch/dự án/đề án/Nghị quyết/quyết định….

1.3. Thủy sản

Trong tuần, tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản được …. tấn, lũy kế từ đầu năm đến nay … tấn, đạt …% so kế hoạch …. Trong đó: thủy sản khai thác … tấn, lũy kế từ đầu năm đến nay … tấn, đạt … % so kế hoạch … và thủy sản nuôi trồng được …. tấn, lũy kế từ đầu năm đến nay … tấn đạt …% so kế hoạch …

1.4. Lâm nghiệp

- Công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy rừng: …..

- Công tác quản lý sử dụng và phát triển rừng: …

- Công tác gây nuôi động vật hoang dã, kiểm tra, kiểm soát lâm sản: …

- Trong tuần, lực lượng Kiểm lâm … tiếp nhận …cá thể động vật hoang dã do người dân tự nguyện giao nộp.

1.5. Công tác thú y, khuyến nông, bảo vệ thực vật

- Công tác thú y: Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm và thủy sản:

Đơn vị đã tiếp tục giám sát, theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm, ….; Triển khai Tháng tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường phòng, chống các bệnh truyền nhiễm trên gia súc, gia cầm các đợt trong năm, …; Triển khai kế hoach tiêm phòng Dại các đợt trong năm; ….

- Công tác khuyến nông:

Phối hợp với các địa phương triển khai các mô hình, chương trình, dự án theo kế hoạch được phê duyệt như: Tiến độ thực hiện các mô hình trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản,…

- Bảo vệ thực vật: Tổng diện tích nhiễm SVGH trên của các vụ trong năm; Tổng diện tích nhiễm trên cây trồng khác trong năm; đã chỉ đạo cán bộ kỹ thuật hướng dẫn cách phòng trị bảo vệ mùa màng không để dịch bệnh lây lang diện rộng.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ chống khai thác IUU

- Công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát trên biển: đã kiểm tra …. Lũy kế từ đầu năm: …

- Công tác phối hợp thanh tra, kiểm tra, kiểm soát tại Cảng cá chỉ định: Lũy kế từ đầu năm đến nay số lượt số lượt tàu kiểm tra: …. lượt tàu số lượt tàu cập, rời cảng, trong đó: Tàu cá trên 24 mét 317 lượt; tàu cá từ 15 mét đến dưới 24 mét 495 lượt tàu; phát hiện …. tàu vi phạm.

- Quản lý tàu cá: Tổng số lượt tàu cá cập, rời Cảng là …. lượt, trong đó: Tắc Cậu … lượt, luỹ kế từ đầu năm .. lượt, An Thới .. lượt, luỹ kế từ đầu năm … lượt.

- Giám sát sản lượng tàu cá cập, rời Cảng: Tổng sản lượng thủy sản bốc dỡ qua Cảng là ….tấn, trong đó: Tắc Cậu sản lượng là …. tấn, luỹ kế từ đầu năm … tấn, An Thới sản lượng là … tấn, luỹ kế từ đầu năm …. tấn.

- Xử lý tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài: Trong tuần phát hành …thông báo với … tàu cá/…1 lượt tàu vượt ranh giới cho phép khai thác trên biển. Lũy kế từ đầu năm đến nay có phát hành … thông báo với … lượt/… tàu cá vượt ranh giới cho phép khai thác trên biển. Đã phát hành giấy mời và làm việc được … lượt/…. tàu, kết quả làm việc kiến nghị giải tỏa không xử lý … lượt/… tàu, tiếp tục phối hợp với chính quyền địa phương làm việc … lượt/… tàu còn lại.

- Thông báo tàu mất kết nối hành trình: Trong tuần phát hành … thông báo với …lượt/.. tàu mất tín hiệu kết nối trên biển. Lũy kế từ đầu năm đến nay phát hành … thông báo với … lượt/… tàu mất tín hiệu kết nối. Phòng Giám sát hành trình tàu cá đã tiến hành phát giấy mời và làm việc được … lượt/… tàu, qua làm việc lập biên bản VPHC ... lượt/… tàu về hành vi không thực hiện báo cáo vị trí về bờ trong .. giờ mỗi lần trong trường hợp thiết bị giám sát hành trình bị hỏng khi đang hoạt động với số tiền xử phạt …. đồng; giải tỏa không xử lý … lượt/… tàu.

3. Công tác xây dựng nông thôn mới; phát triển nông thôn và quản lý chất lượng; nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn.

3.1 Xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững:

3.2 Phát triển nông thôn:

3.3 Công tác quản lý chất lượng:

Trong tuần tiếp nhận … hồ sơ (tuần trước mang sang … hồ sơ, lũy kế … hồ sơ) đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, đơn vị đã tiến hành thẩm định … cơ sở (trong đó Giám đốc Sở ký cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cho … cơ sở, …. hồ sơ đang trình Giám đốc sở xem xét), còn lại … hồ sơ trong hạn giải quyết. Lũy kế từ đầu năm đến nay đã tiếp nhận … hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, đơn vi đã tiến hành thẩm định … cơ sở (trong đó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường ký cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cho … cơ sở; thông báo kết quả thẩm định điều kiện ATTP không đạt đối với …cơ sở, …. hồ sơ đang trình Giám đốc sở xem xét); còn lại … hồ sơ trong hạn giải quyết.

3.4 Chế biến và phát triển thị trường:

3.5 Nước sạch và VSMTNT:

Lượng nước sạch cấp cho khách hàng tại các HTCN trong tuần là: ... m3, lũy kế đạt: ... m3/... m3, đạt ...% kế hoạch năm ....

Lượng nước thô cấp cho khách hàng từ hồ chứa nước Dương Đông trong tuần: ... m3, lũy kế đạt... m3/... m3, đạt ... % kế hoạch năm.

Số khách hàng mới đưa vào cấp nước trong tuần: .... khách hàng, lũy kế: ... khách hàng/... khách hàng, đạt ...% kế hoạch năm.

4. Về giải ngân vốn đầu tư công

Tổng kế hoạch vốn được giao năm … là … triệu đồng để thực hiện … dự án, đến nay đã giải ngân được …. triệu đồng (đạt ….%).

5. Công tác thủy lợi, đê điều, PCTT

- Thủy lợi, đê điều: …

- Công tác phòng chống thiên tai: ….

- Trong tuần, trên địa bàn tỉnh xảy ra … vụ dông lốc ở …. Ước thiệt hại khoảng … triệu đồng. Lũy kế từ đầu năm … đến nay, xảy ra …. vụ mưa dông kèm lốc xoáy làm thiệt hại …. Ước thiệt hại …. tỷ đồng.

III. CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Lĩnh vực quản lý đất đai

1.1 Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

1.2 Tham mưu xây dựng bảng giá đất năm 2026

1.3 Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

1.4 Về giải quyết hồ sơ liên quan đến đất đai

- Hồ sơ giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, hồ sơ đề nghị chấp thuận cho nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư: Trong tuần nhận thêm ....hồ sơ mới; đã xử lý trả kết quả .... hồ sơ. Tổng số hồ sơ lũy kế đến nay cần xử lý là .... hồ sơ. Trong đó: .....

1.5 Giải quyết hồ sơ theo Nghị quyết 171/2024/NQ-QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội về thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất: ....

1.6 Thực hiện các nhiệm vụ liên quan APEC

1.7 Công tác số hóa và lưu trữ hồ sơ

- Số liệu đến ngày ...., tổng số hồ sơ lưu trữ toàn tỉnh .... hồ sơ, đã thực hiện số hóa .... hồ sơ, đạt tỷ lệ ...%. Số hồ sơ chưa số hóa ... hồ sơ, tỷ lệ ....%.

- Theo thống kê, trên hệ thống dịch vụ công, tỷ lệ hồ sơ số hoá đầu vào và số hoá đầu ra: Số hóa đầu vào: đạt ...% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận và số hóa đầu ra: đạt ....% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận.

1.8 Công tác đo đạc: Tổng số hồ sơ: …. hồ sơ (nhận mới trong tuần … hồ sơ, kỳ trước chuyển sang … hồ sơ): Tổng số đã giải quyết: … hồ sơ; đạt tỷ lệ: …% và hồ sơ đang xử lý: … hồ sơ; đạt tỷ lệ: …%, (trong đó đang thực hiện đúng hạn … hồ sơ; đang thực hiện trễ hạn … hồ sơ).

1.9 Công tác cơ sở dữ liệu đất đai:

2. Lĩnh vực khoáng sản và tài nguyên nước

2.1 Lĩnh vực khoáng sản:

- Trình UBND tỉnh xem xét: ....

- Đã trình UBND tỉnh ban hành: ...

- Trong kỳ, nhận ... hồ sơ mới (lũy kế đã tiếp nhận ... hồ sơ), trả ... hồ sơ (... hồ sơ đăng ký thu hồi khoáng sản; .... hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, ... hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; .... hồ sơ thăm dò bổ sung, ... hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép), đã xử lý ... hồ sơ (... hồ sơ cấp giấp phép khai thác, ... hồ sơ đóng cửa mỏ, ... hồ sơ thu hồi khoáng sản, ... hồ sơ cấp giấy phép thăm dò), ... hồ sơ rút lại, đang thực hiện .... hồ sơ, không có hồ sơ trễ hạn.

2.2 Tài nguyên nước:

- Công tác cấp phép và thu tiền cấp quyền hoạt động tài nguyên nước: Tổng số hồ sơ phải thực hiện là … hồ sơ thủ tục hành chính về tài nguyên nước (trong kỳ nhận mới … hồ sơ). Số hồ sơ đã trả kết quả trong kỳ là …. hồ sơ (hiện đang trễ .. hồ sơ, lũy kế số hồ sơ đã trả kết quả từ đầu năm đến nay là .. hồ sơ. Số hồ sơ còn phải tiếp tục thực hiện là …. hồ sơ.

3. Công tác biển và hải đảo

4. Về lĩnh vực bảo vệ môi trường

IV. CÔNG TÁC TỔ CHỨC NHÂN SỰ, CCHC

1. Công tác tổ chức và khen thưởng

2. Công tác CCHC

V. CÔNG TÁC PHÁP CHẾ

B. HẠN CHẾ, VƯỚNG MẮC

C. NHIỆM VỤ TUẦN .....

1. Về sản xuất nông, lâm, thủy sản

2. Về thực hiện nhiệm vụ chống khai thác IUU

3. Công tác xây dựng nông thôn mới; phát triển nông thôn và quản lý chất lượng; nước sạch và VSMT nông thôn

4. Về giải ngân vốn đầu tư công

5. Công tác thủy lợi, đê điều, PCTT

6. Lĩnh vực đất đai

7. Lĩnh vực khoáng sản và tài nguyên nước

8. Công tác biển và hải đảo

9. Về lĩnh vực bảo vệ môi trường

10. Công tác CCHC, tổ chức nhân sự

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ tuần ….. (đến ngày …/…/20….) của …../.

***Nơi nhận*:**
- …..;
- ….;
- …;
- ….;
- ….;
- ….;
- Lưu: …..,

Thủ trưởng đơn vị

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

PHỤ LỤC
SỐ LIỆU SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP - THUỶ SẢN
TUẦN ….NĂM 20….

	Đơn vị tính	Kế hoạch năm ... phấn đấu đạt ….%	Quý I/II/III/IV/năm ….	Ước thực hiện năm 20….		% So sánh
				Báo cáo tuần ….	Luỹ kế thực hiện năm 20…..	Lũy kế thực hiện năm 20... so với quý I/II/III/IV/ 20…
A	**B**	**1**	**2**	**3**	**4**	**5=4/2*100**
I. NÔNG, LÂM NGHIỆP - THUỶ SẢN						
1. Nông nghiệp *						
1.1. Trồng trọt						
1.1.1. Lúa						
- Diện tích gieo trồng	Ha					
- Diện tích thu hoạch	Ha					
- Năng suất	Tấn/Ha					
- Sản lượng (khô sạch)	Tấn					
a) Lúa Mùa						
- Diện tích gieo trồng	Ha					
- Diện tích thu hoạch	Ha					
- Năng suất	Tấn/Ha					
- Sản lượng (khô sạch)	Tấn					
b) Lúa Đông Xuân						
- Diện tích gieo trồng	Ha					
- Diện tích thu hoạch	Ha					
- Năng suất	Tấn/Ha					
- Sản lượng (khô sạch)	Tấn					
c) Lúa Hè Thu						
- Diện tích gieo trồng	Ha					
- Diện tích thu hoạch	Ha					
- Năng suất	Tấn/ha					
- Sản lượng lúa	Tấn					
1.2. Cây màu các loại cây trồng khác						
a) Cây bắp						
+ Diện tích gieo trồng	Ha					
+ Diện tích thu hoạch	Ha					
+ Năng suất thu hoạch	Tấn/ha					
+ Sản lượng thu hoạch	Tấn					
1.3. Cây rau, màu các loại						

a) Rau, màu các loại						
+ Diện tích gieo trồng	Ha					
+ Diện tích thu hoạch	Ha					
+ Năng suất thu hoạch	Tấn/ha					
+ Sản lượng thu hoạch	Tấn					
2. Chăn nuôi *(số đầu con tại thời điểm.....)*						
- Đàn Trâu	Con					
- Đàn Bò	Con					
- Đàn heo	Con					
- Đàn gia cầm	1000 con					
- Tổng sản lượng trứng gia cầm	1000 trứng					
Trong đó: + Đàn gà	Con					
'+ Đàn vịt	Con					
- Nuôi yến sào	Tấn					
4. Thủy sản						
*** Tổng sản lượng thuỷ sản**	**Tấn**					
Chia ra:						
4.1. Sản lượng thuỷ sản khai thác	**Tấn**					
- Cá các loại	Tấn					
- Tôm	Tấn					
- Thủy sản khác	Tấn					
- Mực	Tấn					
4.2. Sản lượng nuôi thuỷ sản	**Tấn**					
- Tổng diện tích nuôi cá các loại	Ha					
- Sản lượng cá các loại	Tấn					
Trong đó:						
+ Tổng diện tích nuôi cá tra	Ha					
+ Sản lượng cá tra	Tấn					
+ Tổng diện tích nuôi cá lóc	Ha					
+ Sản lượng cá lóc	Tấn					
+ Tổng diện tích nuôi cá rô phi	Ha					
+ Sản lượng cá rô phi	Tấn					

- Tổng diện tích nuôi Tôm	Ha					
- Sản lượng Tôm	Tấn					
Trong đó:						
+ Tổng diện tích nuôi Thẻ chân trắng	Ha					
+ Sản lượng Thẻ chân trắng	Tấn					
+ Tổng diện tích nuôi Tôm sú	Ha					
+ Sản lượng Tôm sú	Tấn					
- Tổng sản lượng nuôi biển	Tấn					
Trong đó:						
+ Tổng diện tích nuôi cá lồng biển	Lồng					
+ Sản lượng nuôi cá lồng biển	Tấn					
+ Tổng diện tích nuôi nhuyễn thể	Ha					
+ Sản lượng nuôi nhuyễn thể	Tấn					
- Tổng diện tích nuôi cua biển	Ha					
- Sản lượng nuôi cua biển	Tấn					
- Tổng diện tích nuôi ngọc trai	Ha					
- Sản lượng ngọc trai	1.000 viên					

Biểu mẫu số 88

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…..	*……, ngày tháng năm 20….*

ĐỀ CƯƠNG
Báo cáo kết quả tình hình hình thực hiện nhiệm vụ tháng/quý/năm và phương hướng nhiệm vụ tháng/quý/năm của ngành nông nghiệp và môi trường

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÁNG/QUÝ/NĂM……

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ

1. Công tác chỉ đạo và điều hành

2. Công tác tổ chức, quản lý

2.1. Công tác tổ chức bộ máy

2.2. Công tác cải cách hành chính

2.3. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

2.4. Thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân thường xuyên, định kỳ và đột xuất theo quy định

2.5. Công tác theo dõi việc thực hiện các Kết luận thanh tra, kiểm toán cấp trên

II. MỘT SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VỀ CÁC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Lĩnh vực nông, lâm, thuỷ sản và phát triển nông thôn

1.1. Trồng trọt

1.1.1. Cây lúa

1.1.2. Cây rau màu các loại

a. Cây bắp

b. Cây rau các loại

c. Cây dược liệu, hoa, cây cảnh và cỏ làm thức ăn gia súc

1.3. Cây ăn quả và cây công nghiệp

a. Cây ăn quả

b. Cây công nghiệp

1.2. Chăn nuôi và thú y

1.3. Khai thác, nuôi trồng thủy sản, kiểm ngư, phòng, chống IUU

1.3.1. Khai thác, nuôi trồng thủy sản

1.3.2. Tình hình quản lý khai thác thủy sản:

- Đăng ký tàu cá:

- Cấp giấy phép khai thác thủy sản (KTTS):

1.3.3. Công tác Kiểm ngư, phòng, chống IUU

a) Tuần tra kiểm tra và xử lý vi phạm trên biển

b) Công tác phối hợp

c) Tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài

d) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức thực hiện

e) Rà soát lại các số liệu trên phần mềm quốc gia về xử phạt hành chính trong lĩnh vực khai thác thủy sản

1.3.4. Công tác quản lý hệ thống giám sát tàu cá

a) Lắp thiết bị giám sát hành trình

b) Tàu cá vượt ranh giới trên biển

c) Tàu cá mất tín hiệu kết nối trên biển

d) Tàu cá có dấu hiệu, nguy cơ cao khai thác IUU: Trong tháng không phát sinh.

1.3.5. Công tác xử lý qua hệ thống giám sát tàu cá

a) Tàu cá mất tín hiệu kết nối trên biển

b) Tàu cá vượt ranh giới vùng được phép KTTS trên biển: Trong tháng không phát sinh.

1.4. Lâm nghiệp

a) Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Kiểm lâm đối với các dự án phục vụ Hội nghị APEC 2027, cụ thể:

b) Công tác quản lý bảo vệ rừng, điều tra, xử lý vi phạm:

c) Công tác điều tra, xử lý vi phạm:

d) Tình hình cháy rừng:

e) Công tác phối hợp Hải quan kiểm tra gỗ nhập khẩu: **.**

1.5. Công tác nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

- Sản lượng nước sạch cấp cho khách hàng tại các hệ thống cấp nước (HTCN) trong tháng….. m^3, lũy kế: ……. m^3, đạt …….. % kế hoạch.

- Sản lượng nước thô cấp cho khách hàng từ hồ chứa nước Dương Đông trong tháng ……. m^3, lũy kế: ……. m^3, đạt …….. % kế hoạch.

- Tỷ lệ hao hụt bình quân tại ….. HTCN trong tháng ……. %.

- Tổng số HTCN, hồ nước đang quản lý: ……. HTCN và ….. hồ chứa nước. Tổng số đồng hồ đang quản lý: ……. đồng hồ.

- Số khách hàng mới đưa vào cấp nước trong tháng: 2.246 khách hàng, lũy kế: 4.302/5.000 khách hàng, đạt 86,04% kế hoạch năm.

1.6. Công tác thủy lợi và đê điều, ứng phó với BĐKH, phòng chống thiên tai

1.6.1. Công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi

1.6.2. Công tác đê điều

1.6.3. Công tác phòng chống thiên tai

1.6.4. Tình hình thiệt hại do thiên tai đến nay

1.7. Công tác khuyến nông

Kết quả triển khai các mô hình, đề án, dự án: Trong kỳ báo cáo…..

- Trong tháng…. 2026 ngành đã tích cực thông tin tuyên truyền chương trình khuyến nông, cụ thể:…….

- Lĩnh vực thông tin tuyên truyền

+ Chuyên mục nông nghiệp, nông thôn trên sóng truyền hình:

+ Trên Kênh Youtube Khuyến nông An Giang:

+ Trang website Khuyến nông:

1.8. Công tác cũng cố, phát triển mới HTX, THT

1.9. Công tác ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật và liên kết sản xuất

1.9.1. Sản xuất giống cây trồng và vật nuôi

1.9.2. Kết quả chuyển giao ứng dụng KHCN

1.10. Kết quả triển khai Đề án 01 triệu héc ta lúa chất lượng cao, phát thải thấp

1.11. Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm".

1.11.1. Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững

1.11.2. Kết quả giải ngân kế hoạch vốn thực hiện 02 Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đến ngày 31 tháng 01 năm 2026

a) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Tổng kết quả giải ngân các nguồn vốn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là……đồng, (đạt ……%) trong đó:

- Kết quả giải ngân nguồn vốn đầu tư thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là…….đồng, (đạt ……%).

- Kết quả giải ngân nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là…….đồng, (đạt ……%).

b) Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:

Tổng kết quả giải ngân các nguồn vốn thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là…… đồng, (đạt …….%), trong đó:

- Kết quả giải ngân vốn đầu tư thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là ……đồng, (đạt …….0%).

- Kết quả giải ngân nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là: …… đồng, (đạt …….%).

1.11.3. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

1.12. Công tác quản lý chất lượng

a) Chương trình giám sát dư lượng các độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi

b) Chương trình giám sát vệ sinh, ATTP trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ (theo Thông tư số 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/10/2015)

c) Công tác thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP

d) Công tác tiếp nhận hồ sơ tự công bố, công bố hợp quy của cơ sở sản xuất kinh doanh

e) Việc cấp, cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS):

1.12. Đề án "Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh

2. Công tác chuyên ngành

2.1. Tình hình sinh vật gây hại trên cây trồng (SVGH)

- Tổng diện tích nhiễm SVGH trên lúa…..ha *(đạt ……. ha so với tháng trước).*

- Tổng diện tích nhiễm trên cây trồng khác ……. ha (*đạt* ..... ha so với tháng trước).

2.2. Tình hình dịch bệnh và công tác phòng chống dịch bệnh trong chăn nuôi

a) Tình hình dịch bệnh

b) Công tác phòng bệnh trên gia súc, gia cầm

c) Công tác phòng bệnh trên thủy sản

3. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường

3.1. Lĩnh vực quản lý đất đai; đo đạc, bản đồ và viễn thám

a) Lĩnh vực quản lý đất đai.

b) Lĩnh vực đo đạc.

c) Lĩnh vực bản đồ và viễn thám.

3.2. Lĩnh vực bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu

3.2.1 Lĩnh vực bảo vệ môi trường

3.2.2. Lĩnh vực biến đổi khí hậu

3.3. Lĩnh vực khoáng sản và tài nguyên nước

3.3.1. Triển khai thực hiện các dự án, nhiệm vụ về khoáng sản

Tham mưu UBND tỉnh ban hành, phê duyệt hoặc xem xét các nội dung thuộc lĩnh

3.3.2. Cấp phép khai thác khoáng sản

3.3.3. Triển khai thực hiện các dự án, nhiệm vụ tài nguyên nước

3.3.4. Công tác cấp phép và thu tiền cấp quyền hoạt động tài nguyên nước

3.4. Lĩnh vực biển và hải đảo

3.4.1. Công tác quản lý khai thác sử dụng tài nguyên biển và hải đảo

3.4.2. Kinh tế biển

3.4.3. Công tác ứng phó sự cố tràn dầu

4. Về giải ngân vốn đầu tư công

Tổng kế hoạch vốn được giao năm….. là …… đồng, đến nay đã giải ngân ……. đồng (đạt ……..%).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được.

2. Hạn chế, khó khăn.

3. Nguyên nhân hạn chế, khó khăn.

Phần thứ hai
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THÁNG/QUÝ/ NĂM.....

I. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số:

2. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

3. Công tác khác

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ CÁC LĨNH VỰC CHUYÊN NGÀNH

1. Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

1.1. Về sản xuất lúa

1.2. Về Chăn nuôi và Thú y

1.3. Về phát triển Lâm nghiệp

1.4. Về khai thác và nuôi trồng thủy sản

1.5. Công tác triển khai Chương trình nông thôn mới; Giảm nghèo bền vững và Chương trình OCOP

1.6. Công tác thủy lợi, nước sạch và phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn

1.7. Lĩnh vực phát triển nông thôn

2. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường

2.1. Lĩnh vực quản lý đất đai; đo đạc, bản đồ và viễn thám

2.2. Lĩnh vực bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu

2.3. Lĩnh vực Khoáng sản và Tài nguyên nước

2.4. Lĩnh vực biển và hải đảo

III. Đề xuất và kiến nghị

Nơi nhận:
- Bộ NN và MT (Vụ Kế hoạch - Tài chính);
- VP. Tỉnh ủy; VP. UBND tỉnh;
- Thống kê tỉnh, Sở Tài chính;
- GĐ và Các PGĐ Sở;
- Các phòng và đơn vị trực thuộc Sở;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 1
CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm…...		Kế hoạch năm...	Thực hiện năm….....		Thực hiện tháng/quý năm …. so với thực hiện tháng/quý năm …. (%)	Lũy kế thực hiện năm …. so với lũy kế thực hiện năm…. (%)	Lũy kế thực hiện đến nay so với Kế hoạch năm …... (%)
			Thực hiện năm …	Thực hiện tháng/quý năm …...		Thực hiện tháng/quý/ năm	Lũy kế thực hiện đến nay			
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4/2*	*7=5/2*	*8=5/3*
A	SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, THỦY SẢN									
I	NÔNG NGHIỆP									
1	Trồng trọt									
1.1	*Cây lúa*									
	- Diện tích	Ha								
	- Năng suất	Tấn/ ha								
	- Sản lượng	Tấn								
	Trong đó : Sản lượng lúa chất lượng cao	Tấn								

	Tỷ lệ lúa chất lượng cao	%								
*	*Chia ra từng vụ*									
	Vụ Mùa									
	- Diện tích	Ha								
	- Năng suất	Tấn/ ha								
	- Sản lượng	Tấn								
	Vụ Đông Xuân									
	- Diện tích	Ha								
	- Năng suất	Tấn/ ha								
	- Sản lượng	Tấn								
	Vụ Hè Thu									
	- Diện tích	Ha								
	- Năng suất	Tấn/ ha								
	- Sản lượng	Tấn								
	Vụ Thu Đông									
	- Diện tích	Ha								
	- Năng suất	Tấn/ ha								
	- Sản lượng	Tấn								
1.2	*Cây rau, màu các loại*									
	- Tổng diện tích	Ha								
	- Tổng sản lượng	Tấn								

	Cây bắp									
	- Diện tích	Ha								
	- Năng suất	Tấn/ ha								
	- Sản lượng	Tấn								
	Cây rau, màu khác									
	- Diện tích	Ha								
	- Năng suất	Tấn/ ha								
	- Sản lượng	Tấn								
1.3	*Cây ăn quả, cây công nghiệp các loại*									
	- Tổng diện tích	Ha								
	- Tổng sản lượng	Tấn								
	Cây ăn quả các loại									
	- Tổng diện tích	Ha								
	- Tổng sản lượng	Tấn								
	Cây công nghiệp các loại									
	- Tổng diện tích	Ha								
	- Tổng sản lượng	Tấn								
2	Chăn nuôi									
	Đàn trâu	Con								
	Đàn bò	Con								
	Đàn heo	Con								

	Đàn gia cầm	1.000 con								
	Tổng sản lượng trứng gia cầm	1.000 trứng								
	Nuôi yến sào	Tấn								
II	LÂM NGHIỆP									
1	Diện tích đất lâm nghiệp có rừng	Ha								
2	Tỷ lệ che phủ rừng	%								
3	Diện tích rừng trồng mới	Ha								
4	Sản lượng gỗ khai thác	m^3								
III	THỦY SẢN									
*	Tổng sản lượng thuỷ sản	Tấn								
1	Sản lượng khai thác	Tấn								
	- Cá các loại	Tấn								
	- Tôm các loại	Tấn								
	- Thủy sản khác	Tấn								
	+ TĐ: Mực	Tấn								
2	Nuôi trồng thủy sản									
	Tổng lượt diện tích	Ha								
	Tổng sản lượng nuôi trồng	Tấn								
	- Sản lượng cá	Tấn								
	Trong đó:									
	+ Sản lượng cá nuôi lồng bè (biển)	Tấn								

	+ Sản lượng cá tra	Tấn								
	- Sản lượng tôm	Tấn								
	- Thủy sản khác	Tấn								
	Trong đó									
	+ Sản lượng nhuyễn thể	Tấn								
	+ Sản lượng cua biển	Tấn								
B	CHỈ TIÊU XÃ HỘI									
1	Tỷ lệ nghèo đa chiều	%								
	Giảm tỷ lệ nghèo đa chiều	Điểm %								
2	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%								
	Trong đó:									
	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%								
3	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	%								
	Trong đó:									
	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại	%								
C	CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG									
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%								

2	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%								
3	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%								

PHỤ LỤC 2
CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, KẾ HOẠCH TRỌNG TÂM CỦA NGÀNH

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Kết quả/ Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Tiến độ, kết quả thực hiện	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
5						

Biểu mẫu số 89

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	***……., ngày … tháng … năm 20 …***

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Tình hình thực hiện nhiệm vụ 06 tháng đầu năm .....
và phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm .....

Căn cứ Công văn số ..... ngày .... tháng ... năm .....

Sở Xây dựng báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 06 tháng đầu năm ..... với các nội dung cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

I. Công tác quản lý Quy hoạch, kiến trúc và phát triển đô thị:

1. Về quy hoạch xây dựng

2. Về cấp phép xây dựng

3. Về phát triển đô thị

II. Công tác phát triển nhà, thị trường bất động sản và Hạ tầng kỹ thuật:

1. Về phát triển nhà

2. Về Thị trường bất động sản

3. Về Hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Về cấp, thoát nước

b) Quản lý cây xanh đô thị

c) Quản lý chất thải rắn

d) Về Vật liệu xây dựng

III. Về hoạt động đầu tư xây dựng:

1. Công tác Quản lý xây dựng:

- Công tác hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng:

- Công tác thẩm định dự án đầu tư (theo Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ):

+ Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: ...dự án

+ Thẩm định dự án đầu tư xây dựng: ... dự án + Thẩm định thiết kế cơ sở: ..... dự án

2. Công tác quản lý Kinh tế xây dựng

- Công tác quản lý và cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của tổ chức và cá nhân

- Công tác thẩm định dự toán thiết bị các công trình xây dựng

- Công bố chỉ số giá xây dựng

3. Công tác Giám định xây dựng:

a) Thẩm định thiết kế, dự toán công trình, hạng mục công trình

b) Về quản lý chất lượng công trình xây dựng:

Kiểm tra công tác nghiệm thu tổng số .....lượt kiểm tra (trong đó có ..... công

trình hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng)

- Xác định chi phí bồi hoàn (theo Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang), số lượng ..... công trình.

c) Công việc thường xuyên khác.....

IV. Công tác Thanh tra xây dựng

1. Về công tác thanh tra

2. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

V. Các mặt công tác khác:

.....

B. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

I. Khó khăn, vướng mắc:

.....

II. Giải pháp khắc phục:

.....

III. Đề xuất, kiến nghị:

.....

C. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG 06 THÁNG CUỐI NĂM.....:

I. Công tác quản lý Quy hoạch, kiến trúc và phát triển đô thị:

1. Về quy hoạch xây dựng

2. Về cấp phép xây dựng

3. Về phát triển đô thị

II. Công tác Phát triển nhà, thị trường bất động sản và Hạ tầng kỹ thuật đô thị:

1. Về phát triển nhà

2. Về thị trường bất động sản

2. Về Hạ tầng kỹ thuật đô thị:

III. Công tác quản lý Kinh tế xây dựng - Quản lý xây dựng:

1. Về quản lý Kinh tế xây dựng

2. Về Quản lý xây dựng

V. Công tác Giám định xây dựng:

IV. Công tác Thanh tra xây dựng:

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong 06 tháng đầu năm ..... và phương hướng nhiệm vụ thực hiện 06 tháng cuối năm ..... của Sở Xây dựng./.

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
.....
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Biểu mẫu số 90

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Tình hình thực hiện nhiệm vụ năm ..... và xây dựng kế hoạch năm ..... của Sở Xây dựng tỉnh An Giang

Căn cứ Công văn số ..... ngày ..../.../.....

Sở Xây dựng tỉnh An Giang báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm ....., với các nội dung như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM .....

I. Về quy hoạch xây dựng, kiến trúc và phát triển đô thị

- Về quy hoạch xây dựng

- Về cấp phép xây dựng

- Về phát triển đô thị

II. Về Quản lý nhà, thị trường bất động sản và Hạ tầng kỹ thuật:

1. Phát triển Nhà ở

2. Thị trường bất động sản

3. Về Hạ tầng kỹ thuật

III. Về hoạt động đầu tư xây dựng:

1. Công tác Quản lý xây dựng:

- Công tác hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng:

- Công tác thẩm định dự án đầu tư (theo Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ):

+ Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: ...dự án

+ Thẩm định dự án đầu tư xây dựng: ... dự án + Thẩm định thiết kế cơ sở: ..... dự án

2. Công tác quản lý Kinh tế xây dựng

- Công tác quản lý và cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của tổ chức và cá nhân

- Công tác thẩm định dự toán thiết bị các công trình xây dựng

- Công bố chỉ số giá xây dựng

3. Công tác Giám định xây dựng:

a) Thẩm định thiết kế, dự toán công trình, hạng mục công trình

b) Về quản lý chất lượng công trình xây dựng:

Kiểm tra công tác nghiệm thu tổng số .....lượt kiểm tra (trong đó có ..... công

trình hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng)

- Xác định chi phí bồi hoàn (theo Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang), số lượng ..... công trình.

c) Công việc thường xuyên khác.....

IV. Về Thanh tra xây dựng

1. Về công tác thanh tra:

- Thanh tra hành chính

- Thanh tra chuyên ngành

- Công tác Kiểm tra chuyên ngành

- Kiểm tra đột xuất (nếu có)

2. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

3. Công tác phòng chống tham nhũng

B. VƯỚNG MẮC, KHÓ KHĂN, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. Vướng mắc, khó khăn

II. Đề xuất, kiến nghị

C. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM.....

I. Công tác quản lý Quy hoạch, kiến trúc và phát triển đô thị:

1. Về quy hoạch xây dựng

2. Về cấp phép xây dựng

3. Về phát triển đô thị

II. Công tác Phát triển nhà, thị trường bất động sản và Hạ tầng kỹ thuật đô thị:

1. Về phát triển nhà

2. Về thị trường bất động sản

2. Về Hạ tầng kỹ thuật đô thị:

III. Công tác quản lý Kinh tế xây dựng - Quản lý xây dựng:

1. Về quản lý Kinh tế xây dựng

2. Về Quản lý xây dựng

V. Công tác Giám định xây dựng:

IV. Công tác Thanh tra xây dựng:

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm ..... và xây dựng kế hoạch năm ..... của Sở Xây dựng tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Biểu mẫu số 91

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH PHÂN BỔ, GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM ….. VÀ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

I. TÌNH HÌNH PHÂN BỔ, GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (NSNN) NĂM 20…

1. Tình hình phân bổ kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 20…

Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 20… được Hội đồng nhân dân tỉnh giao là.... tỷ đồng. Đến nay các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã đã phân bổ chi tiết.... tỷ đồng, số vốn chưa phân bổ là .... tỷ đồng (chi tiết theo từng nguồn vốn). Nguyên nhân chưa phân bổ chi tiết số vốn .... tỷ đồng là do: (i).... (ii).... (iii)....

2. Tình hình giải ngân kế hoạch đầu tư vồn NSNN năm ……..

Báo cáo tình hình giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 20…; chi tiết tình hình triển khai các dự án đầu tư vốn ngân sách trung ương đang triển khai trong năm 20…; chi tiết tình hình triển khai các dự án đầu tư vốn ngân sách địa phương (có tổng mức đầu tư trên 100 tỷ đồng) đang triển khai trong năm 20….

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Báo cáo cụ thể các khó khăn, vướng mắc theo từng nội dung:

- Về thể chế: đề nghị nêu rõ vướng mắc tại quy định của Luật, Nghị định, Thông tư nào và các văn bản nào hướng dẫn có liên quan (chi tiết từng Điểm, Khoản, Điều).

- Về tổ chức thực hiện: chỉ rõ vướng mắc ở giai đoạn nào trong quy trình triển khai dự án (đề xuất đầu tư, chuẩn bị đầu tư, quyết định đầu tư, đền bù, giải phóng mặt bằng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phê duyệt đấu thầu, thi công xây lắp, nghiệm thu, thanh toán....), thẩm quyền tháo gỡ, xử lý vướng mắc này.

- Phân tích nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư công bao gồm các nguyên nhân chủ quan, khách quan: trong từng giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thẩm định, phê duyệt dự toán và thực

hiện dự án; công tác giám sát, đánh giá; công tác nghiệm thu, thanh toán, quyết toán,., trong đó làm rõ trách nhiệm của từng đơn vị trong nội bộ, từng cơ quan, đơn vị khác trong quá trình phối hợp xử lý các phát sinh vướng mắc thực hiện dự án đầu tư công.

III. KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Biểu mẫu số 92

Tên cơ quan cấp trên **Tên cơ quan báo cáo**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- …..	*……, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

BÁO CÁO
Phục vụ họp của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh với Lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính.

Căn cứ …

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRONG THÁNG:

1. Tình hình giải ngân vốn năm …..:

- Tổng số dự án đang thực hiện theo kế hoạch được giao năm 20… … dự án.

- Tổng nguồn vốn bố trí năm ….. là …….. triệu đồng (giao đầu năm theo Quyết định …./QĐ-UBND ngày …/…/…..), trong đó: Ngân sách địa phương …… triệu đồng; Ngân sách trung ương …… triệu đồng.

- Tổng nguồn vốn bố trí năm …… là ……. triệu đồng (điều chỉnh đợt 3 theo Quyết định …/QĐ-UBND ngày …/…./…….trong đó: Ngân sách địa phương …… triệu đồng; Ngân sách trung ương ….. triệu đồng.

ĐVT: Triệu đồng

Stt	**Nguồn vốn**	**KHV năm 2025**	**Tổng giải ngân đến kỳ trước**	**Tổng giải ngân trong tuần này**	**Tổng giải ngân từ năm đến kỳ báo cáo**		**Ghi chú**
					Giá trị	**Tỷ lệ**	
	Tổng						
1	Ngân sách Trung ương						
2	Ngân sách địa phương						

2. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm:

(1). Dự án ……

- Tổng mức đầu tư là …….. triệu đồng

- Thời gian thực hiện từ năm …… đến …...

a) Tiến độ giải ngân:

- Kế hoạch vốn được cấp năm ……: ….triệu đồng.

- Tiến độ giải ngân đến thời điểm báo cáo: … triệu đồng, đạt ……%.

- Thi công công trình: Gói thầu xây lắp ….. triệu đồng. Giá trị thực hiện …… đạt …….% giá trị hợp đồng. Giá trị giải ngân ….. triệu đồng. Thời gian hoàn thành dự kiến …/…../……

c) Khó khăn:

d) Kiến nghị:

(2) Dự án ……

- Tổng mức đầu tư là …….. triệu đồng

- Thời gian thực hiện từ năm …… đến …...

a) Tiến độ giải ngân:

- Kế hoạch vốn được cấp năm ……: ….triệu đồng.

- Tiến độ giải ngân đến thời điểm báo cáo: … triệu đồng, đạt ……%.

- Thi công công trình: Gói thầu xây lắp ….. triệu đồng. Giá trị thực hiện …… đạt …….% giá trị hợp đồng. Giá trị giải ngân ….. triệu đồng. Thời gian hoàn thành dự kiến …/…../……

c) Khó khăn:

d) Kiến nghị:

……..

II. DỰ KIẾN THỰC HIỆN THÁNG SAU:

(1) Dự án …

(2) Dự án …

……

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT LUẬN CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH TẠI CUỘC HỌP:

1. Nhiệm vụ thực hiện theo Thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh trong tuần:

…

2. Kiến nghị chung: …….

Trên đây là báo cáo của Sở Xây dựng về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công./.

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
- Lưu: ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)